

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG**

**HỒ THẾ VINH**

**ĐÁNH GIÁ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC  
VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG THÁP CHĂM NHĂM  
PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẢO TỒN**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI, 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG**

**HỒ THẾ VINH**

**ĐÁNH GIÁ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC  
VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG THÁP CHĂM NHĂM  
PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẢO TỒN**

**Chuyên ngành : Kiến trúc  
Mã số : 9580101**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
GVHD 1: GS – TS. PHẠM ĐÌNH VIỆT  
GVHD 2: PGS – TS. NGUYỄN VĂN ĐỈNH**

**Hà Nội, Năm 2018**

## LỜI CẢM ƠN

Luận Án này được hoàn thành nhờ sự cung cấp thông tin, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý và cá nhân của những gia đình sở hữu các kiến trúc kể trên. Vì vậy tôi xin chân thành cảm ơn các giảng viên hướng dẫn, các chuyên gia, các cơ quan đã giúp đỡ thông tin trong quá trình đi khảo sát, điền dã..!

Tác giả luận án

Hồ Thế Vinh

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.  
Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

GVHD

Tác giả luận án

GS.TS Phạm Đình Việt

Hồ Thế Vinh

# MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC BẢNG

|  |    |
|--|----|
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....  | 1  |
| 1. Đặt vấn đề - Lý do chọn đề tài.....   | 1  |
| 2. Mục tiêu - Ý nghĩa nghiên cứu.....  | 2  |
| 3. Đối tượng - Phạm vi – giới hạn nghiên cứu.....  | 2  |
| 4. Phương pháp nghiên cứu .....  | 3  |
| <b>Chương 1. TỔNG QUAN THÁP CHĂM – DẤU ẤN VĂN HÓA ĐẶC SẮC<br/>CỦA DÂN TỘC CHĂM TRÊN DÃ ĐẤT MIỀN TRUNG VIỆT NAM</b> ..... | 4  |
| 1.1. Khái quát nhà nước Chăm pa (TK IV – XVII).....  | 4  |
| 1.2. Thực trạng tồn tại các Tháp Chăm hiện nay .....   | 8  |
| 1.3. Tổng quan về công tác bảo tồn các Tháp Chăm.....  | 14 |
| 1.4. Tổng quan về các công trình nghiên cứu tháp Chăm.....   | 16 |
| 1.4.1. Những nghiên cứu tổng quan.....   | 16 |
| 1.4.2. Những nghiên cứu trên các kiến trúc đền tháp.....   | 18 |
| 1.4.3. Đánh giá chung về các nghiên cứu.....   | 24 |
| 1.5. Những vấn đề tồn tại trong nghiên cứu – bảo tồn tháp Chăm và hướng nghiên<br>cứu đặt ra của tác giả .....           | 25 |
| 1.6. Tiểu kết.....   | 27 |
| <b>Chương 2. CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ ĐÁNH GIÁ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC<br/>VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG THÁP CHĂM</b> .....                | 29 |
| 2.1. Các cơ sở pháp lý .....   | 29 |
| 2.2. Hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá trị di sản.....   | 32 |
| 2.2.1. Phân cấp di tích.....   | 32 |

|   |    |
|---|----|
| 2.2.2. Khu vực bảo vệ.....  | 34 |
| 2.2.3. Tiêu chí bảo tồn của UNESCO.....   | 34 |
| 2.3. Cơ sở về lịch sử - tự nhiên và văn hóa - xã hội.....   | 35 |
| 2.3.1. Các yếu tố tự nhiên.....   | 35 |
| 2.3.2. Yếu tố chính trị - lịch sử .....   | 36 |
| 2.3.3. Đặc điểm về kinh tế - văn hóa - xã hội và tín ngưỡng.....                                    | 40 |
| 2.3.3.1. Đặc điểm kinh tế.....  | 40 |
| 2.3.3.2. Đặc điểm văn hóa.....  | 41 |
| 2.3.3.3. Đặc điểm tín ngưỡng .....  | 43 |
| 2.4. Cơ sở về công nghệ xây dựng .....  | 45 |
| 2.4.1. Vật liệu xây dựng - Gạch.....  | 45 |
| 2.4.1.1 Các loại vật liệu .....   | 45 |
| 2.4.1.2 Vật liệu gạch .....   | 46 |
| 2.4.2. Chất kết dính.....   | 57 |
| 2.4.3. Kỹ thuật xây dựng không chất kết dính .....  | 61 |
| 2.5. Cơ sở quy hoạch và kiến trúc .....   | 63 |
| 2.5.1. Quy hoạch .....  | 63 |
| 2.5.2. Kiến trúc .....  | 66 |
| 2.5.2.1 Hình thức Kiến trúc.....  | 66 |
| 2.5.2.2. Giải pháp sử dụng vòm cuốn, gá ghép vật liệu và hệ thống kết cấu móng .....                | 69 |
| 2.6. Cơ sở về nghệ thuật trang trí.....   | 84 |
| 2.6.1. Các loại hình trang trí.....   | 84 |
| 2.6.2. Phương thức thể hiện trang trí trên các công trình kiến trúc .....                           | 88 |
| 2.7. Cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo tồn và trùng tu các công trình kiến trúc đền tháp Chăm ..... | 94 |
| 2.7.1. Cơ sở lý luận .....  | 94 |
| 2.7.2. Cơ sở thực tiễn.....   | 99 |

### **Chương 3. ĐỀ XUẤT VỀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN**

|  |     |
|--|-----|
| <b>THÁP CHĂM HIỆN NAY</b> .....  | 104 |
| 3.1. Đánh giá các giá trị trong nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng Tháp .....   | 104 |
| 3.1.1. Những giá trị chung trong nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng Tháp.....   | 104 |
| 3.1.2. Đánh giá các giá trị riêng cho từng Tháp và cụm Tháp tại khu vực<br>nghiên cứu .....  | 106 |
| 3.2. Những nhận định có tính chuyên khảo của Luận Án về phương pháp xây dựng<br>Tháp của người Chăm .....                                | 106 |
| 3.3. Các giải pháp cho việc bảo tồn - tu bổ Tháp trên cơ sở vận dụng những nhận định<br>về phương pháp xây dựng Tháp của người Chăm..... | 112 |
| 3.3.1. Nguyên tắc chung.....   | 112 |
| 3.3.2. Nguyên tắc đặc thù cho các Tháp Chăm.....   | 116 |
| 3.3.2.1. Việc quy hoạch.....   | 116 |
| 3.3.2.2. Việc can thiệp .....  | 116 |
| 3.3.2.3. Các phương pháp và kỹ thuật truyền thống.....   | 117 |
| 3.3.3. Giải pháp thực hiện .....   | 118 |
| 3.3.3.1. Đề xuất giải pháp bảo tồn không gian tổng thể cho từng Tháp .   | 118 |
| 3.3.3.2. Giải pháp tu bổ đề xuất.....  | 121 |
| 3.3.3.3. Phục dựng .....   | 124 |
| 3.3.4. Đề xuất tổ chức quản lý thực hiện .....   | 126 |
| 3.3.5. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu .....  | 130 |
| 3.3.5.1. Về nhận định kỹ thuật xây dựng Tháp .....   | 130 |
| 3.3.5.2. Về các giải pháp tu bổ - trùng tu.....  | 132 |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....   | 140 |
| <b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ</b>  | 145 |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....  | 146 |
| <b>PHỤ LỤC</b>   |     |

## **DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG BẢO TỒN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

- + Bảo tồn di tích:** là những hoạt động nhằm bảo đảm sự tồn tại lâu dài, ổn định của di tích để sử dụng và phát huy giá trị của di tích đó.
- + Tu bổ di tích :** là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nối, vá, gắn, chắp, gia cố, gia cường, sửa chữa, thay thế cấu kiện, bộ phận của di tích nhằm bảo đảm sự bền vững và ổn định của các yếu tố gốc cấu thành di tích, tổng thể di tích và cảnh quan môi trường của di tích.
- + Yếu tố gốc cấu thành di tích :** là yếu tố có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
- + Hạ giải di tích:** là hoạt động tháo rời cấu kiện tạo thành kiến trúc của một di tích nhằm mục đích tu bổ di tích hoặc di chuyển cấu kiện đến một nơi khác để lắp dựng lại mà vẫn giữ gìn tối đa sự nguyên vẹn các cấu kiện đó.
- + Gia cố, gia cường di tích:** là biện pháp làm tăng sự bền vững và ổn định của di tích hoặc các bộ phận của di tích.
- + Phục chế di tích:** là hoạt động tạo ra sản phẩm mới theo nguyên mẫu về chất liệu, hình thức và kỹ thuật để thay thế thành phần bị hư hỏng, bị mất của di tích.



- + Tôn tạo di tích:** là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.
- + Tu sửa cấp thiết di tích:** là hoạt động chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời hoặc sửa chữa nhỏ để kịp thời ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại.
- + Khu vực bảo vệ I của di tích:** là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích được xác định tại bản đồ và biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
- + Khu vực bảo vệ II của di tích:** là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I được xác định tại bản đồ và biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
- + Phân loại di tích:** là việc chia di tích theo tiêu chí đặc điểm, giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ theo yêu cầu quản lý để có biện pháp phù hợp bảo vệ và phát huy giá trị di tích.
- + Phục dựng di tích (BBT):** là hoạt động phục dựng lại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã bị hủy hoại trên cơ sở các cứ liệu khoa học và nhân chứng lịch sử (nếu có) về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đó.
- + Quy hoạch di tích:** là việc xác định phạm vi và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích trong một khu vực xác định, định

hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích.

**+ Tình trạng bảo tồn:**

là việc đánh giá tính bền vững, xác thực của những yếu tố cấu thành di tích, đặc biệt là các yếu tố gốc

**Tính toàn vẹn của di tích:**

là sự bảo lưu đầy đủ các yếu tố cấu thành một di tích bao gồm cảnh quan môi trường, các đặc điểm kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, vật liệu sử dụng, kiểu thức trang trí và các động sản khác.

**+ Tôn tạo di tích:**

là việc xây dựng những công trình mới nhằm tăng cường khả năng sử dụng và phát huy giá trị di tích nhưng vẫn đảm bảo tính nguyên vẹn, sự hài hòa của di tích và cảnh quan lịch sử-văn hóa của di tích.

**+ Trưng bày bổ sung di tích:**

là việc giới thiệu hiện vật, tài liệu được phát hiện trong quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích và trực tiếp liên quan đến di tích để khách thăm quan hiểu rõ hơn về giá trị của di tích đó.

**+ Vùng đệm cho di sản văn hóa:**

là vùng bảo vệ Di sản khỏi các tác động từ sức ép phát triển, môi trường, thảm họa thiên nhiên, du lịch, dân số.

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

|   |    |
|---|----|
| Hình 1.1. (a)-Bản đồ phân bố các tiểu quốc Chăm pa trong lịch sử<br>và (b)-Khu vực cư dân Chăm  | 6  |
| Hình 1.2. Bản đồ phân bố phé tích Chăm-Quảng Nam  | 7  |
| Hình 1.3. Sơ đồ phân bố Đền Tháp Champa tại miền Trung và Tây Nguyên ở<br>Việt Nam  | 12 |
| Hình 1.4. Một số hình ảnh cho thấy gạch trên Tháp tuy đã được xây thành một<br>mảng tường không có mạch vữa và có dấu vết xoa quét.   | 24 |
| Hình 1.5. Những phân tích trên bề mặt gạch của các Tháp (Mỹ Sơn)<br>cho thấy có dấu hiệu của sự mài sát lẫn nhau giữa những viên gạch                                       | 24 |
| Hình 2.1. Bản đồ phân bố các tiểu quốc Chăm pa trong lịch sử  | 39 |
| Hình 2.2. Mandala - Vị trí các Thần phương hướng và Hình đồ Vastu-Purusha-<br>Mandala   | 44 |
| Hình 2.3. Một số viên gạch và ngói( ngói, đầu ngói, ống ngói nóc,..)<br>tại kinh thành Simhapura trước đây-Trà Kiệu-Quảng Nam   | 51 |
| Hình 2.4. Gạch có tỷ trọng, độ hút nước, độ nung...khác nhau ở các lớp, các bề<br>mặt (Mỹ Sơn)  | 52 |
| Hình 2.5. Gạch tại Tháp Chiên Đàn-Quảng Nam   | 52 |
| Hình 2.6. Các viên gạch phía trong tường tháp xây dựng lộn xộn,<br>mâu thuẫn với kỹ thuật khéo léo ở mặt ngoài  | 53 |
| Hình 2.7. Gạch ở phía bên ngoài Tháp với các lớp có các tính chất khác nhau   | 53 |
| Hình 2.8. Tháp Khương Mỹ-Quảng Nam  | 54 |
| Hình 2.9. (a)-Các khối đen còn bám phía trong đỉnh tháp Bằng An-Quảng Nam<br>và (b)-Mảng Tường với nhiều viên gạch đồng nhất bị nung ở nhiệt độ<br>cao tại Mỹ Sơn-Quảng Nam | 54 |
| Hình 2.10. Những dấu tích của củi than bị đốt cháy xung quanh các chân Tháp<br>(Phong Lệ, Quá Giáng, Cẩm Mít,.. Đà Nẵng)  | 55 |

- Hình 2.11. (a)-Mảng tường trên tường Tháp còn sót lại tại Mỹ Sơn và (b)-Các mảng tường bên trái & phải phía tiền sảnh Tháp Bằng An cũng đều đầy những vết vạc cho phẳng trên gạch 55
- Hình 2.12. (a) - Các viên gạch đều nằm vừa vặn, sít sao trên Tường tháp Mỹ Sơn không có dấu hiệu của việc chặt gãy gạch để ráp cho vừa, một việc làm bắt buộc khi gạch đã nung chín và (b) - Dấu vết một mảng tường gạch đặc biệt tại Mỹ Sơn là sự sơ suất trong quá trình xây dựng hay mang một ý nghĩa đặc biệt nào đó khi chưa thực hiện điêu khắc, trang trí(!?) 56
- Hình 2.13. Những dấu tích trên bề mặt mà chúng ta thấy hoàn toàn không hiện diện các viên gạch bị chặt gãy nham nhở ở trên mặt tường-một việc làm bắt buộc phải có trong quá trình xây dựng - Ảnh trên Trụ trang trí bằng gạch tại Mỹ Sơn-Quảng Nam 56
- Hình 2.14. Hình ảnh công đoạn nung các vật dụng bằng Gốm, Gạch, của người Chăm hiện nay tại Ninh Thuận 57
- Hình 2.15. Lớp vữa giữa các lớp gạch có màu hồng hoặc hơi vàng của loại đất sét nung ở nhiệt độ thấp, nằm lổn nhổn và rải rác ở giữa khe hở một số viên gạch (a)-Tháp Bằng An; (b)-Mỹ Sơn- QN. (Nguồn: Tác giả) 60
- Hình 2.16. Con người vũ trụ/ Mahapurusha thể hiện Mandala của ngôi đền (Mỹ Sơn A1) 73
- Hình 2.17. Chi tiết các thành phần và chức năng của một kiến trúc Tháp điển hình 74
- Hình 2.18. Phần tường Tháp được xây rất dày từ 1mét đến gần 2 mét 74
- Hình 2.19. Phần đỉnh tháp luôn luôn nhỏ hơn phần đế và thân tháp để trọng tâm khó đổ ra ngoài, phía trên cùng người ta để trống hoặc gắn vật trang trí vào (Búp sen, Linga...) 74
- Hình 2.20. (a) - Nhìn từ bên trong lòng Tháp Bằng An-Quảng Nam -Phần mái được xây dựng cấp; (b, c)-Các viên gạch như dán chặt vào nhau vì giữa

|  |    |
|--|----|
| chúng không có sự hiện diện của vôi vữa. Ảnh trên tường Tháp Khương Mỹ-Quảng Nam và Tại Mỹ Sơn- Quảng Nam  | 75 |
| Hình 2.21. Thám sát Hồ Móng tại phế tích Chăm Phong Lệ-Đà Nẵng   | 76 |
| Hình 2.22. Đà đá tại Mỹ Sơn  | 77 |
| Hình 2.23. Tổng thể hiện trạng cụm 3 tháp: (a) Chiên Đàn; (b) Khương Mỹ; (c) Bàn An - Quảng Nam  | 78 |
| Hình 2.24. Tổng mặt bằng bố cục quy hoạch kiến trúc: (a) quần thể Tháp Mỹ Sơn - Quảng Nam và (b) tại Tháp Ponagar - Nha Trang                        | 79 |
| Hình 2.25. Mặt bằng bố cục điển hình quy hoạch tổng thể Tháp - Hình ảnh tại Tháp Bánh Ít - Tuy Phước - Bình Định                                     | 80 |
| Hình 2.26. Niên đại và phong cách các đền tháp Chăm  | 81 |
| Hình 2.27. (a)-Hệ thống Mái vòm dụt cấp (Tháp Hòa Lai-Ninh Thuận) và (b) -hệ thống dụt cấp công chính của Tháp giữa tại cụm tháp Chiên Đàn-Quảng Nam | 82 |
| Hình 2.28. Lỗ thông trên đỉnh đền tháp Dương Long-Bình Định và Lỗ thông ở mặt tường mái đền tháp Nam Hoà Lai--Ninh Thuận                             | 82 |
| Hình 2.29. Vòm giả 2 phương và vòm giả 3 phương trong kiến trúc Tháp   | 83 |
| Hình 2.30. Hình ảnh phục dựng, tái tạo các chi tiết trang trí trên một Tháp Chăm tại di tích Mỹ Sơn-Quảng Nam  | 89 |
| Hình 2.31. (a) Chi tiết gạch bị cắt tạo khối và (b) Chi tiết điêu khắc chưa hoàn chỉnh, thể hiện điêu khắc.  | 89 |
| Hình 2.32. Trang trí tạo hình trên Tường Tháp và ở đế Tháp B1  | 90 |
| Hình 2.34. Hình ảnh về sự xuất hiện vài trụ chống đỡ có kiểu dáng gần với kiểu dáng kiến trúc Hy-La ở Mỹ Sơn- Quảng Nam                              | 91 |
| Hình 2.35. Hình minh họa phương pháp 1   | 99 |
| Hình 2.36. Hình minh họa phương pháp 2   | 99 |
| Hình 2.37. Hình minh họa phương pháp 3   | 99 |

|  |     |
|--|-----|
| Hình 2.38. Một số hình ảnh từ việc phục dựng Tháp bằng phương pháp mài chập tại khu du lịch Suối Lương và Nhà Hàng Apsara-Đà Nẵng  | 101 |
| Hình 2.39. Mô hình phục dựng Tháp (nung sau) của nghệ nhân Nhất Chi Lan và Hàm Rượu tại Bà Nà - Đà Nẵng  | 101 |
| Hình 2.40. Một số hình ảnh thực nghiệm riêng về hỗn hợp kết dính bằng Dầu rái, Chai phà, Ximăng trắng  | 102 |
| Hình 2.41. (a) - Tường xây bằng vữa đất sét, sau đó được nung chín và (b) -Loại đất sét sử dụng cho việc xây các mảng Tường không dùng hồ vữa này                          | 102 |
| Hình 2.42. Một số kỹ thuật thực hiện điêu khắc trên vật liệu tự cổ kết.  | 103 |
| Hình 2.43. Các công đoạn trong mô hình Tháp bằng vật liệu nung sau Nhất Chi Lan và khu hầm rượu được xây bằng một hình thức vật liệu kết dính cổ truyền của người Chăm xưa | 103 |
| Hình 3.1. Hình ảnh về giả thiết mô hình xây dựng Tháp của người Chăm   | 111 |
| Hình 3.2. Mô hình đề xuất dụng cụ để xây và nung Tháp  | 125 |
| Hình 3.3. Mô hình gạch không nung sử dụng tại Đà Nẵng  | 126 |
| Hình 3.4. (a), (b)-Một số vị trí trùng tu tại Mỹ Sơn.  | 138 |
| Hình 3.5. Tháp Khương Mỹ - Quảng Nam   | 138 |
| Hình 3.6. Hình ảnh trùng tu đền tháp tại Mỹ Sơn năm 2008 bằng phương pháp mài chập   | 139 |
| Hình 3.7. Một số vị trí trùng tu tại Tháp Bằng An  | 139 |
| Hình 3.8. Vết vữa phục chế khá lộ liễu tại Tháp Poklong Giarai-Ninh Thuận.   | 139 |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|  |     |
|--|-----|
| Bảng 1.1. Hệ thống các kiến trúc Đền Tháp Chăm còn sót lại   | 11  |
| Bảng 1.2. Bảng đánh giá đặc điểm và thực trạng chung các kiến trúc đền tháp Chăm tại Quảng Nam, Đà Nẵng  | 13  |
| Bảng 2.1. Các loại hình điêu khắc tiêu biểu trên đền tháp Chăm   | 91  |
| Bảng 2.2. So sánh loại hình điêu khắc tiêu biểu liên quan đến chức năng  | 92  |
| Bảng 3.1. Bảng tổng hợp các đặc điểm chung liên quan đến việc đánh giá - nhận định kỹ thuật xây dựng tháp Chăm tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng | 107 |
| Bảng 3.2. Bảng đánh giá các giá trị công trình kiến trúc Đền Tháp Chăm dựa trên các tiêu chí   | 114 |
| Bảng 3.3. Giá trị cần bảo tồn của các Tháp Chăm trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng   | 115 |

## MỞ ĐẦU

### 1. Đặt vấn đề - Lý do chọn đề tài

Trong đại gia đình các dân tộc ở Việt Nam, Đại Việt và Champa có những mối quan hệ đặc biệt không chỉ ở những sự kiện lịch sử đầy biến động mà còn có một quá trình giao lưu, đan xen văn hóa từ lâu đời. Và suốt quá trình lịch sử đó đã để lại trên mảnh đất miền Trung ngày nay rất nhiều các công trình phục vụ cho đời sống – sinh hoạt của người Chăm trước đây như: *Đền Tháp, Thành Lũy, Giếng nước, Mộ Táng, Nhà ở,...* Trong đó, đặc biệt là các kiến trúc Đền Tháp – một loại hình kiến trúc còn lưu lại với khoảng 40 ngôi đền tháp phân bố rải rác chủ yếu ở khu vực Miền Trung Việt Nam. Các công trình này chứa đựng các giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật - kỹ thuật trong kiến trúc và xây dựng... của một vương quốc đã từng hưng thịnh trong lịch sử. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) đã được vinh danh như là một di sản văn hóa thế giới là một minh chứng.

Tuy nhiên, các di tích, công trình quý báu đó đã xuống cấp theo thời gian bởi sự tác động của tự nhiên và con người. Trước thực trạng đó, nhà nước đã quan tâm, cấp ngân sách cho việc nghiên cứu bảo tồn, trùng tu lại các công trình này - đặc biệt là các Đền Tháp. Do vậy, sự xuống cấp của các công trình này phần nào đã được hạn chế. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều vấn đề còn tồn tại mà nó bắt nguồn chủ yếu từ việc chúng ta chưa xác định được phương pháp nguyên gốc về kỹ thuật xây dựng cũng như những đặc điểm riêng biệt kiến trúc, nhất là khi nó được đặt trong mối liên hệ với kỹ thuật xây dựng khi nó vẫn còn đang là một ẩn số. Điều này làm cho công tác trùng tu – phục hồi các di tích Chăm nói chung và các kiến trúc Đền Tháp nói riêng thiếu độ bền theo thời gian và tính thẩm mỹ, thậm chí gây phản cảm tại một số vị trí đã trùng tu.

Trong quá khứ đã có những nghiên cứu về kiến trúc Chăm. Đó là những nghiên cứu tập trung ở các Đền tháp nhưng mới dừng lại ở sự miêu tả khái quát hoặc phân tích, đi sâu dưới một góc độ nào đó của kiến trúc Chăm, chưa có sự nghiên cứu tổng quan giữa các loại hình kiến trúc hay giữa hình thức kiến trúc với



kỹ thuật xây dựng, điêu khắc, vật liệu,..

Nhìn lại các vấn đề nghiên cứu trên, có thể nói cho đến nay những vấn đề này chưa là đối tượng của một chuyên luận khoa học nào cả, đang còn là một điểm trống trong nghiên cứu về các giá trị trong nghệ thuật kiến trúc – xây dựng các Đền Tháp của người Chăm ở Việt Nam.[50]

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã kế thừa thành tựu nghiên cứu của những người đi trước, đồng thời tăng cường sưu tầm tư liệu điền dã và đưa ra những tư liệu mới, những phát hiện mới trong nghệ thuật Kiến trúc – Xây dựng của người Chăm xưa...

## **2. Mục tiêu - Ý nghĩa nghiên cứu**

### **\* Mục tiêu**

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là phát hiện, lý giải và làm rõ hơn các giá trị vốn có của nó trong nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật xây dựng các Tháp Chăm để làm cơ sở cho việc bảo tồn các kiến trúc Tháp Chăm hiện nay.

### **\* Ý nghĩa nghiên cứu**

+ Đưa ra những luận điểm khoa học có tính hữu ích trong việc hoàn thiện tư liệu nghiên cứu về kiến trúc Đền Tháp Chăm

+ Đánh giá các giá trị kiến trúc và kỹ thuật xây dựng loại hình kiến trúc Đền-Tháp Chăm để làm cơ sở khoa học cho các ứng dụng liên ngành – đặc biệt trong lĩnh vực kiến trúc – xây dựng.

+ Đưa ra các giải pháp hợp lý trong việc bảo tồn –tu bổ các kiến trúc Đền Tháp Chăm – trường hợp các tháp ở Quảng Nam

## **3. Đối tượng - Phạm vi – giới hạn nghiên cứu**

### **\* Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các công trình Đền – Tháp. Trong đó, xác định các đặc điểm, giá trị về nghệ thuật kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, sử dụng vật liệu.

### **\* Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu là các Tháp ở khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng.

**\* Thời gian nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu đến năm 2030

**4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp Khảo sát điền dã
- Phương pháp Hình ảnh
- Phương pháp Chuyên gia
- Phương pháp Phân tích tổng hợp
- Phương pháp Thực nghiệm

## **Chương 1. TỔNG QUAN THÁP CHĂM – DẤU ẤN VĂN HÓA ĐẶC SẮC CỦA DÂN TỘC CHĂM TRÊN DÃ ĐẤT MIỀN TRUNG VIỆT NAM**

### **1.1. Khái quát nhà nước Chăm pa (TK IV – XVII)**

Theo các thư tịch cổ của Trung Quốc như: Thủy Kinh Chú, Hậu Hán Thư, Tấn Thư, Tống Thư, Nam Tê Thư, Lương Thư... và ở Việt Nam thì có Đại Việt Sử Kí Toàn Thư,... hay sau này tại Việt Nam có "Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam" của tác giả Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (chương: Sự hình thành và phát triển của nhà nước Lâm Ấp); "Lịch sử Việt Nam" của tác giả Huỳnh Công Bá, NXB Thuận Hóa, 2004 hay "Vương quốc Champa" của tác giả Lương Ninh... [1],[2], [3], [4], [6],[9] cho rằng:

Vương quốc Chăm (tiếng Chăm: Campapura - *đô thị Chăm* hay Nagara Campa - *xứ sở Chăm*, chữ Hán: 占婆), là một quốc gia độc lập, tồn tại liên tục qua các thời kỳ từ năm 192 đến năm 1832 qua các tên gọi Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành và cuối cùng là Panduranga-Chăm trên phần đất nay thuộc miền Trung Việt Nam. Cương vực của Chăm lúc mở rộng nhất trải dài từ dãy núi Hoàng Sơn ở phía Bắc cho đến Bình Thuận ở phía Nam và từ biển Đông cho đến tận miền núi phía Tây của nước Lào ngày nay..

Chăm hưng thịnh nhất vào thế kỷ thứ 9 và 10 và sau đó dần dần suy yếu dưới sức ép Nam tiến của các vương triều Đại Việt từ phía Bắc và các cuộc chiến tranh với Đế quốc Khmer. Năm 1471, Chăm chịu thất bại nặng nề trước Đại Việt và bị mất phần lớn lãnh thổ miền bắc vào Đại Việt. Phần lãnh thổ còn lại của Chăm Pa tiếp tục bị các chúa Nguyễn thôn tính lần hồi và đến năm 1832 toàn bộ vương quốc chính thức bị sáp nhập vào Việt Nam...

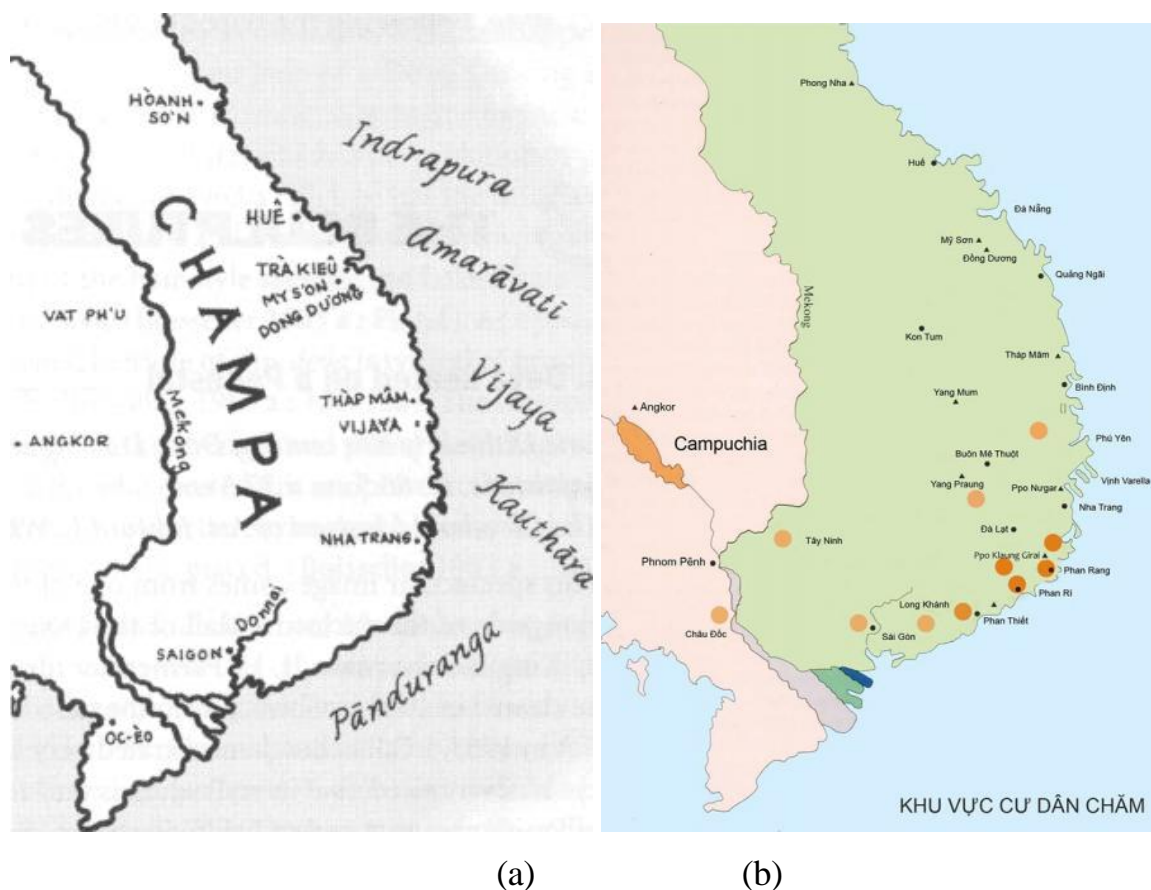
Vương quốc Chăm không phải là một quốc gia có thể chế chính trị "Trung ương tập quyền" mà là một dạng nhà nước liên bang gồm tộc người Chăm chiếm đa số và một số tộc người nhỏ hơn ở vùng núi Tây Nguyên. Vương quốc này có thể được kết hợp từ 5 tiểu vương quốc là: Indrapura (vùng Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế ngày nay), Amaravati (vùng Quảng Nam ngày nay), Vijaya (vùng Quảng

Ngãi, Bình Định ngày nay), Kauthara (vùng Phú Yên, Khánh Hòa ngày nay) và Panduranga (vùng Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay). Mỗi Tiểu quốc đều có thể chế chính trị theo hình thức tự trị và có quyền ly khai khỏi liên bang để xây dựng quốc gia riêng độc lập. Vương quốc Chăm Pa đã trải qua nhiều triều đại với nhiều lần dời đô từ Bắc vào Nam và ngược lại. Dân tộc chính của Chăm Pa là tộc người Chăm được chia thành hai nhóm: Chăm ở phía Bắc và Chăm ở phía Nam. Nhóm Nam Chăm thuộc bộ tộc Cau (Kramuta Vanusa) và Nhóm Bắc Chăm thuộc bộ tộc Dừa (Naeikela Vanusa). Hai bộ tộc này vừa liên minh với nhau, vừa cạnh tranh nhau quyền đứng đầu Vương quốc Chăm... - (Hình 1.1)

Về mặt lịch sử - trong quá trình hình thành nghệ thuật kiến trúc và xây dựng, tác giả D.G.E.Hall trình bày trong “*Lịch Sử Đông Nam Á*” [trang 293-303][5] cho rằng từ thời kỳ đầu của thế kỷ VII đã chứng kiến những sự khởi đầu của những phát triển về nghệ thuật, chủ yếu là ở Mỹ Sơn và Trà Kiệu, gần Amaravati (Quảng Nam). Ngay ở phía nam của các vùng mà ngày nay thuộc Đà Nẵng và đèo Hải Vân, vẫn còn thấy một số tượng đài (Mỹ Sơn), nhưng ở Trà Kiệu thì chỉ còn các nền móng, bởi vì thành phố đã bị phá hủy. Vào giữa thế kỷ thứ VIII, sau những biến cố lịch sử, đã làm cho Vương quốc này chuyển trung tâm quyền lực về phía nam từ Quảng Nam đến Panduranga (Phan Rang) và Kauthara (Nha Trang). Điều này tiếp tục đánh dấu sự phát triển rục rờ của hệ thống các công trình của người Chăm xưa theo suốt dãy miền Trung trong giai đoạn này.

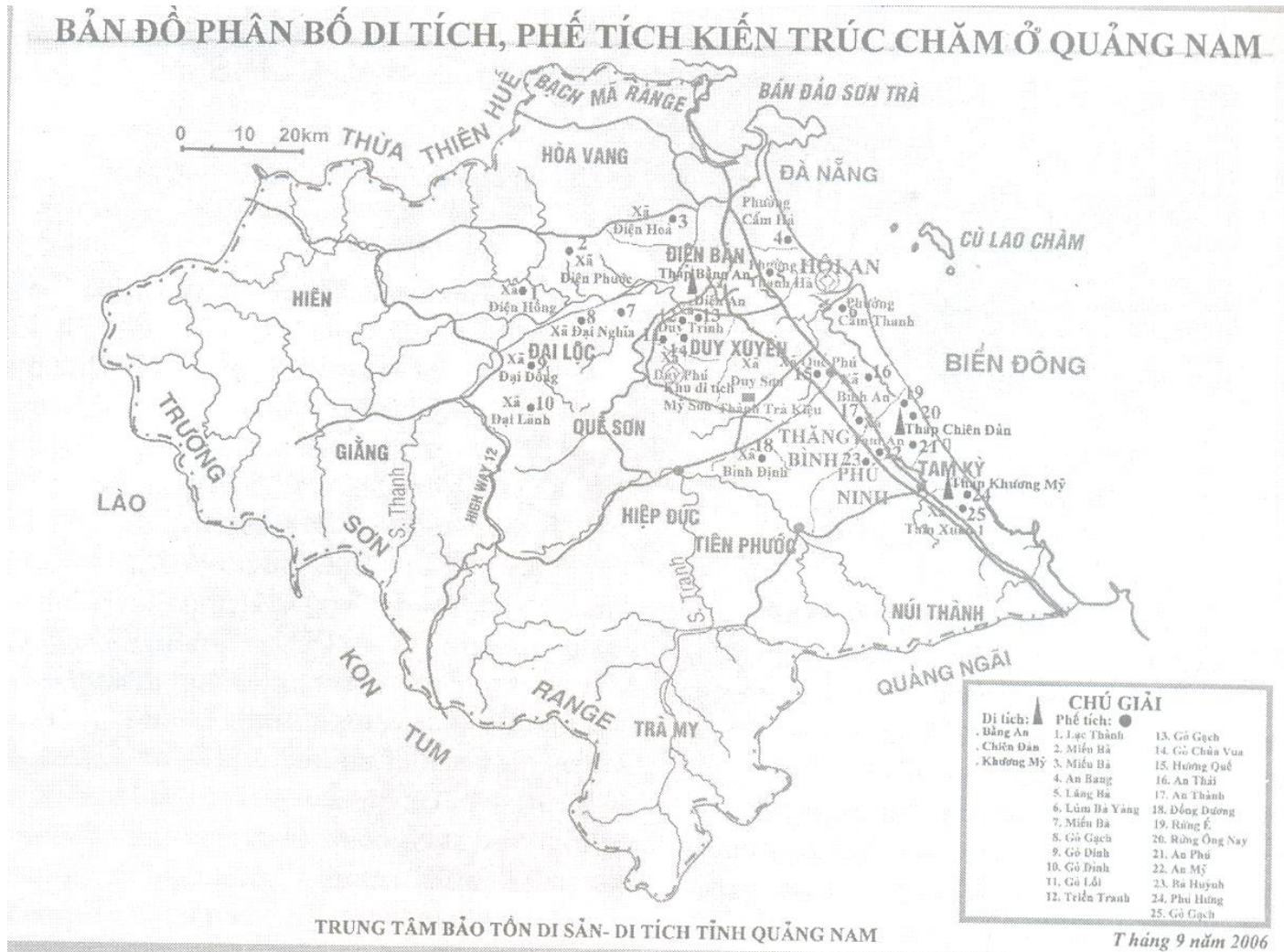
Nghệ thuật kiến trúc Chăm không chỉ đặc sắc về nghệ thuật tạo hình, kỹ thuật xây dựng, sử dụng chất liệu mà còn đa dạng về thể loại. Hiện nay, di tích văn hóa Chăm được phân bố đều khắp trên dải đất duyên hải miền Trung từ tỉnh Quảng Bình vào đến Bình Thuận và Đồng Nai. Ở cao nguyên Trung bộ, các di tích Chăm xuất hiện rải rác tại các tỉnh Duyên hải miền Trung và ở Gia Lai, Kontum, Đắk Lắk, Lâm Đồng... Ngoài các di tích là các Đền Tháp, người Chăm còn để lại các di tích là các toà thành cổ gồm Thị Nại, Đồ Bàn, An Thành, Uát Trì (Đều nằm ở Bình Định), Sơn Tây (Quảng Ngãi), thành Hồ (Phú Yên), thành

Trà Kiệu; Một số khu lăng mộ cổ của người Chăm tại xã đảo Nhơn Châu (Bình Định), Hội An (Quảng Nam) với những kiểu kiến trúc, chạm trổ độc đáo, bí hiểm; Các Giếng cổ với mạch nước trong lành quanh năm với kỹ thuật xây dựng đặc biệt; một số Miếu thờ tại Quảng Nam, Đà Nẵng (Vườn Đình Khuê Bắc, Chùa An Sơn,..) và hàng loạt các tác phẩm điêu khắc khác. Những dấu tích để lại dưới dạng phé tích này cho thấy sự phong phú về thể loại của các loại hình kiến trúc xây dựng Chăm. Hiện nay, dấu tích của các thể loại công trình này nằm rải rác ở nhiều nơi nhưng tập trung chủ yếu ở khu vực miền Trung từ Quảng Bình đến Quy Nhơn- Bình Định. – (H1.1 a,b; H 1.2)



**Hình 1.1. (a)-Bản đồ phân bố các tiểu quốc Chăm trong lịch sử và (b)-Khu vực cư dân Chăm**

(Nguồn: Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Quảng Nam)



**Hình 1.2. Bản đồ phân bố phế tích Chăm-Quảng Nam**

(Nguồn: Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Quảng Nam)

## 1.2. Thực trạng tồn tại các Tháp Chăm hiện nay

Trong di sản văn hoá người Chăm, nổi bật nhất là hệ thống đền tháp. Hầu hết từ Miền Trung cho đến Tây Nguyên, nơi nào có người Chăm sinh sống thì họ đều xây dựng đền tháp để thờ thần. Điều đó cho ta thấy tầm quan trọng đền tháp đối với người Chăm.

Theo bia kí cho biết, ngay vào thế kỉ thứ V-VII người Chăm đã xây dựng đền tháp để thờ thần và kéo dài cho đến thế kỷ XVII các đền tháp Chăm tiếp tục ra đời mang nhiều phong cách khác nhau như Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Bằng An, Chiên Đàn (Quảng Nam), Po Kluang Garai, Po Rame (Ninh Thuận), tháp Po Sah Inur, Po Dam (Bình Thuận), Tháp Yang Pruang (Tây Nguyên)... Tất cả đền tháp Chăm được xây dựng để thờ ba vị thần chính: Siva, Vishnu, Brahma. Về sau tháp Chăm ngoài thờ thần Ấn giáo họ còn thờ các vị vua Chăm như tháp Po KluangGarai, Po Rome (Ninh Thuận).

Tháp Chăm, trong Ấn Độ giáo người ta gọi là Sikhara nghĩa là đỉnh núi nhọn, biểu thị của núi Mêru, một dạng kiến trúc tiêu biểu được xây dựng theo tín ngưỡng thống nhất thờ thần Siva, một trong tam vị nhất thể của đạo Bà La Môn(Brama-Visnu-Shiva). *(Theo thần thoại Ấn Độ, núi Mêru có nhiều đỉnh cao thấp khác nhau, vị thần tối cao ngự trên đỉnh núi cao nhất, các vị thần tùy theo các bậc cao thấp khác nhau mà ngự trị ở những đỉnh núi thấp hơn trên cùng một dãy Mêru)*. Núi Mêru được biểu hiện thành kiến trúc Sikhara, người Chăm gọi là Kalan, có nghĩa là đền thờ. Tuy nhiên, đối với người Chăm ở miền Trung thì Tháp vừa là kiến trúc tôn giáo vừa còn là lăng mộ (Căn cứ vào hiện trạng bài trí, kết nối của một số Tháp có thể những nơi này có thể là điểm tạo táng những nhân vật chính yếu thời đó. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Phàm những chỗ xung là tháp đều là nơi hỏa táng của quốc vương và vương hậu Chiêm Thành") và là nơi tiến hành các nghi lễ thần thánh.

Hệ thống các Đền-Tháp này cũng đã có một giai đoạn tồn tại, phát triển huy hoàng, rực rỡ. Tuy nhiên, đến nửa cuối thế kỷ VIII là thời kỳ khủng hoảng của vương quốc Chăm khi phải chịu một loạt cuộc tấn công dữ dội trong các

cuộc tranh chấp. Cuộc tấn công năm 774 đã tàn phá vùng đất thánh cổ kính Po Nagar ở Nha Trang hay ba năm sau, một cuộc tấn công khác đã phá hủy một ngôi đền gần kinh đô Virapura (gần thị xã Phan Rang ngày nay). [2],[3],[4],[5]. Những cuộc chiến tranh liên miên của vương quốc này với các nước lân cận cùng với sự khắc nghiệt của môi trường thiên nhiên và sự can thiệp của bàn tay con người đã khiến các công trình của người Chăm xưa phân bố trong suốt dãy miền Trung nói chung không còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, chúng vẫn lưu giữ được những giá trị kiến trúc và mỹ thuật cổ rất quan trọng. Trong đó, đặc biệt là hệ thống đền tháp trong khu thánh địa Mỹ Sơn (Hiện thuộc xã Duy Xuyên-Quảng Nam. Cách thành phố Đà Nẵng khoảng 70km về hướng Tây-Nam). (xem PL 01)

Khu di tích kiến trúc và mỹ thuật cổ quan trọng thứ hai của người Chăm là khu Đồng Dương cách Đà Nẵng 60km về phía Nam (tỉnh Quảng Nam). Đồng Dương (tên Chăm cổ là Indrapura) được xây dựng vào năm 875, dưới triều vua Indravarman II mà trên bia ký mô tả là một *“thành phố được trang hoàng long lẫy như một thành phố của thành Indra”*. Đây là một tổng thể lâu đài, chùa miếu lớn nhất và quan trọng nhất của Champa cổ. Theo điều tra sơ lược vào năm 1902 của H. Parmentier đã cho thấy tổng thể kiến trúc chính nằm trên một ngọn đồi cao 500m và có chiều dài từ Tây sang Đông là 1.330m. Trong khu chính (tính từ Tây sang Đông) gồm miếu thờ chính nằm trong vành đai hình chữ nhật dài 326m, rộng 155m, một con đường rộng dài 763m, chạy tới một thung lũng rộng 240m, dài 300m. Trong thung lũng gồm nhiều khu kiến trúc có bố cục như một ngôi chùa Phật giáo hay tu viện Phật giáo. Quanh các cổng vào và các vành đai của các khu là những chiếc cột (stamba) lớn nhỏ. Theo bi ký tìm thấy ở Đồng Dương đã chỉ ra tu viện Phật giáo này được xây dựng để thờ Laksmindra Lokesvara. [5]

Hiện nay toàn bộ khu di tích kiến trúc quan trọng ấy đã bị chiến tranh và con người biến thành bình địa. Ngoài hai khu di tích lớn Mỹ Sơn và Đồng Dương, suốt dải đất miền Trung, từ Quảng Nam-Đà Nẵng tới Bình Thuận rải rác còn nhiều tháp Chăm cổ khác như tháp Bằng An có bình đồ bát giác cao chùng



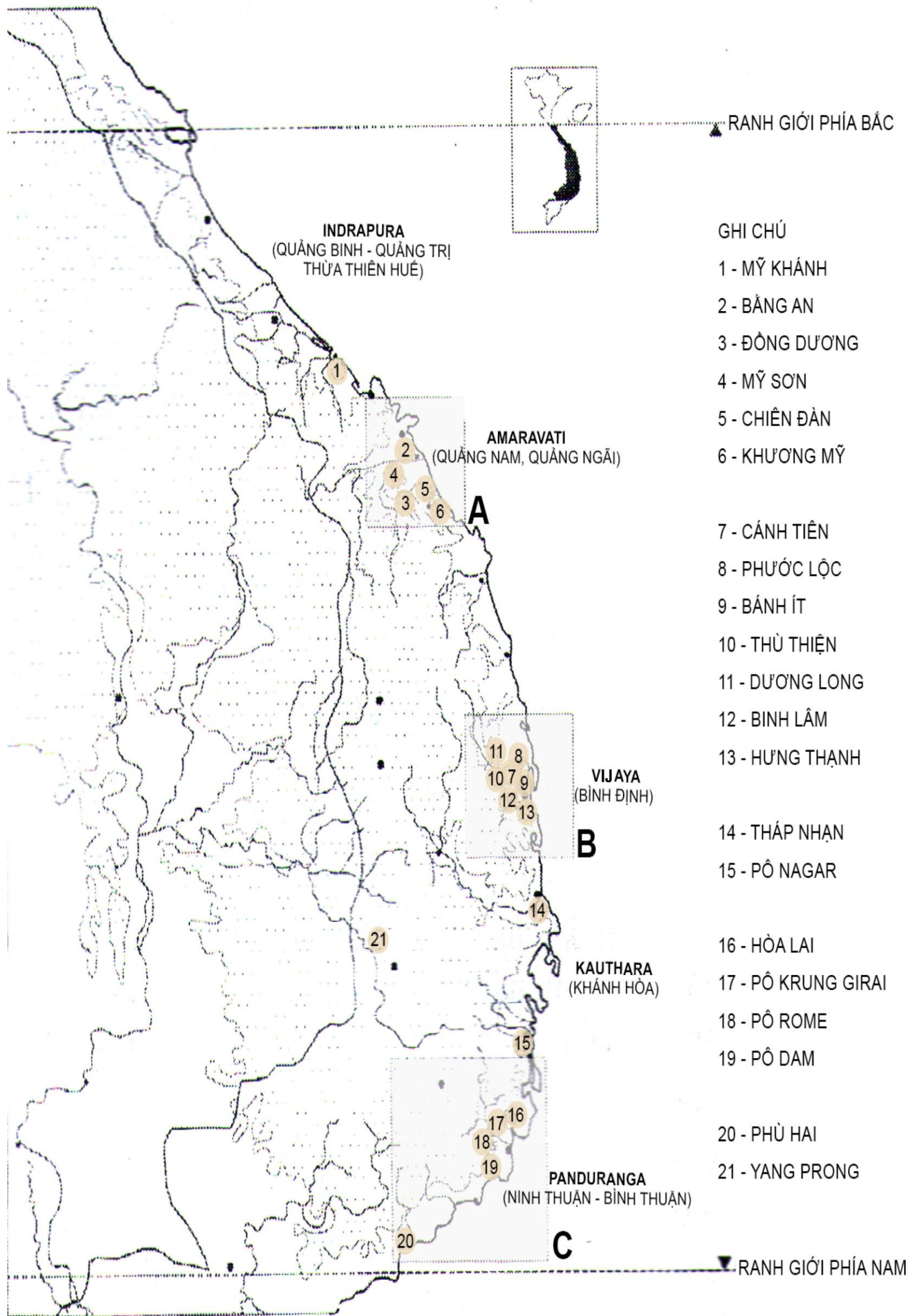
20m ở thôn Bằng An, xã Điện An, huyện Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam), Tháp Chiên Đàn ở Tam Kỳ-Quảng Nam, ba tháp Khương Mỹ ở làng Khương Mỹ, xã Tam Xuân, huyện Núi Thành (Quảng Nam), tháp Phú Lộc thuộc Thôn Phú Thành xã Nhân Thành, huyện An Nhơn (tỉnh Bình Định), tháp Cánh Tiên nằm giữa khu thành cổ Đồ Bàn trên cánh đồng thôn Nam An xã Nhân Hậu, huyện An Nhơn (tỉnh Bình Định), cụm ba tháp An Chánh (hay Dương Long) ở thôn An Chánh, xã Bình An, huyện Tây Sơn (tỉnh Bình Định), tháp Thủ Thiện ở thôn Thủ Thiện, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (tỉnh Bình Định), khu tháp Bánh Ít (gồm 4 tháp) ở thôn Đại Lộc xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước (tỉnh Bình Định), tháp Bình Lâm ở thôn Bình Lâm, xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước (tỉnh Bình Định), cụm tháp Hưng Thạnh (gồm 2 tháp) ở phường Đống Đa, thị xã Quy Nhơn.

Ở hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà có hai cụm tháp Chăm: tháp Nhạn ở ngay thị xã Tuy Hoà (tỉnh Phú Yên), khu Tháp Bà hay Tháp Pô Nagar (gồm 4 tháp) cách thành phố Nha Trang 4km về phía Bắc.

Trên địa bàn hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận hiện còn 5 khu tháp Chăm quan trọng: khu Tam Tháp hay Hoà Lai ở làng Ba Tháp xã Tân Hải huyện Ninh Hải (Cách đây vài mươi năm Hoà Lai là một cụm ba tháp, nhưng hiện giờ tháp giữa đã sụp đổ hoàn toàn), khu tháp Pô Kloong Garai (gồm 3 tháp) cách thị xã Phan Rang chừng 4km về phía Tây Bắc, tháp Pô Rômê ở xã Hữu Đức, huyện Minh Hải, cụm tháp Phú Hải (gồm 3tháp) ở thôn Phú Hải, xã Thanh Hải thuộc thị xã Phan Thiết, tháp Pô Tầm ở Lạc Thị thuộc thị xã Phan Rí. Xa hơn nữa, trên Tây Nguyên (tại Đắc Lắc) hiện còn ngôi tháp Yang Prong...

Nếu tính cả hai khu lớn Mỹ Sơn và Đồng Dương thì suốt dải đất miền Trung từ Quảng Nam-Đà Nẵng tới Ninh Thuận-Bình Thuận và Tây nguyên có tất cả hơn 20 khu tháp với hơn 40 kiến trúc lớn nhỏ - trong đó riêng khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng hiện có 8 Tháp và cụm Tháp - có niên đại từ thế kỷ IX đến XVI. ( H 1.18) ( xem Bảng 1.1 & Bảng 1.2; PL 01).[5], [10], [11], [12], [15],[32],[41],[46]

**Bảng 1.1. Hệ thống các kiến trúc Đèn Tháp Chấm còn sót lại**



**Hình 1.3. Sơ đồ phân bố Đền Tháp Champa tại miền Trung và Tây Nguyên ở Việt Nam**

(Nguồn: Nguyễn Minh Khang)

**Bảng 1.2. Bảng đánh giá đặc điểm và thực trạng chung các kiến trúc đền tháp Chăm tại Quảng Nam, Đà Nẵng**

### 1.3. Tổng quan về công tác bảo tồn các Tháp Chăm

Các kiến trúc Đền - Chăm không chỉ mang ý nghĩa phục vụ đời sống vật chất mà nó còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá và tâm linh của đồng bào Chăm. Đó còn là sự phản ánh đầy đủ và chân thực hoàn cảnh văn hoá và lịch sử Champa từ những giai đoạn đầu tiếp thu những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ cho đến những giai đoạn thích nghi, tiếp biến và trỗi dậy mạnh mẽ tính bản địa và sự giao lưu thường xuyên về mặt văn hóa với các mặt kinh tế-chính trị của các dân tộc liền kề. Vì thế ngoài giá trị văn hoá vật thể với nhiều hoa văn, bi ký được chạm trổ, điêu khắc khá công phu thể hiện những giá trị to lớn về nghệ thuật, văn hoá, lịch sử., các kiến trúc này còn lưu giữ những giá trị văn hoá phi vật thể vô cùng phong phú và đa dạng, trong đó bao gồm kỹ thuật chế tác vật liệu, chất kết dính, kỹ thuật xây cất gạch đất nung và đá sa thạch cũng như nghệ thuật điêu khắc. Trong đó, đặc biệt là kỹ thuật xây dựng gắn liền với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đá trên các Đền-Tháp.

Trong giai đoạn Pháp thuộc (trước 1954) người Pháp cũng rất quan tâm tới các kiến trúc Tháp nhưng cũng chỉ dừng ở mức độ phát hiện, nghiên cứu, đo vẽ,... Trong giai đoạn chính phủ miền Nam - Việt Nam Cộng Hòa trước 1975, vì nguyên nhân chiến tranh nên cũng chưa có điều kiện thực hiện tốt công tác bảo tồn. Ngược lại, trong giai đoạn này, các kiến trúc Đền Tháp lại bị phá hủy khá nhiều trong những đợt càn quét. Sau ngày đất nước thống nhất 1975 đến nay, sự kém hiểu biết và lỏng lẻo trong quản lý các di tích cũng góp phần đẩy nhanh sự xuống cấp. Nguyên nhân thì có nhiều. Trong đó có việc chậm trễ nghiên cứu, đánh giá đúng các giá trị của kiến trúc Chăm - đặc biệt là các kiến trúc Đền Tháp như GS-TS Hoàng Đạo Kính, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, nhận định: “Ngay cả việc giải quyết hiện tượng rêu phong cho các khối gạch xây mới, mà người Chăm xưa kia đã giải quyết được, vẫn còn là một thách thức”.

Trải qua bao biến đổi của thời gian, thiên tai, địch họa và sự vô ý thức của con người cũng đã phá hoại các công trình này. Các loại hình kiến trúc dân sinh còn lại của người Chăm như giếng nước, nhà ở, miếu thờ, lò nung,.. rất ít, có chăng chỉ còn là phế tích. Các kiến trúc Đền Tháp hiện tồn tại khoảng 40 khu

phân bố rải rác các tỉnh Trung- Trung Bộ và một số ít trên Tây nguyên nhưng đa số cũng ở mức phế tích và đáng báo động.

+Về thực trạng công tác tu bổ di tích đối với các di sản kiến trúc Tháp Chăm hiện nay có thể nhận định như sau: Có thể thấy, từ khi các di tích Tháp được phát hiện đã có nhiều phương pháp trùng tu được áp dụng, hầu như mỗi tháp là mỗi thể nghiệm, mỗi tìm tòi trong cách thức trùng tu. Trước mắt, những nỗ lực của đội ngũ khoa học và sự quan tâm của nhà nước cũng đã đem lại những kết quả đáng kể cho đến hôm nay. Điển hình như các Tháp và cụm Tháp như: Tháp Bình Thạnh (Tk 9; Văn hóa Phù Nam-Tây Ninh; Trùng tu vào năm 1997-1998 - Chủ trì: Ts. Trần Bá Việt); Tháp Chóp Mạt (Tk 8; Văn hóa Óc eo - Tây Ninh; Trùng tu 1999-2000 - Chủ trì:Ts.Kts Trần Phương Nam); Tháp Porome (Tk16-17;Trùng tu vào 2013-2014); Tháp Mỹ Khánh (Tk9 - Phú Điền, Thừa Thiên-Huế; Trùng tu vào 2006-2008); Tháp Bình Lâm (Tk 10-11; Bình Định; Trùng tu vào 2015-2017); Tháp Dương Long (Tk 12; Trùng tu vào 2000-2008);... Tuy nhiên, cũng không ít công tác trùng tu tại một số Tháp khác vẫn còn một số các tồn tại. Ví dụ như phương pháp trùng tu áp dụng ở tháp Khương Mỹ, Bàn An, mảng tường phía Nam tháp Chiên Đàn, một số tháp trong cụm tháp ở Mỹ Sơn,... đã gặp những “sự cố”: mặt ngoài viên gạch tu bổ được mài nhẵn, chạm khắc đã bị mòn lớp mặt...

Hay ở tháp Chiên Đàn và một số tháp trong cụm tháp Mỹ Sơn: Phương án chống sập di tích bằng những mảng tường ximang mới ốp, dựng bên cạnh. Hoặc dùng phương pháp liên kết 2 viên gạch bằng cách khoan lỗ ở giữa chúng rồi đổ ximang úp 2 viên vào nhau. Nhìn bề ngoài không thấy mạch vữa nhưng liên kết ximang ở giữa vẫn giữ được công trình. Nghiên cứu sinh có nhận xét: Phương pháp trùng tu này khi mới hoàn thành thì trông đẹp nhưng khi, nhưng sau một mùa mưa, chất ximăng hòa tan trôi ra, kết tủa trên mặt gạch trông loang lổ và nham nhở. Nhưng không thể phủ nhận là phương pháp này đã chứng tỏ hiệu quả về mặt bảo tồn, chống sập và sự hủy hoại của thời gian.

Ở một số giải pháp khác, do chưa xác định chính xác quy trình kỹ thuật xây dựng đền tháp Chăm, tuy nhiên dựa vào các giả thuyết khoa học, ở một số nơi - mà tiên phong là kiến trúc sư người BaLan Kazik trong một dự án hợp tác

bảo tồn- đã đưa ra một số các giải pháp kỹ thuật mà sau này một số nơi vẫn được áp dụng, chủ yếu là: Xây gia cố bổ khuyết những chỗ khối xây bị sứt vỡ, sụt lõ để chống đỡ những phần còn lại. Các khối xây gia cố thường được trùng tu theo hướng "phục chế, hoàn nguyên" bằng các loại vật liệu hiện đại như xi măng- cốt thép (như việc sử dụng đai bê tông cốt thép gia cố các mảng tường tháp trong cụm Tháp Mỹ Sơn...), gạch mộc, gạch Chăm với phương pháp "suy diễn đối xứng" (phần lớn các tháp tại Mỹ Sơn) và được phục chế xây theo một số phương pháp riêng.

Đối với các giải pháp gia cố lâu dài, ở một số địa điểm trùng tu thường sử dụng các vật liệu hiện đại, cấu tạo hiện đại, thường được đặt ngầm trong cấu trúc của di tích và nói chung không gây sự nhầm lẫn với những thành phần gốc. Chúng được tạo ra để cứu chữa di tích khỏi sụp đổ. Dù chịu sự chấp vá không thể tránh khỏi, các biện pháp gia cố kỹ thuật như vậy - trước mắt - đã có tác dụng trong việc giúp các đền tháp ở Mỹ Sơn, Khương Mỹ, Chiên Đàn, Bàn An,.. tránh được sụp đổ từng phần hoặc toàn phần... Tuy nhiên, nghiên cứu sinh cho rằng đây chỉ xem như là những giải pháp tạm thời trong khi chờ đợi tìm ra một phương pháp khả dĩ hơn...

#### **1.4. Tổng quan về các công trình nghiên cứu tháp Chăm**

##### ***1.4.1. Những nghiên cứu tổng quan***

Trong lịch sử vấn đề nghiên cứu về văn hóa Chăm, tác giả các công trình nghiên cứu xưa nay tập trung vào các mảng lớn như lịch sử, dân tộc học, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, đời sống xã hội, nghệ thuật dân gian. Có thể nói, những tác giả và công trình nghiên cứu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc còn khiêm tốn so với kho tàng tư liệu văn hóa Chăm.

Nghệ thuật Xây dựng, kiến trúc - điêu khắc Chăm là một nghệ thuật có cơ sở tồn tại khá lâu. Tuy nhiên, khi suy vong, các triều đại Chăm không để lại tư liệu thành văn về lịch sử nghệ thuật Kiến trúc, Xây dựng. Các nhà nghiên cứu văn hóa Chăm chủ yếu dựa vào nguồn sử liệu Việt Nam và Trung Quốc. Những

tư liệu về Chăm của Trung Quốc ghi lại chủ yếu trong *Hán thư, Lương sử, Cựu Đường thư, Tân Đường thư, Tống sử* v.v... Các nhà nghiên cứu tại Việt Nam đều dựa vào những sử liệu này để dựng lại lịch sử Lâm ấp-Hoàn Vương-Chiêm Thành. Những tư liệu lịch sử của Việt Nam liên quan đến sử Chiêm Thành có thể tìm thấy trong *Đại Nam nhất thống chí, Đại Việt sử ký toàn thư* và một số sử liệu của các triều đại từ thời Lý - Trần đến triều Nguyễn. Nhưng những sử liệu nói trên chủ yếu nói về việc triều cống, giao tranh, hòa hiếu,.. không đề cập sâu đến nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng nhà ở, đền tháp,...

Ngoài ra, nghệ thuật xây dựng-kiến trúc Chăm cũng đã thu hút không ít các nhà nghiên cứu, học giả phương Tây. Trong giai đoạn Pháp thuộc (trước 1954), ngay từ những ngày đầu tiên, các nhà nghiên cứu người Pháp đã rất quan tâm đến các di tích Chăm Pa. Dựa trên cơ sở các tư liệu của Trung Quốc và những kết quả nghiên cứu về Chăm, năm 1928, G.L. Maspéro xuất bản cuốn sách về lịch sử vương quốc Chăm: *Vương quốc Champa (Le royaume du Champa)*. Hay vào năm 1906, L. Cadiere xuất bản các bài viết về các di tích Chăm ở hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình. Tuy nhiên trong số những người có nhiều cống hiến trên lĩnh vực này, cũng không thể không kể đến hai nhà khảo cứu người Pháp là L.Finot và H.Parmentier. Hai ông không chỉ là những người sớm quan tâm đến nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm, mà còn để lại những sưu tập, những công trình khảo cứu có giá trị”. Năm 1901, L. Finot xuất bản danh mục các kiến trúc Chăm Pa. Đặc biệt, nổi bật nhất trong lĩnh vực kiến trúc là học giả H.Parmentier mà cuốn sách “Danh mục miêu tả những kiến trúc Chăm ở miền Trung” của ông cũng là một công trình đồ sộ, có giá trị khoa học cao về các công trình kiến trúc mà cho đến nay nó vẫn được xem là kim chỉ nam cho những ai muốn nghiên cứu về nền kiến trúc này và là tư liệu quý giá cho các nhà trùng tu, bảo tồn di tích Chăm sau này khi mà những học giả trước đó thường có những nghiên cứu tổng quan về lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng Chăm và những nét chung về điêu khắc Chăm... Tại Việt Nam-đặc biệt là từ giai đoạn 1954 trở về



sau có các tác giả với các công trình nghiên cứu về văn hóa Chăm, riêng trong các lĩnh vực liên quan đến kiến trúc thì trong thời gian gần đây có các nhà nghiên cứu như: Trần Kỳ Phương với công trình “Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chăm” (Nxb. Đà Nẵng, 1988); Các tác giả Lưu Trần Tiêu - Ngô Văn Doanh-Nguyễn Quốc Hùng xuất bản cuốn “Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hóa Chăm”, (Nxb. Văn hóa dân tộc, 2000)... Ngoài ra, còn rất nhiều khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn tốt nghiệp cao học về đề tài liên quan đến văn hóa-kiến trúc Chăm như: “Bước đầu tìm hiểu về nhà cửa của đồng bào Chăm (Cam Pini) vùng Phan Rang-Thuận Hải” của tác giả Thành Phần (1979) trong luận văn tốt nghiệp Đại học Tổng hợp - Hà Nội, ....

#### ***1.4.2. Những đánh giá các giá trị nghệ thuật kiến trúc xây dựng trên các đền tháp***

***Về những đánh giá về giá trị nghệ thuật kiến trúc:*** Nghệ thuật kiến trúc - điêu khắc trang trí và kỹ thuật xây dựng trên các đền tháp Chăm là một nghệ thuật và kỹ thuật có cơ sở tồn tại khá lâu. Việc nghiên cứu, ghi chép lại đã được thể hiện phần nào từ trước thế kỷ XIX trong những tác phẩm như: Du địa chí, Ô châu cận lục, Phủ biên tạp lục, Thiên Nam tứ hạ lộ chi đồ, Lịch triều hiến chương loại chí, Đại nam nhất thống chí, Đồ Bàn thành ký, Lê Quý Dật chí... Tuy nhiên, những tác phẩm ấy mới chỉ ghi chép đôi dòng sơ lược đôi nét về nghệ thuật và kỹ thuật trên các đền tháp trong bức tranh tổng thể các di tích Chăm khi gia nhập vào dòng chảy văn hóa Việt Nam trong lịch sử.

Khi nghiên cứu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc, tác giả Phillippe Stern trong cuốn “Nghệ thuật Chăm xứ Trung Kỳ cũ và tiến trình phát triển của nó” (L’Art du Champa Ancien Annam et son e’volution) thực sự là một công trình nghiên cứu, ghi chép tỉ mỉ về các hiện vật từ kiến trúc cho đến các loại hình điêu khắc, cho ta nhiều nhận dạng về các phong cách, các giai đoạn chuyển tiếp, phát triển và suy vong của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm.

Trong các giai đoạn cận đại, đặc biệt là từ những năm 80 đến nay- đặc biệt sau

khi Việt Nam tham gia vào công ước quốc tế UNESCO - đã có rất nhiều các nghiên cứu trên các Đền Tháp. Tác giả Nguyễn Thế Thục trong cuốn “Điều khắc Chăm”&“Tháp Cổ Champa” giới thiệu ngắn gọn bằng hình ảnh các hiện vật, phong cách sáng tạo qua các thời kỳ nghệ thuật và kiến trúc Chăm, nhưng chưa phân tích cụ thể về chi tiết nghệ thuật kiến trúc- xây dựng. PGS.TS Ngô Văn Doanh trong cuốn “Thánh địa Mỹ Sơn” đã phân tích, giới thiệu về những gì còn lại trong khu đền tháp Mỹ Sơn từ những hiện vật còn lại và bản dịch từ các bia ký nhưng cũng chưa đề cập sâu đến việc đánh giá các giá trị kiến trúc và kỹ thuật xây dựng trên các đền tháp. Các nhà nghiên cứu như Trần Kỳ Phương với các công trình nghiên cứu chủ yếu về các giá trị nghệ thuật, phong cách và tập trung chủ yếu ở khu vực Đền tháp Mỹ Sơn. Đáng chú ý là trong cuốn “Văn hóa Chăm” của PGS.TS Ngô Văn Doanh có giới thiệu về đặc điểm, phân kỳ những giai đoạn hình thành, phát triển cho đến suy vong của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm. Trong phần viết về kiến trúc và điêu khắc Chăm, tác giả đã đi vào phân tích các đặc điểm và giá trị nghệ thuật của nó. Đáng lưu ý là đề tài: " Nghiên cứu kỹ thuật xây dựng Đền Tháp Chăm phục vụ trùng tu và phát huy giá trị di tích" do TS Trần Bá Việt làm chủ nhiệm đề tài và cuốn “Đền tháp Chăm, bí ẩn xây dựng” của tác giả Trần Bá Việt cũng mô tả và thể hiện các nghiên cứu chuyên sâu về kỹ thuật xây dựng. Những nghiên cứu của các tác giả như đã nêu trên rất cần thiết cho những người yêu nghệ thuật Chăm có điều kiện nghiên cứu...[48]. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả - do phạm vi nghiên cứu - cũng chỉ đề cập đến nét chung của nghệ thuật kiến trúc,điêu khắc hay đưa ra một nhận định riêng về phương pháp xây dựng của người Chăm xưa và giải pháp trùng tu, tu bổ tương ứng đối với một số Tháp ở Mỹ Sơn (Quảng Nam) hoặc một số Tháp ở khu vực Ninh Thuận - Bình Thuận hay một số Tháp ở phía Nam,..., chưa đề cập nhiều đến các Tháp còn lại ở khu vực Quảng Nam và một số các Tháp được phát hiện gần đây tại Đà Nẵng... Vì vậy, những nghiên cứu - đánh giá về sự gắn kết và đặt nó trong mối liên hệ giữa văn hóa-lịch sử- tín ngưỡng, giữa hình thức kiến trúc với kỹ thuật xây dựng, điêu khắc, vật liệu hoặc trong một không gian văn hóa của một di tích - đặc biệt là

những Tháp còn lại ở Quảng Nam và một số Tháp phát hiện gần đây tại Đà Nẵng - là những khoảng trống cần được bổ sung.

Ngoài ra, cũng phải kể đến kiến trúc sư Kazimierz Kwiatkowski - mà tên gọi thân mật là Kazik - sang công tác tại Việt Nam từ những năm của thập niên 1980 trong khuôn khổ hợp tác văn hóa Việt Nam – Ba Lan với tư cách là chuyên gia giúp đỡ Việt Nam bảo tồn, tu bổ các di tích tháp Chăm, đặc biệt khu di tích Tháp Chăm Mỹ Sơn trong một thời gian rất dài từ 1980 đến 1997. Nhiều tháp Chăm từ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận sau chiến tranh gần như hư hại nghiêm trọng. Nguyên tắc và phương pháp bảo tồn, tu bổ các di tích tháp Chăm của kiến trúc sư Kazik là giữ gìn nguyên vẹn di tích gốc và thành phần gốc còn giữ được, kiên quyết không làm sai lệch và làm giả di tích, chủ yếu sử dụng biện pháp gia cố kỹ thuật để duy trì hiện trạng, chỉ phục chế từng phần nếu có cơ sở khoa học, không phục nguyên, không làm lẫn cái gốc với cái mới đưa vào để gia cường... Chính cách làm này đã giữ được nguyên vẹn những giá trị vốn có của các ngôi tháp Chăm ở Việt Nam. Mặc dù có rất nhiều đóng góp nhưng ông cũng chưa đưa ra những nhận định nào mang tính xác quyết về kỹ thuật xây dựng Tháp của người Chăm xưa...

***Về những đánh giá về giá trị kỹ thuật xây dựng:*** Kỹ thuật xây dựng và chất kết dính tháp Chăm như thế nào đến nay vẫn còn nhiều bí ẩn chưa giải mã được đối với những nhà nghiên cứu. Gần một thế kỷ trôi qua, ngay trong những năm đầu thế kỷ XX các nhà nghiên cứu người Pháp như G. Maspero (1928), J. Clayes, H. Pamertier (1948), Wawrenersk và Skibinski (1937)... đã đưa ra nhiều giải thiết, thể nghiệm về chất kết dính của các viên gạch trong kỹ thuật xây tháp người Chăm. [5], [10], [11],[15],[26],[35],[40],[41].Tựu trung lại gồm các giả thuyết sau:

- Trong kỹ thuật xây tháp, người Chăm nung gạch toàn khối hoặc nhiều lần để các viên gạch tự kết dính với nhau (Leuba 1923)
- Sử dụng chất kết dính (chất keo, phụ gia) trong việc xây gạch: Tháp xây bằng vữa là nước cây xương rồng trộn mật mía tạo thành (Ngô Văn Doanh 1978), hay nhựa cây dầu rái (*Trần Kỳ Phương*, 1980).

- Tháp xây bằng gạch mộc rồi nung toàn bộ - hoặc gạch được xây bằng vữa đất sét rồi nung lại (*Awawrzenczak và Skibinski, 1987*).

- Mài gạch với mặt tiếp xúc để gạch tự kết dính với nhau (*Trịnh Cao Tường, 1985*).

- Tháp được xây dựng bằng nguyên vật liệu sản xuất tại chỗ (*địa phương*) với kỹ thuật xây dựng mài xếp phân vò và sử dụng vữa là bột mịn có độ nung như gạch xây tháp trộn với nước tạo nên (*Lê Đình Phụng, 1990*).

Mặc dù các tác giả đã đưa ra nhiều giải thiết, thử nghiệm về chất kết dính của các viên gạch trong kỹ thuật xây tháp người Chăm nhưng vẫn chưa đưa ra được lời giải đáp thỏa đáng và triệt để. Đồng thời, các nghiên cứu, khảo sát gần đây trên hiện trạng các Tháp của các chuyên gia cũng cho thấy những vấn đề cần đặt ra, thậm chí là mâu thuẫn với các nhận định trên về mặt vật liệu, điều kiện hóa - lý liên quan đến kỹ thuật xây dựng mà các quan điểm trên đã nhận định. Cụ thể:

Theo chuyên gia Nguyễn Thượng Hỷ và Hoàng Văn Toạn trong tham luận: “Phương án trùng tu – phục hồi và khai quật khu tháp Khương Mỹ” [24] thì “... đa số các tháp ở vùng Quảng Nam đến Bình Định (các tháp có niên đại sớm) có kỹ thuật xây dựng và kết cấu của từng viên gạch chồng lên nhau thường không phát hiện mạch hồ hoặc mạch hồ rất mỏng, thường là đồng chất với chất gạch xây tháp. (Báo cáo qua Viện nghiên cứu hoá học Ba Lan-Tạp chí Khảo cổ học 01/1987) (H1.4). Và gần đây nhất là bài viết của tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 4.1995 cũng đã báo cáo chi tiết về độ nung của gạch và các chất kết dính đa số là thành phần vô cơ đồng chất với gạch xây tháp, chỉ có trường hợp ở tháp Pô Rômê (muộn-thế kỷ XVI) có lớp hồ giữa hai viên gạch là chất hữu cơ có thể đốt cháy được...”. Riêng nhóm ba tháp tại Khương Mỹ có những hiện tượng như sau:

“...- Tháp Nam (lớn): đây là một ngôi tháp lớn nhất của cụm ba tháp có chiều cao khoảng 22m, ngôi tháp này kỹ thuật xây dựng trong lòng cho thấy sự

vụng về trong xây dựng, cụ thể có nhiều vết xoa tay của người thợ trên bề mặt của các viên gạch và có dấu chày, vò bằng gỗ in lõm trên bề mặt gạch.

Ở từ lớp thứ 161 tính từ mặt đất lên có rất nhiều vết tay xoa quét như là một lớp hồ mỏng trên từng viên gạch cùng nhiều lớp gạch rất mỏng khoảng 1cm xen lẫn những lớp gạch dày 7cm.(H1.4). Toàn bộ ba ngôi tháp đều có nhiều kích cỡ của viên gạch xây dựng rất khác nhau.

Tại các nhóm tháp Chiên Đàn, Bằng An, Mỹ Sơn ... thì nhóm tác giả cũng nhận thấy các hiện tượng sau:

- Ở Mỹ Sơn: thấy hiện tượng xây lộn xộn ở các mảng tường tháp bị vỡ, cụ thể là đá, sỏi, gạch vỡ còn sót lại ở tháp E7 và G. Kết hợp những điều quan sát và thực tế đo đạc cộng những nghiên cứu mới đây của các nhà khoa học trong và ngoài nước về văn hoá Chăm, nhóm của tác giả cũng không hề phát hiện thấy có dấu hiệu như các giả thuyết cho rằng dùng dầu “thực vật” (hữu cơ) để liên kết các viên gạch trong xây dựng về tháp Chăm ở khu vực trung Trung bộ Việt Nam.....”

Ngoài ra, nhóm tác giả cũng nhận thấy rằng, kích cỡ gạch ở các Tháp và trong cùng một Tháp không đồng nhất. Cụ thể:

“...- Gạch ở tháp Khương Mỹ dày hơn gạch tháp Chiên Đàn.

- Gạch ở tháp Bằng An có nhiều kích cỡ khác nhau. ( Xem thêm H 2.3, H 2.4, H 2.5, H 2.6)

- Tại cuộc khai quật khảo cổ nhóm đền tháp Hòa Lai năm 2005 của Bảo tàng Lịch Việt Nam và trên các Tháp tại Mỹ Sơn, các nhà khảo cổ đã nhận thấy, giữa các viên xây có tồn tại một lớp vật liệu mỏng có màu nâu xám, có thể là chất kết dính thực vật và có dấu hiệu của sự mài sát.(Báo cáo qua Viện KHCN – Xem H 1.5). Bên cạnh đó, tại các mặt tường có lớp màng mỏng màu xám nhạt khá cứng giống như xi măng. Đây có thể là lớp bảo quản bề mặt ngoài giống như sơn tường ngăn cách bề mặt gạch xây với môi trường bên ngoài để chống lại sự xâm nhập của vi khuẩn và các yếu tố thời tiết tác động vào

công trình.

Những điều này cho thấy một số Tháp không xây dựng cùng một phương pháp và sử dụng chất kết dính., vật liệu xây dựng không đồng nhất về kích cỡ và độ nung, có sự mài xát giữa các viên gạch, phương pháp điêu khắc có thể được điêu khắc trực tiếp trên Tháp. Và cái gọi là "chất kết dính" ở một số nơi được phát hiện là đồng chất với chất liệu gạch trên Tháp,...

Ngoài ra, có một số vấn đề mà nghiên cứu sinh cần đặt ra. Đó là:

*- Tính chất cơ lý, thông số kỹ thuật của vật liệu tại thời điểm xây*

*- Có hay không việc sử dụng chất kết dính và chất kết dính (nếu có) có tan vô hạn trong nước và liệu có bền vững dưới tác động của thời gian, điều kiện môi trường, thời tiết khắc nghiệt?*

*- Nếu kỹ thuật là mài tiếp xúc bằng keo thực vật thì kết cấu chung sẽ rất yếu – đặc biệt là ở gần đỉnh vòm.. Và nếu mài như vậy thì sẽ mất bao lâu để xg một Đền Tháp?*

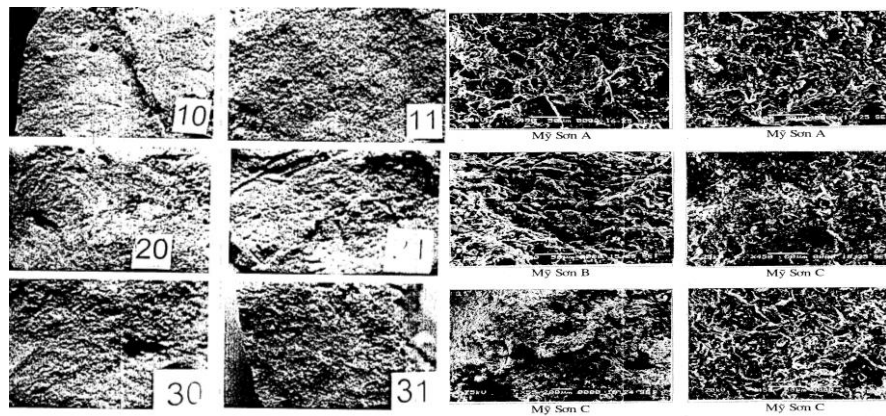
Như vậy, với nhiều giả thuyết được đưa ra nhưng theo đó cũng rất nhiều những phát hiện về mặt vật liệu, các tính chất cơ- lý- hóa trên các Đền Tháp - mà với nó vẫn chưa có lời giải làm cho những giả thuyết này vẫn chưa ngã ngũ và đưa đến một kết luận chung. Điều này cũng gây khó khăn cho công tác trùng tu bởi chúng ta chưa xác định được phương pháp nguyên gốc cũng như giải pháp cụ thể cho từng Tháp, tại từng vị trí,...



**Hình 1.4. Một số hình ảnh cho thấy gạch trên Tháp tuy đã được xây thành một mảng tường không có mạch vữa và có dấu vết xoa quệt.**

**(Mỹ Sơn-Quảng Nam)**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 1.5. Những phân tích trên bề mặt gạch của các Tháp (Mỹ Sơn) cho thấy có dấu hiệu của sự mài sát lẫn nhau giữa những viên gạch**

*(Nguồn: Theo Viện KHCN XD-Kỹ thuật xây dựng các đền tháp Chămpa)*

### **1.4.3. Đánh giá chung về các nghiên cứu**

- Trong lịch sử vấn đề nghiên cứu về Chăm, tác giả các công trình nghiên cứu xưa nay tập trung vào các mảng lớn như lịch sử, dân tộc học, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, đời sống xã hội, nghệ thuật dân gian. Có thể nói, những tác giả và công trình nghiên cứu về kỹ thuật xây dựng-kiến trúc tháp Chăm còn khiêm

tồn so với kho tàng tư liệu văn hóa Chăm. Nhìn chung, những công trình nghiên cứu về kỹ thuật xây dựng-kiến trúc tháp Chăm đã có những đóng góp quý báu vào kho tàng tư liệu khoa học nhất là những công trình, bài viết của những tác giả là những nhà nghiên cứu, người Chăm,... Tuy nhiên, hạn chế của những công trình này còn mang tính miêu tả, thống kê, hệ thống lại, phân loại hoặc giới thiệu bằng hình ảnh các Đền tháp, hiện vật thể hiện phong cách sáng tạo qua các thời kỳ nghệ thuật và kiến trúc Chăm hoặc chỉ mô tả nét chung của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc mà chưa có tác giả nào có sự so sánh, đúc kết, chưa bóc tách, giải mã các biểu hiện kiến trúc của các loại hình kiến trúc - đặc biệt là các kiến trúc Đền Tháp - trong mối quan hệ với kỹ thuật xây dựng, vật liệu, điêu khắc và trong không gian văn hóa Chăm, văn hóa Đông Nam Á (Các ý nghĩa triết học, nhân sinh...). Ngoài ra, cũng chưa có nhiều nghiên cứu, đề cập sâu cũng như sự cần thiết bảo tồn nó trong kho tàng kiến trúc dân gian Việt Nam ở một số loại hình kiến trúc nhất là loại hình kiến trúc đặc biệt Đền, Tháp.

Như vậy, nghiên cứu sinh có nhận xét rằng: những công trình nghiên cứu về văn hóa Chăm từ trước tới nay đa số là những công trình nghiên cứu ở phạm vi rộng về người Chăm và văn hóa Chăm, về lịch sử, về văn hóa vật chất của vương quốc Chăm xưa. Các nghiên cứu về kiến trúc Chăm là những nghiên cứu tập trung ở các Đền tháp mà với nó dừng lại ở sự miêu tả khái quát hoặc phân tích, đi sâu dưới một góc độ, chưa có sự nghiên cứu tổng quan (các loại hình kiến trúc; giữa hình thức kiến trúc với kỹ thuật xây dựng, điêu khắc, vật liệu,..) và được đặt dưới cái nhìn văn hóa, xã hội cũng như chưa có sự so sánh, phân tích, bóc tách các lớp văn hóa, phân tích những yếu tố văn hóa nội sinh và văn hóa ngoại sinh, những truyền thống bản địa và truyền thống ảnh hưởng từ các tôn giáo mà người Chăm tiếp nhận trong suốt chiều dài lịch sử...

### **1.5. Những vấn đề tồn tại trong nghiên cứu – bảo tồn tháp Chăm và hướng nghiên cứu đặt ra của tác giả**

Kiến trúc các Đền Tháp là một nghệ thuật mà biểu hiện vật chất của nó cho



thấy sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa kỹ thuật xây dựng và điêu khắc, đặc biệt là kỹ thuật xây dựng không mạch vữa, là tỷ lệ kiến trúc và nghệ thuật kết hợp kiến trúc với các dạng điêu khắc trang trí, là độ bền vững của công trình trước thời gian trong môi trường khắc nghiệt của miền Trung,... và biểu hiện giá trị phi vật chất của nó là nội dung thờ tự, tâm linh và cao hơn là ý nghĩa triết học của các đền tháp Chăm. Đây chính là những giá trị nghệ thuật kiến trúc cần đặt ra cho hướng nghiên cứu chuyên sâu của Luận Án

Những vấn đề về phương pháp xây dựng, trong đó: sự kết hợp hoàn hảo giữa kỹ thuật xây dựng-vật liệu và kiến trúc-diêu khắc; kỹ thuật sử dụng vật liệu và lựa chọn địa điểm, các ý nghĩa tâm linh, niềm tin tôn giáo và sự phản ánh cái nhìn cùng các mối giao lưu của một dân tộc trong cùng một vùng miền văn hóa hay với các vùng miền khác qua công trình,... là những vấn đề cần được luận án nghiên cứu, làm rõ. Đồng thời, những vấn đề này cũng cần được xâu chuỗi lại để phát hiện, làm rõ hơn và khẳng định thêm các giá trị vốn có của nó. Đặc biệt nó được đặt trong mối liên hệ với nghệ thuật kiến trúc - xây dựng hiện nay.

Về những tồn tại trong các phương pháp bảo tồn hiện nay, các phương pháp này vẫn tồn tại một số các vấn đề hạn chế trên các Tháp: Chưa có sự gắn kết đầy đủ các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, các phương pháp xây dựng bản địa - đặc thù của người Chăm xưa trong việc xây dựng Tháp trong công tác tu bổ, phục dựng; Các phương pháp trùng tu thường áp dụng đại trà chung cho các Tháp mà chưa có sự nghiên cứu đặc thù riêng cho từng Tháp, bởi các Tháp được xây dựng ở những vị trí khác nhau, trong các giai đoạn khác nhau nên không hẳn hoàn toàn giống nhau; Ngoài ra, công tác tu bổ, phục dựng hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn cần lời giải như: Độ bền, trong đó hiện tượng bong tách vật liệu gạch tu bổ trên Tháp sau một thời gian, hiện tượng rêu mốc trên gạch, công tác thực hiện điêu khắc trên gạch với những họa tiết trang trí nhỏ gặp nhiều khó khăn do gạch dòn, dễ vỡ; thời gian thi công lâu; tính thẩm mỹ trên những vị trí tu bổ... Do đó, việc nghiên cứu kiến trúc và xác định được kỹ thuật xây dựng, điều

*khắc các công trình kiến trúc Tháp Chăm sẽ là cơ sở rất quan trọng và là công việc cấp bách cho công tác trùng tu và là một bước tiến đặc biệt quan trọng trong quá trình nghiên cứu các kiến trúc Chăm về lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc, kỹ thuật xây dựng suốt hơn một thế kỷ qua. Đồng thời chúng sẽ giúp cho việc trùng tu được chuẩn xác, đưa ra được những phương tiện và phương pháp để bảo tồn trùng tu được tối đa các giá trị chuẩn xác của di tích. Phương pháp tu bổ đó sẽ là vừa đảm bảo được tính nguyên gốc, chuẩn xác vừa đáp ứng khả năng trùng tu phù hợp và cụ thể cho mỗi di tích kiến trúc và từng bộ phận chi tiết của các di tích Chăm.*

### **1.6. Tiểu kết**

Trên dải đất Việt Nam chúng ta, có nhiều nền văn hóa đặc sắc. tiêu biểu là các nền văn hóa Đông Sơn, Chăm, Sa Huỳnh, Phù Nam,... mà hầu hết các nước tiên tiến trên thế giới đều ngưỡng mộ, quan tâm, nghiên cứu không kém phần lý thú như các nền văn hóa InCa và Ai Cập cổ đại. Những nền văn hóa này cho đến nay vẫn còn nhiều bí ẩn chưa được khám phá. Chính vì thế, khiến nó lại càng có sức hấp dẫn, gây nhiều tranh luận và làm thế giới chú ý đến nhiều hơn. Trong số đó, vương quốc Chăm có thể nói mang trong mình những sự phong phú và bí ẩn trong rất nhiều các lĩnh vực mà chúng ta chưa thể khám phá hết được. Đó là các quan niệm về vũ trụ, thần linh, các sinh hoạt văn hoá, các lĩnh vực về nghệ thuật điêu khắc, kỹ thuật chế tác kim hoàn, y thuật..., đặc biệt là kỹ thuật xây dựng-kiến trúc Đền Tháp - mà với nó vẫn còn hiện diện cho đến ngày nay và được phân bố dài, với quy mô lớn trên mảnh đất miền Trung – Tây Nguyên Việt Nam từ Quảng Nam - Đà Nẵng tới Phan Thiết – Phan Rí với tất cả 19 khu tháp với 40 kiến trúc lớn nhỏ hiện còn với các niên đại từ thế kỷ IX đến XVI.

Những cuộc chiến tranh liên miên của vương quốc này với các nước lân cận trong lịch sử cùng với tác động của môi trường và sự phá hoại của con

người đã khiến hệ thống đền tháp này trong suốt dãy miền Trung không còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, chúng vẫn lưu giữ được những giá trị kiến trúc - kỹ thuật xy dựng và mỹ thuật cổ rất quan trọng và là sự chứng minh sinh động sắc màu của nền văn hóa bản địa cùng với sự giao lưu, tác động qua lại giữa các nền văn hóa xa xưa. Nó cũng mang ý nghĩa và giá trị lớn bởi sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật (Như kỹ thuật xây dựng liên kết các viên gạch xây, kỹ thuật điêu khắc trên các tường Tháp) và thẩm mỹ cũng như ý nghĩa triết học, nhân sinh...

Việc nghiên cứu, tìm hiểu nó không chỉ là công việc của kiến trúc và xây dựng mà còn là công việc của nhiều ngành khoa học, xã hội khác và phạm vi nghiên cứu, tìm hiểu nó cũng không chỉ từ những bằng chứng, những dấu ấn trên hiện trạng còn lại của các Đền - Tháp mà cũng có thể từ sự giao lưu với các nền văn hóa khác mà ta có thể tìm thấy, hoặc trong các quan niệm tôn giáo, triết học và thậm chí từ cả trong những câu chuyện lưu truyền trong dân gian...

## **Chương 2. CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ ĐÁNH GIÁ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG THÁP CHĂM**

### **2.1. Các cơ sở pháp lý**

Về cơ sở pháp lý bảo tồn giá trị di sản, đây là cơ sở quan trọng trong công tác bảo tồn vì công tác này có tính đặc thù cao. Muốn trùng tu một công trình di tích, ngay từ khâu lập dự án và trong suốt quá trình phải tuân thủ những nguyên tắc nghiêm ngặt để gìn giữ tính nguyên gốc, tính xác thực và các giá trị của di tích.

Tại Việt Nam, thực hiện triệt để nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Xây dựng phong trào quần rộng khắp tự nguyện tham gia bảo vệ di tích. Hàng chục văn bản pháp quy liên quan đến tất cả các hoạt động của công tác bảo tồn - tôn tạo đã được ban hành, đáng kể như:

- + *Sắc lệnh số 65 SL/CTP ngày 23/11/1945 do chủ tịch Hồ Chí Minh ký về việc bảo tồn di tích của nước Việt Nam*
- + *Nghị định 519/TTg ngày 19/7/1957 về việc bảo tồn di tích*
- + *Pháp lệnh số 14/CT/HĐBT về việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.*
- + *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, BCHTW khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.*
- + *Các quyết định công nhận xếp hạng di tích các kiến trúc Đền Tháp tại Quảng Nam – Đà Nẵng(xem PL 02)*
- + *Luật di sản Văn hóa (2001 và sửa đổi năm 2009) của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (xem PL 02) Đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới, luật di sản văn hóa được ban hành nhằm đưa ra các quy định chung để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị*

di sản văn hóa. Trong đó, có một số điều quan trọng như Điều 28:

Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau: Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương; công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử; địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu; công trình kiến trúc, nghệ thuật... khi một công trình xây dựng đáp ứng một trong các tiêu chí trên thì tùy theo giá trị lịch sử - văn hóa tiêu biểu của quốc gia hay địa phương mà cơ quan quản lý nhà nước sẽ xếp hạng cấp di tích theo thẩm quyền luật định.

Tính pháp lý thể hiện ở các luật, nghị định, hiến chương và quy định cũng như quy trình thực hiện

+ *Các thông tư, nghị định trong công tác bảo tồn (xem PL 02)*

Theo các yêu cầu của bộ văn hóa và sự cần thiết trong phát triển văn hóa cũng như trong các công tác bảo tồn, chính phủ đã ban hành các thông tư thông tư, nghị định quy định chi tiết thi hành chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa; hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số Việt Nam. Đồng thời, các nghị định trong đó cũng quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ *Các hiến chương của UNESCO về bảo tồn di sản:*

- *Hiến chương ATHENS về trùng tu di tích lịch sử (1931) (xem PL 02)*

Thống nhất về một quy trình trùng tu một di tích

- *Hiến chương VEINCE (1964) Bảo tồn trùng tu di tích và di chỉ (xem PL 02)*

Hiến chương Quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu Di tích và Di chỉ (1964) Đại hội Quốc tế lần thứ hai các Kiến trúc sư và Kỹ thuật gia về Di tích lịch sử, Venice, 1964, được ICOMOS chấp nhận năm 1965. Điều cốt yếu là các nguyên tắc chỉ đạo việc bảo tồn và trùng tu các công trình xây dựng cổ phải được đồng

thuận và quy thức hoá trên một bình diện quốc tế, song vẫn giành lại cho mỗi quốc gia là trách nhiệm tự tìm lấy biện pháp đảm bảo việc áp dụng vào bối cảnh văn hoá và truyền thống riêng của mình.

- *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (1972)* (xem PL 02): Đại hội Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp Quốc (UNESCO) họp tại Paris từ 17 tháng 10 đến 21 tháng 11 năm 1972, kỳ họp lần thứ 17. Nhận thấy rằng di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ngày càng bị đe dọa huỷ hoại không chỉ do những nguyên nhân đồ nát cổ truyền mà còn do những biến động xã hội và kinh tế làm trầm trọng thêm bằng những hiện tượng gây tổn hại hoặc huỷ hoại còn kinh khủng hơn.

- *Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực lịch sử (Hiến chương WASHINGTON 1987)* (xem PL 02): Ngày nay nhiều khu vực như thế đang bị đe dọa, bị xuống cấp, bị hư hỏng thậm chí còn bị huỷ hoại do tác động của sự phát triển đô thị đang nổi gót công nghiệp hoá trong các xã hội ở khắp nơi trên thế giới. Trước tình thế bi thảm đó, mà thường hay dẫn đến những mất mát không gì bù đắp được về văn hoá, xã hội và cả kinh tế, Hội đồng quốc tế Di tích và Di chỉ ICOMOS thấy cần thiết phải biên soạn ra một hiến chương quốc tế về các thành phố lịch sử và các khu vực đô thị bổ sung cho "Hiến chương quốc tế về Bảo vệ và Trùng tu Di tích và Di chỉ"

- *Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học (1990)* (xem PL 02): Do Uỷ ban Quốc tế Quản lý Di sản Khảo cổ học (ICAHM) soạn thảo và được Đại Hội đồng ICOMOS thông qua tại Lausanne năm 1990. Hiến chương này đặt ra những nguyên tắc liên quan đến các mặt khác nhau trong quản lý di sản khảo cổ học. Các mặt đó bao gồm trách nhiệm của các chức sắc công quyền và các nhà lập pháp, những nguyên tắc liên quan đến việc thực thi nghiệp vụ các quy trình kiểm kê, khảo sát, khai quật, lập hồ sơ, nghiên cứu, bảo quản, bảo toàn, bảo tồn, trùng tu, thông tin, giới thiệu, tiếp xúc của dân chúng và cách sử dụng di sản và trình độ nghiệp vụ của những người có trách nhiệm bảo vệ di sản khảo cổ học.

- *Văn kiện NARA về tính xác thực (1994)* (xem PL 02): Văn kiện Nara về Tính xác thực được thảo ra bởi 45 người tham gia Hội thảo Nara về Tính xác thực

trong khuôn khổ Công ước Di sản Quốc tế, tổ chức ở Nara, Nhật Bản từ 1-6 tháng 11, 1994, theo lời mời của Vụ Văn hoá (Chính phủ Nhật Bản) và Quận Nara.

- *Công ước quốc tế về du lịch – văn hóa (1999)* (xem PL 02)

Việc quản lý du lịch ở những nơi có di sản quan trọng đã được ICOMOS thông qua tại Đại Hội đồng lần thứ 12 ở Mexico, 10 – 1999. Trong đó cho rằng mỗi một chúng ta có quyền và trách nhiệm phải hiểu, thưởng thức và bảo vệ giá trị toàn cầu của di sản. Và di sản là một khái niệm rộng lớn gồm cả môi trường thiên nhiên lẫn văn hoá. Mục tiêu đầu tiên để quản lý di sản là phải thông báo ý nghĩa của di sản đó và sự cần thiết phải bảo vệ cho cộng đồng chủ nhà và cho các khách tham quan. Những người bản địa đang trông coi hoặc những chủ nhân sử hữu các tài sản lịch sử, phải tôn trọng cảnh quan và những văn hoá đã sản sinh ra di sản đó.

- *Hiến chương về di sản xây cất bản xứ (1999)* (xem PL 02)

Hiến chương này quy định về việc nghiên cứu và lập hồ sơ; Vị trí cảnh quan và cụm công trình; Các hệ thống xây cất truyền thống; Việc thay thế vật liệu và các bộ phận; Việc thích ứng; Biến đổi và trùng tu ở từng thời kỳ; Việc đào tạo..

## **2.2. Hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá giá trị di sản**

### **2.2.1. Phân cấp di tích**

Để thực hiện việc quản lý và trùng tu các di tích, cần phải dựa theo các tiêu chí để đưa ra chiến lược thực hiện khi tiến hành trùng tu. Theo điều 4 Luật di sản văn hoá, Điều 14 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ Việt Nam quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá, có các cấp độ di tích làm cơ sở quản lý. Theo đó có 3 cấp:

+ ***Di tích cấp địa phương***: (Tỉnh, Tp trực thuộc TW,..) là di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương, bao gồm:

a) Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng của địa phương hoặc gắn với nhân vật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của địa phương trong các thời kỳ lịch sử

b) Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc

đô thị và địa điểm cư trú có giá trị trong phạm vi địa phương

c) Địa điểm khảo cổ có giá trị trong phạm vi địa phương

d) Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị trong phạm vi địa phương.

+ **Di tích quốc gia**: là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia, bao gồm:

a) Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng của dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, danh nhân, nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật, khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc

b) Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam

c) Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của văn hóa khảo cổ

d) Cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù.

+ **Di tích quốc gia đặc biệt**: là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia, bao gồm:

a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện đánh dấu bước chuyển biến đặc biệt quan trọng của lịch sử dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình lịch sử của dân tộc

b) Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam

c) Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển văn hóa khảo cổ quan trọng của Việt Nam và thế giới;

d) Cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị đặc biệt của quốc



gia hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.”

Ngoài ra trên lãnh thổ Việt Nam còn có những di tích được công nhận là di sản văn hóa thế giới khi nó là các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa, các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, các công trình,...trong đó, sự kết hợp giữa công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Theo cấp độ xuống cấp:

- Hư hại ít
- Hư hại nhiều
- Phế tích

Theo cấp độ này sẽ tạo thuận lợi cho việc định hướng tu bổ vì ở mỗi cấp độ cần có những giải pháp thích hợp làm sao cho hiệu quả nhất.

### **2.2.2. Khu vực bảo vệ**

Trong điều 32 Luật Di Sản sửa đổi bổ sung (2009) đưa ra 2 khu vực bảo vệ:

- *Khu vực 1*: Khu vực bảo vệ I gồm di tích và vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng

- *Khu vực 2*: Khu vực bảo vệ II là vùng bao quanh khu vực bảo vệ I của di tích, có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng tới kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích

Để đi sâu vào việc xác định giá trị và phân loại hướng đến các giải pháp bảo tồn, trùng tu các kiến trúc Đền Tháp Chăm. Trong đó kiến trúc Đền Tháp Chăm cần được nhìn nhận và được đặt trong cái nhìn như là một phức hợp di tích, bao gồm các yếu tố vật chất của lịch sử, văn hóa, tôn giáo, kiến trúc, tín ngưỡng, điêu khắc...

### **2.2.3. Tiêu chí bảo tồn của UNESCO**

Kiến trúc sư Raul Di Lulla-chuyên gia về bảo tồn của UNESCO [51] đã

đưa ra 10 tiêu chí sau trong việc đánh giá, xếp hạng để làm cơ sở cho công tác bảo tồn các di tích:

**Tiêu chí 1** – Giá trị văn hóa-lịch sử

**Tiêu chí 2** – Giá trị về tuổi

**Tiêu chí 3** – Giá trị của từng công trình

**Tiêu chí 4** – Giá trị của quần thể

**Tiêu chí 5** – Giá trị về tổ chức không gian

**Tiêu chí 6** – Giá trị về công nghệ xây dựng

**Tiêu chí 7** – Giá trị về phát minh sáng tạo

**Tiêu chí 8** – Giá trị về sự điển hình

**Tiêu chí 9** – Giá trị trong cơ cấu chung của xã hội

**Tiêu chí 10** – Giá trị về điều kiện xây dựng

Các tiêu chí này sẽ là cơ sở cho việc đánh giá, xếp hạng các Đền Tháp Chăm ở miền Trung. Phương pháp đánh giá dựa trên các tiêu chí, bảng xếp hạng để phân tích. Để có được kết quả khách quan, cần kết hợp nhiều phương pháp như khảo sát điền dã, ý kiến chuyên gia, so sánh đối chiếu, vv...Hiện nay với sự kết hợp của khoa học kỹ thuật sẽ cho kết quả về xét nghiệm một cách chính xác

### **2.3. Cơ sở về lịch sử - tự nhiên và văn hóa - xã hội**

#### **2.3.1. Các yếu tố tự nhiên**

Lịch sử vương quốc Chăm cho thấy vị trí địa lý lịch sử của vương quốc này phân bố dọc dài các tỉnh miền Trung Việt Nam. Khu vực này nằm ở bờ biển Đông Nam châu Á, trải dài dọc theo bờ biển Đông từ Bắc xuống Nam với cấu tạo đặc trưng là hẹp ngang. Nơi đây bị ngăn cách với vùng lục địa phía trong bởi dãy Trường Sơn. Ở nhiều nơi, núi ăn sâu ra biển khiến cho độ dốc địa hình rất lớn. Hệ thống sông tuy dày đặc nhưng do đặc điểm địa hình nên thường ngắn và dốc, lưu lượng phù sa thấp. Các đồng bằng trong vùng vì thế thường nhỏ hẹp, phân bố dọc ven biển và kém màu mỡ hơn các đồng bằng khác ở miền Bắc và miền Nam. Những dòng sông và những con đèo vắt ngang từ dãy Trường Sơn ra

biển Đông trở thành những ranh giới tự nhiên chia cắt các đồng bằng duyên hải miền Trung. Dải đồng bằng ven biển với hệ thống sông dày đặc và khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nghề nông trồng lúa nước. Tuy vậy, do đồng bằng nhỏ, sông dốc gây khó khăn cho công tác thuỷ lợi nên nông nghiệp trồng lúa nước trong vùng phát triển manh mún, nhỏ hẹp, không tạo được một nền tảng vững chắc về kinh tế cho Vương quốc. Vị trí ven biển khiến cho cư dân ở đây từ sớm đã thạo đi biển. Nghề đánh cá phát triển, trở thành một hình thái kinh tế quan trọng bên cạnh nghề nông trồng lúa nước. Vị trí đó vừa giúp Chăm pa mở rộng giao lưu kinh tế và văn hoá với nước ngoài, nhưng lại vừa tiềm ẩn những nguy cơ bị xâm lấn từ bên ngoài

Khu vực này cũng có núi rừng chiếm 3/4 diện tích. Rừng với nhiều loại gỗ quý như đinh, lim, sến... là những vật liệu xây dựng xây dựng rất bền vững có thể giữ gìn hàng thế kỷ. Ngoài ra còn có các vật liệu địa phương là các loại cây lá được người dân nghiên cứu sử dụng làm chất kết dính trong quá trình xây dựng.

Khu vực này còn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chịu ảnh hưởng của mưa nhiều kèm theo gió mạnh, bão và lũ lụt. Khí hậu tác động đến đặc điểm kiến trúc từng vùng, hình thành kiểu kiến trúc tôn giáo mang tính bền chắc. – Đặc biệt là các kiến trúc Đền Tháp. ( H2.1)

### **2.3.2. Yếu tố chính trị - lịch sử**

- Địa thế lịch sử và sự biến đổi của xã hội Champa:

Theo các tài liệu của tác giả D.G.E.Hall trong “*Lịch Sử Đông Nam Á*”, hay Maspéro trong *Vương quốc Champa (Le royaume du Champa)* và tác giả Nguyễn Đức Hiệp với *Lâm Ấp, Champa và di sản*, viết trên tạp chí Vietsciences, [10], [18], [21] cho rằng:

Vương quốc Champa có thể được chia thành các tiểu vương quốc: Indrapura, Amaravati, Vijaya, Kauthura, Panduranga. Các tiểu quốc này đều thuộc Vương quốc Champa, nhưng tùy từng giai đoạn lịch sử, kinh đô và sự thịnh vượng của vương quốc Chăm lại có thể bắt đầu từ hướng bắc di dời dần

xuống về phương nam. ( H 2.1)

+ **Tiểu vương quốc Indrapura:** Đây là vùng đất từ Đèo Ngang, Hoàng Sơn đến đèo Hải Vân (Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên) là vùng giao điểm của hai văn minh từ hướng Bắc và hướng Nam hải đảo. Đây là vùng đất "đệm" của hai nền văn minh Ấn-Hoa. Di tích Chăm trong vùng này còn ở Mỹ Đức, Quảng Bình, Hà Trung, Thạch An, Bích La cũng như ở dải cồn ở Cửa Tùng, Cửa Việt. Di tích Tháp Chăm được tìm thấy ở An Xá (Do Linh), Cam Giang, Cam Lộ, Cổ Thành Ái Tử và Trà Liên. (Tháng 8, 2001 ở Thừa Thiên, Huế, tình cờ tìm được một ngôi tháp Chăm nhỏ, đỉnh tháp đã mất, thân tháp cao khoảng gần 2m. Theo Ngô Văn Doanh, ngôi tháp này (gọi là tháp Mỹ Khánh) có niên đại ở thế kỷ 8. Như vậy là ngôi tháp Chăm cổ nhất hiện còn thuộc phong cách Mỹ Sơn E1.)

Tại vùng này, người ta cũng tìm được nhiều đồ gốm xưa của văn hoá Chăm và Trung quốc từ thời Đường, Tống, Minh.. chứng tỏ xưa kia ở đây cũng có thể là nơi có các hải cảng thương mại sầm uất không kém cảng Hội An về sau này.

+**Tiểu vương quốc Amaravati:** Từ đèo Hải Vân (Quảng Nam) xuống phía nam đến giáp Bình Định là vùng trọng điểm của văn minh Chăm với các di tích lớn như Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương, Khương Mỹ, Chiên Đàn. Nơi đây ở Đồng Dương đã tìm thấy tượng phật đồng rất đẹp đầy mỹ thuật (hiện còn tàng trữ ở viện bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh). Đặc biệt các tượng điêu khắc, kiến trúc ở đền Đồng Dương chịu ảnh hưởng của Phật giáo đại thừa. Trong tất cả các di tích Chăm, nghệ thuật Chăm Đồng Dương là độc đáo sáng tạo và là nơi duy nhất có chịu ảnh hưởng tư tưởng từ Trung quốc phương bắc. Di tích Đồng Dương hầu như đã bị huỷ diệt hoàn toàn trong cuộc chiến tranh vừa qua.

+**Tiểu vương quốc Vijaya:** Mặc dầu Indrapura và Amaravati vẫn là lãnh thổ Chăm khi dời đô về Vijaya vào năm 1000, Indrapura và Amaravati đã trở thành các tỉnh ngoại vi, không còn chiếm vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị của Champa. Năm 1286, đất Indrapura phía bắc đèo Hải Vân nhượng cho Đại Việt. Năm 1390, khi Chế Bồng Nga mất, Indrapura mất hẳn, và sau đó không lâu

Amaravati cũng sát nhập vào Đại Việt.

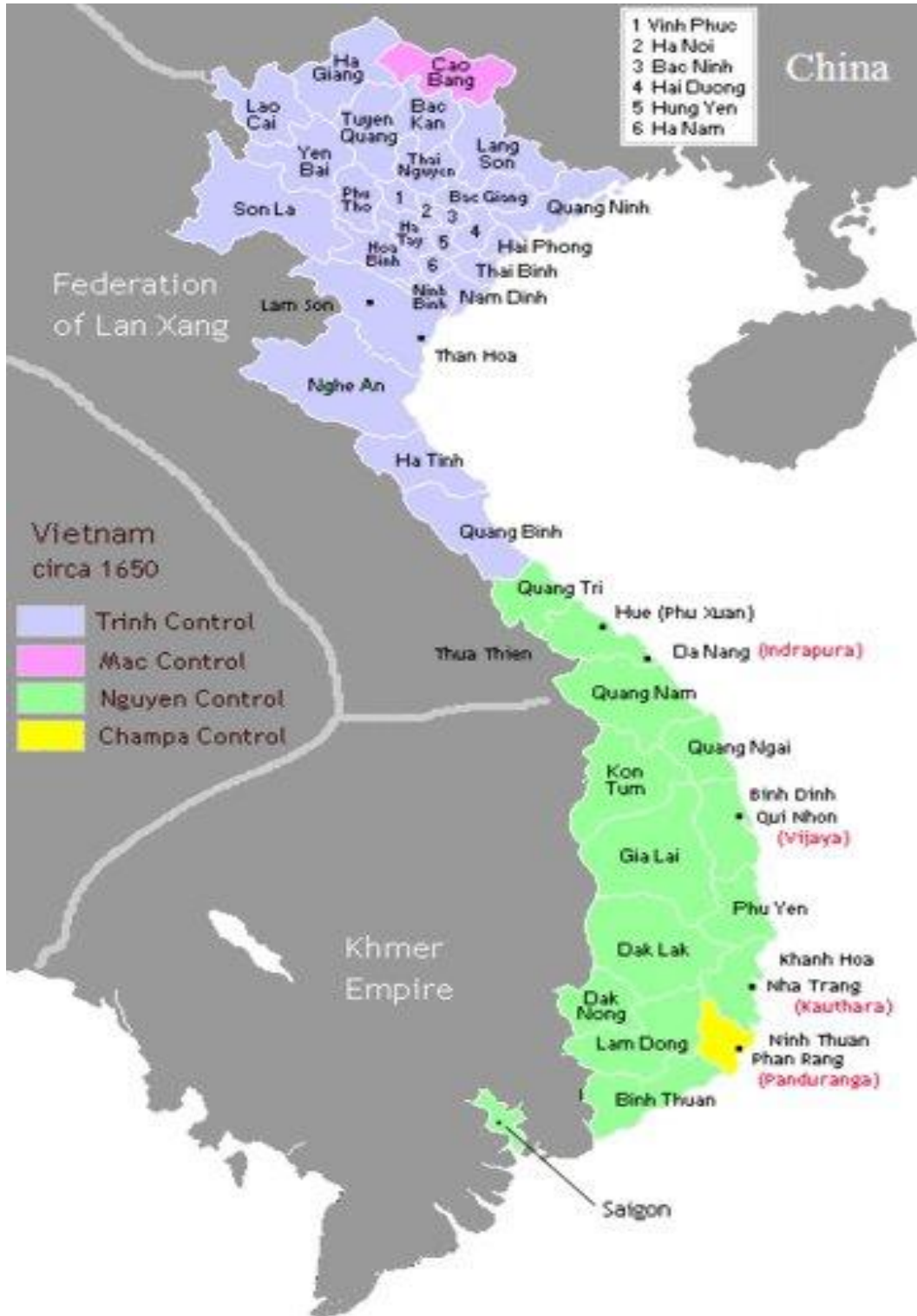
Sau khi bị mất Indrapura và Amaravati sát nhập vào Đại Việt thì vùng đất từ Bình Định đến Phú Yên là nơi dân tộc Chăm sinh sống. Khi dân Việt đi vào định cư, thì người Chăm có đặc tính và khuynh hướng là không bám trụ ở lại. Đa số họ dời đi ở chỗ khác xuống phía Nam, chứ không ở lại với người Việt.

+**Tiểu vương quốc Kauthura:** Vùng đất này hiện nay thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa. Kauthura nổi bật vào thời kỳ sau Lâm Ấp mà sử Trung quốc gọi là nước Hoàn Vương. Quyền lực của Champa chuyển từ phía bắc xuống Kauthara ở phía nam. Vì thế thời Hoàn Vương, Champa có nhiều liên hệ và ảnh hưởng với Chân Lạp và Java. Tính chất thờ thần Visnu và theo Phật giáo trội hơn theo đạo thần Siva. Vào thời Hoàn Vương (758-859), các kiến trúc Chăm được xây dựng theo phong cách Hòa Lai (từ tên tháp Hòa Lai ở đông bắc Phan Rang). Phong cách kiến trúc rất gần với phong cách Chân Lạp và Indonesia.

+**Tiểu vương quốc Panduranga:** Đây là vùng cứ địa cuối cùng còn sót lại của vương quốc Chăm. Năm 1692, Panduranga cũng bị sát nhập vào lãnh thổ đang trong và chúa Nguyễn đổi tên Champa Panduranga thành trấn Bình Thuận. Khác với những vùng khác, Panduranga hiện vẫn còn cộng đồng người Chăm sinh sống, đa số tập trung ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Vì thế nhiều tháp trong vùng (như Po Rome, Po Klaung Garai) vẫn còn được dùng để thờ cúng và trong các dịp lễ hội, chứ không bị bỏ hoang như ở các đền tháp ở Amaravati, Vijaya và Kauthura.

Chính sự biến động từ sự phân chia thành các tiểu vương quốc trong cùng một vương quốc cũng như sự dịch chuyển các trung tâm quyền lực trong suốt quá trình lịch sử cũng đã góp phần tạo nên những sự khác biệt nhất định trong phong cách và kỹ thuật xây dựng – Đặc biệt là trên phong cách và kỹ thuật xây dựng ở các Đền Tháp. Ngoài ra, những khu vực này có vị trí địa lý đặc biệt nằm trên đường giao lưu giữa hai nền văn minh cổ đại của châu Á là Ấn Độ, Java và Trung Quốc cũng như có mối liên hệ với vương quốc liền kề là Phù Nam (Nam Bộ) nên trong tiến trình vận động lịch sử của người Chăm, văn hóa Chăm còn

chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa này....



**Hình 2.1. Bản đồ phân bố các tiểu quốc Chăm trong lịch sử**

(Nguồn: Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Quảng Nam)

### **2.3.3. Đặc điểm về kinh tế - văn hóa - xã hội và tín ngưỡng**

#### **2.3.3.1. Đặc điểm kinh tế**

Mã Đoan Lâm (Ma Tuan-Lin), sử gia người Trung Hoa thế kỷ 13 viết về các dân tộc phía Nam Trung quốc dựa vào sử của nhà Lương, Hán và Tùy đã miêu tả người Lâm ấp (tổ tiên của người Chăm hiện nay) vào thế kỷ thứ 4 cho thấy: Vương quốc của họ giàu về tài nguyên khoáng sản. Họ biết khai thác trầm hương, quế, ngà voi (vùng họ cư ngụ rất nhiều voi), sừng tê, vàng..Đặc biệt họ biết dùng cát trắng để nấu thủy tinh làm bát, đồ trang sức. Tất cả các đặc sản vùng này đã có mang sang Trung Quốc trong những hành trình của các sứ giả Chăm Lâm Ấp. Sử sách Trung Hoa gọi những thủy tinh này là "lưu li" (từ chữ Phạn (sanskrit) verula)...

Người Chăm cũng đã để lại ở Việt Nam nhiều dấu ấn trong sự giao thương, trao đổi và ảnh hưởng. Như ở khu vực miền Trung- trước đây- người xưa cũng từng có câu: “Quảng Nam có lụa Phú Bông - Có khoai Trà Đoá có sông Thu Bồn” hay như Mã Đoan Lâm-sử gia người Trung Hoa Tk 13- cũng đã viết về "vải bông ki-pei", "trông bông", dệt vải lụa màu... cho rằng người Chăm rất giỏi và sản xuất nhiều. Người ta đã tìm thấy ở nhiều di tích Sa Huỳnh những "con lăn" bằng đất nung là cùng với màu sắc hoa văn trên vải lụa và nhiều dọi xe sợi bằng đất nung. Trong 31 đồ triều cống cho nhà Minh, có tới 13 đồ vật bằng vải bông như vải in hoa đỏ, vải in hoa cải củ, vải bông trắng, vải bông đen, khăn tay, khăn vấn đầu...

Tuy nhiên, nền kinh tế Chăm chủ yếu là nền kinh tế dựa vào nông nghiệp và các đội hải thuyền. Sức sản xuất ít phát triển, đời sống xã hội nói chung còn nghèo. Nên kiến trúc các công trình nhà ở, dân sinh tuy có tính đặc sắc nhưng ít có điều kiện phát triển. Chỉ có những công trình tôn giáo, lăng mộ... Ngoài kỹ thuật đặc sắc còn huy động được sức người và vật tư nên có quy mô đáng kể và tồn tại lâu dài. Song do thiên nhiên khắc nghiệt, lại thêm các cuộc chiến tranh liên miên xảy ra khiến phần lớn các công trình kiến trúc

bị tàn phá.[8],[19],[20].

### 2.3.3.2. Đặc điểm văn hóa

+ Về đặc điểm dân tộc, Mã Đoan Lâm (Ma Tuan-Lin), sử gia người Trung Hoa thế kỷ 13 viết về các dân tộc phía Nam Trung quốc dựa vào sử của nhà Lương, Hán và Tùy đã miêu tả người Lâm ấp (tổ tiên của người Chăm hiện nay) vào thế kỷ thứ 4 như sau: Họ có mắt to và sâu, mũi thẳng và cao, tóc quăn đen. Đàn bà búi tóc trên đỉnh đầu thành hình như búa rìu... (chú thích : đây có thể là người thuộc giống Austronesia ở dọc quần đảo Malay, Indonesia..). Về ngôn ngữ, họ nói tiếng Indonesian...

Về đời sống, cũng theo tác giả này, cho thấy:... "Cư dân ở đây xây tường nhà bằng gạch nung, phết trên gạch là một lớp vôi. Nhà được xây trên một nền hay sân gọi là kan-lan (chú thích: kan-lan tiếng Chăm nghĩa là nền sân, hiện nay người Chăm gọi sân tháp Chăm là kan-lan). Cửa nhà thường đặt ở hướng bắc, đôi khi ở phía đông hay tây không có một qui tắc nhất định nào .. Đàn ông và đàn bà không có một y phục nào khác ngoài một đoạn vải ki-peh quấn quanh người (chú thích: từ Chăm). Họ khoét lỗ bông tai để đeo các vòng trang sức nhỏ. Những người có chức sắc đều đi chân đất. Những phong tục này cũng được theo ở vương quốc Phù Nam và tất cả các vương quốc khác phía xa quá Lâm Ấp. Vua đội nón cao trang trí với hoa màu vàng và chung quanh viền nón được tia gọn với nùm tua bằng lụa. Khi ra ngoài nhà vua cỡi voi; đi trước là các kèn tù và và trống, vua được che dưới một dù làm bằng vải ki-peh, chung quanh là nô tì cầm cờ xí cũng được làm bằng vải ki-peh.

Đám cưới lúc nào cũng được tổ chức vào ngày thứ tám của trăng. Chính người con gái đi hỏi con trai, vì con gái được xem là thứ yếu. Hôn nhân giữa những người cùng họ không bị ngăn cấm. Vũ khí của họ gồm có cung, tên, kiếm, giáo, và nỏ làm bằng gỗ tre.

Nhạc cụ họ dùng rất giống nhạc cụ của chúng ta : đàn tì bà, đàn bầu 5 dây, sáo v.v... Họ cũng dùng kèn tù và và trống để báo hiệu cho dân chúng.



Nghi lễ tang của vua bắt đầu 7 ngày sau khi vua mất, còn các quan đại thần thì 3 ngày sau khi mất, và người dân thường 1 ngày sau khi chết. Bất kể chức tước của người mất, thi hài đều được bó lại cẩn thận, sau đó được mang đến bờ biển hoặc bờ sông giữa nhạc trống và điệu múa, và được hỏa thiêu trên dàn củi. Sau khi thi hài của vua được hỏa táng, xương cốt còn lại được bỏ vào hũ làm bằng vàng và ném xuống biển. Còn xương cốt của các quan lại thì đựng trong hũ bạc và ném xuống cửa sông. Với thường dân, hũ đất đựng cốt ném xuống sông là đủ (*Đây có thể là phong tục xưa của người Chăm indonesian với nguồn gốc văn hoá sông, nước, biển*) hoặc chôn các hũ cốt cùng với một số vật dụng tùy táng, theo kiểu địa táng như người Việt....

Trong quá trình phát triển, có những ảnh hưởng, tác động trong quá trình giao thoa về mặt xã hội, kinh tế và văn hóa giữa cộng đồng người Chăm với các cộng đồng dân tộc khác như người Việt. Nếu có sự thay đổi về lối sống, sự thay đổi này có sự tác động 2 chiều. Trong đó, người Chăm ảnh hưởng tới người Việt và ngược lại. Ví dụ, ở các hình thức tín ngưỡng, theo các nhà nghiên cứu, một số hình thức thờ cúng, các nghi, lễ,... của cư dân Việt lại có bắt nguồn từ sự ảnh hưởng của văn hóa Champa như việc tín ngưỡng thờ cúng cá Ông/voi từ người Chăm chuyển sang trở thành thần Nam Hải cư tộc trong cư dân người Việt. Hoặc lễ hội thờ cúng nữ thần Po Inur Nagar/Mẹ xứ sở, đến người Việt gọi là thần Thiên Y A Na/Điễn Ngọc Phi Chúa Ngọc/Bà Chúa Ngọc được thờ cúng tại Điện Hòn Chén (ở Thừa Thiên-Huế), Bà Thu Bồn (Quảng Nam), Tháp Bà ở Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà) và được thờ cúng tại nhiều miếu Bà có khắp ở các làng quê miền Trung.

Các tư liệu cổ còn cho thấy rằng, nhiều sản vật, các loại thực phẩm trồng trọt đã được người Việt và các dân tộc khác du nhập và kế thừa như : Mía, khoai, lúa, bông vải, lúa(Chiêm),..., đồng thời có sự giao thương, hữu hảo và ảnh hưởng qua lại trong văn hóa Chăm và Việt trong các triều đại - đặc biệt là trong giai đoạn Lý -Trần thể hiện qua các mặt âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc, đời sống,... [9],[21],[24],[25].

### 2.3.3.3. Đặc điểm tín ngưỡng

Ấn giáo và Phật giáo là hai tôn giáo chính của chủ nhân vương quốc Chăm xưa. Tôn giáo và tín ngưỡng của người Chăm xưa chủ yếu ảnh hưởng từ Ấn độ giáo với các quan niệm riêng về vũ trụ luận, các triết lý về sự giải thoát và tín ngưỡng thờ Thần. Trong đó thống nhất thờ thần Siva, một trong tam vị nhất thể của đạo Bà La Môn: Brama(sáng tạo) –Visnu(bảo tồn) – Siva(hủy diệt)). Điều này góp phần lớn trong sự biểu hiện của các hình thức kiến trúc – đặc biệt là kiến trúc các Đền tháp cũng như nhiều di tích và các công trình điêu khắc đá khác đã thể hiện.

Tín ngưỡng của người Chăm có từ xa xưa và mang dấu ấn của thời nguyên thủy, đó trước nhất là sự tin tưởng vào sự tồn tại của một thế giới siêu nhiên, nơi các thần linh ngự trị và cũng chính là nơi tồn tại của ma quỷ và linh hồn của những vật thể ở thế giới trần tục sau khi chết. Họ luôn tin rằng tất cả các vật thể cũng như mọi người đều có linh hồn và linh hồn tồn tại vĩnh viễn dù con người có chết đi và các vật thể đã bị hư hại. chính điều này đã thể hiện rất rõ trong hình tượng của nhân thần và thú thần. Những linh hồn cùng với ma quỷ và thần linh luôn có những tác động, chi phối, ảnh hưởng đến thế giới hiện hữu, đến đời sống cộng đồng cũng như đến từng thành viên cộng đồng. .. Những đặc điểm này còn thể hiện ở nhiều khía cạnh khác trong đời sống mà nó có thể biểu trưng bằng những quan niệm, cách nhìn trong thế giới quan của người Chăm xưa:

#### + **Quan niệm chính – phụ; âm – dương**

Chủ đề và nguyên tắc thường thấy là hình tròn và hình vuông

#### + **Quan niệm về các con số**

Người Chăm chú trọng con số 13 - Đó là con số biểu trưng cho sự vượt quá, nó từ chối sự trung bình, do đó hoặc sẽ rất tốt hoặc sẽ rất xấu .

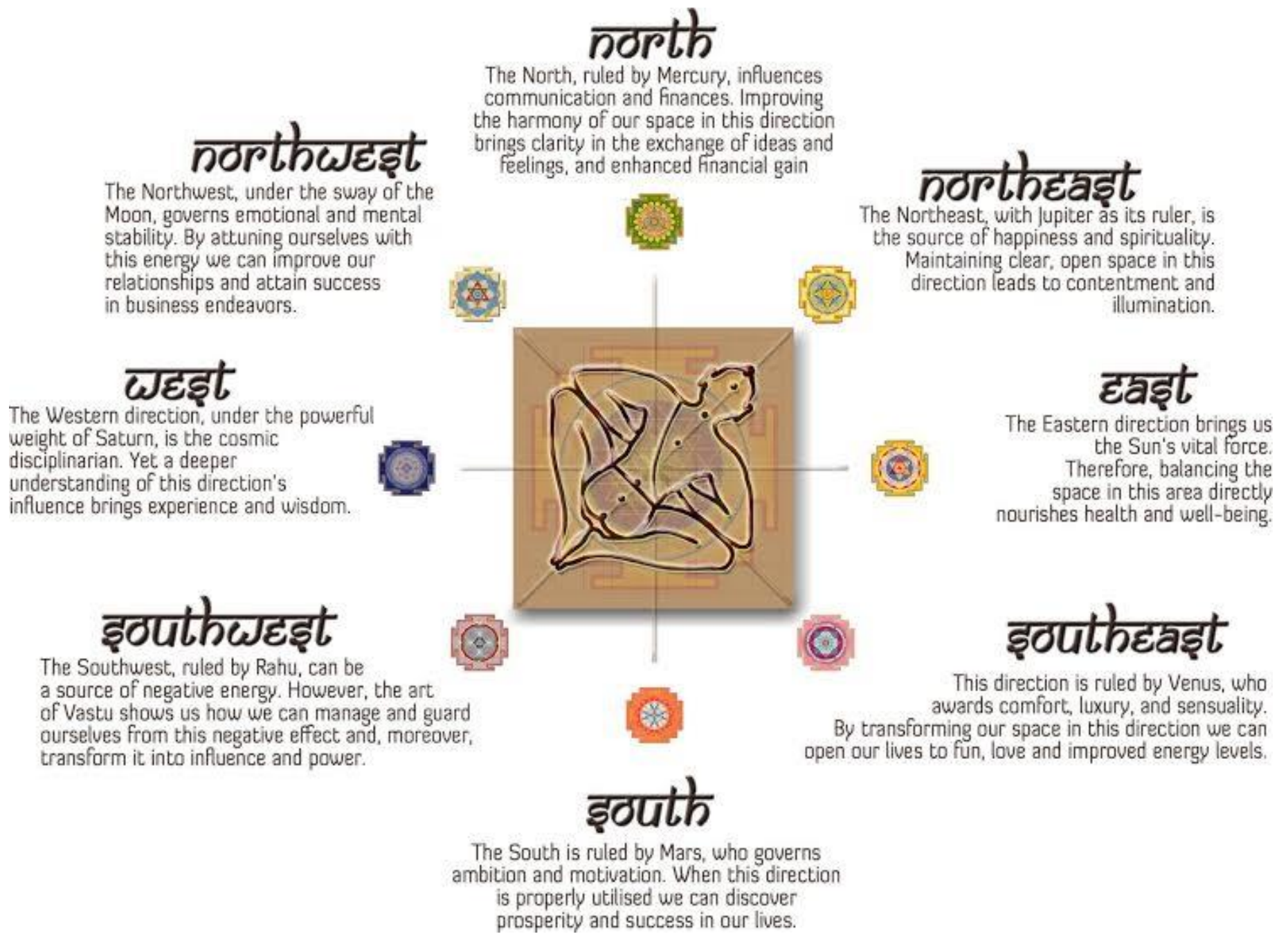
#### + **Tính trung tâm và phương hướng**

Các kiến trúc Đền Tháp của người Chăm khi xây dựng – quy hoạch đều tuân thủ nghiêm ngặt cấu trúc hình khối thường được quy hoạch theo một trật tự nhất định với đồ hình vuông - Mandala. Mandala/Mạn-đà-la trong tư tưởng Ấn

Độ(Hindu giáo) là một đồ hình huyền thuật tượng trưng cho vũ trụ, hoặc vuông hoặc tròn đồng tâm tượng trưng cho vị trí trung tâm. Bình đồ bố cục hình vuông của các ngôi đền tháp của người Chăm dựa trên đồ hình này mà hình thành gọi là Vatsu-purusa-mandala/Mạn-đà-la của hiện thể con người vũ trụ. Purusha là bản chất phổ quát ở cốt lõi của Hindu giáo truyền thống, nghĩa là linh hồn vũ trụ – đại ngã, trong khi vastu nghĩa cấu trúc nhà ở. Các thiết kế đưa ra một ngôi đền tháp Chăm trong một cấu trúc tự lặp đi lặp lại đối xứng bắt nguồn từ niềm tin trung ương, thân thoại, hài hòa và nguyên tắc toán học. Trong đó, bình đồ hình vuông lớn được chia thành 81 ô vuông nhỏ, mà ở đó vị trí của các ô quy định vị trí của các thần. Ở trung tâm thuộc về thần Brahma và các thượng đẳng thần, xung quanh là các vị tinh tú khác và các thần phương hướng. Tám vị thần Ấn Độ giáo được tôn kính và cai quản các phương (Dikpalakas), bao gồm các thần: Indra, Agni, Yama, Nirriti, Varuna, Vayu, Kubera và Ishana, (đã được Jean Boisselier phát hiện tại ngôi đền Mỹ Sơn A1); Thần Indra cai quản hướng Đông, cầm lưỡi Tầm sét, cưỡi Voi. Thần Agni trông coi hướng Đông Nam, mình bao bọc ngọn lửa, tay cầm chậu nước, cưỡi Tê Giác. Thần Yama hộ trì âm phủ, cai quản hướng Nam, cưỡi Trâu và tay cầm Chuỳ. Thần Nirriti hướng Tây Nam, cưỡi con bò Tây Tạng (Yaksa). Thần Varuna cai quản các đại dương, trông coi hướng Tây, thần cầm một dây thòng lọng và cưỡi con Ngỗng (Hamsa). Thần Vayu, biểu tượng của gió, trông coi hướng Tây Bắc, tay cầm lá cờ, cưỡi Ngựa. Thần Kubera, biểu tượng của tài lộc, cai quản hướng Bắc, cưỡi xe. Thần Ishana cai quản hướng Đông Bắc, được mô tả như hiện thân của thần Siva, cưỡi con bò mộng (Nadin) ( Xem H 2.2)

Người Chăm có tín ngưỡng, tôn giáo rất phong phú..Và vì như thế, nghiên cứu sinh nhận xét: Đây là một trong những yếu tố tạo nên một nền kiến trúc đặc sắc, giàu tính bản địa...[2],[3],[4],[9],[21],[24],[25].





Hình 2.2. Mandala - Vị trí các Thần phương hướng và Hình đồ Vastu-Purusha-Mandala

## 2.4. Cơ sở về công nghệ xây dựng

### 2.4.1. Vật liệu xây dựng - Gạch

#### 2.4.1.1 Các loại vật liệu

Về mặt vật liệu, tìm hiểu thêm trên các tài liệu về khai quật và cư dân tại các điểm có người Chăm sinh sống trước đây cho thấy rằng, người Chăm xưa đã biết khai thác các tính năng và tận dụng những vật liệu, chất kết dính tự nhiên, sẵn có tại địa phương một cách đặc sắc và linh hoạt trong các kiến trúc phục vụ sinh hoạt đời sống. Trong đó, tùy theo tính chất công trình, họ thường sử dụng các vật liệu là các loại gỗ, lá (tranh, dừa,..), đất sét, ngói,.. kết hợp với gạch đã nung, các loại đá và các chất kết dính riêng biệt trong việc xây dựng các công trình kiến trúc của mình.

Người Chăm cũng rất chú trọng đến độ bền vật liệu. Trong các kiến trúc Đền Tháp, ta có thể nhận thấy việc sử dụng các loại vật liệu sau đây:

- **Vật liệu Gỗ:** Thông thường được sử dụng cho một số kiến trúc tôn giáo (miếu thờ, đền tháp,.. trong giai đoạn sớm-Tk II-VI). Trong vật liệu gỗ, họ chọn các loại gỗ tốt như Xay, Kiên Kiên, Trắc, Muông... Những vật liệu này sẵn có, có độ bền cao, có khả năng chịu được những tác động khắc nghiệt của môi trường miền Trung.

- **Các loại Ngói:** sử dụng cho lợp mái. (H 2.3.)

- **Các loại Đá** gồm: Đá sa thạch, đá hộc, đá ong, đá cuội, đá granit,.. và sỏi cát. Trong đó:

+ Đá sa thạch, đá ong thường được sử dụng kết hợp với gạch trong các công trình Đền Tháp ở các kiến trúc có niên đại Tk VI-XVII. Trong đó, đá sa thạch được sử dụng ở những vị trí là các trụ ốp, đà lanh-tô, trang trí ở các đế chân tháp,.. và đá ong được sử dụng như vai trò thành phần gia cố nền móng tháp. Các loại đá này tùy theo vị trí mà được ghép từ các phiến...

+ **Các loại sỏi, cát,..** thường được sử dụng trong các thành phần gia cố chân móng ở các Đền – Tháp.

### 2.4.1.2 Vật liệu gạch

**\*Các loại gạch:**( xem hình 2.3 và PL 04)

- **Sử dụng:** Mọi ngôi tháp đều được xây bằng gạch hoặc chủ yếu bằng gạch. Gạch có màu đỏ hồng, đỏ sẫm với độ xốp cao và liên kết với nhau rất rắn chắc, bền vững tới hàng chục thế kỷ

- **Về hình dáng-kích cỡ và những đặc điểm bên ngoài:**

+ **Kiểu 1:** Gạch có hình khối hộp, kích thước lớn. Trong dân gian, người miền Trung gọi gạch Chăm này là “gạch vồ” có lẽ vì nó lớn như cái chày vồ.

+ **Kiểu 2:** Hình chữ nhật, mỏng và các kiểu khác như hình vàng khăn.

Những phát hiện gần đây cho thấy người Chăm đã sử dụng nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau để làm gạch, kích cỡ các viên gạch ở mỗi nơi cũng khác nhau. Tại Mỹ Sơn gạch Chăm có kích thước khoảng 31x17x5cm, có độ nung không đều, không rắn lắm nhưng cũng không non... Chúng được xếp nằm khít nhau, không hề thấy mạch hồ dù rất mỏng. Ở một số Tháp có những viên bị nung cao biến thành sành.

**\* So sánh sơ bộ dưới đây cho phép nghiên cứu sinh kết luận: Gạch các tháp Chăm không có một kích cỡ chung. ( H 2.3, H 2.4, H2.5.)**

| Nơi lấy mẫu/Kích thước gạch | Dài    | Rộng   | Dày   |
|-----------------------------|--------|--------|-------|
| Tháp Mỹ Sơn                 | 31cm   | 17cm   | 5cm   |
| Tháp Khương Mỹ - Quảng Nam  | 40,9cm | 21,2cm | 8,5cm |
| Tháp Bằng An - Quảng Nam    | 20cm   | 20cm   | 2,5cm |
| Tháp Chiên Đàn - Quảng Nam  | 32cm   | 17cm   | 7cm   |

+ **Về tính chất cơ lý:**

Với độ rắn cao, sức bền tốt, trải qua hàng ngàn năm sương gió những viên gạch này vẫn duy trì được chất lượng của nó. (Những viên gạch Chăm Những viên gạch Chăm hoàn hảo không bao giờ bị rêu phong, đen sạm bởi sương gió, ngoại trừ bị vỡ, bị tách biệt khỏi môi trường kiến trúc tự nhiên.). Gạch Chăm có thể nói là đã mang nét rất riêng của nó. Một số các viên gạch tại các tháp Chăm khi bị vỡ ra để lộ phần đất sống bên trong. Điều này có nghĩa gạch chỉ được nung chín đều phần bên ngoài, bên trong vẫn còn “sống”. Điều đặc biệt là phần



“đất sống” bên trong những viên gạch gãy vỡ qua thời gian dài, dù nằm ngoài trời, chịu nhiều tác động của mưa gió nhưng hầu như không hề mục rùn.

Qua khảo sát bằng việc đo tỷ trọng và độ hút nước của các loại gạch ở nhiều điểm khác nhau trên các tường Tháp còn sót lại như Tháp E7 và G tại Mỹ Sơn(Quảng Nam), Khương Mỹ(Quảng Nam), Chiên Đàn(Quảng Nam), (H2.3, H2.4, H 2.5) và qua các mẫu vật liệu xây dựng được thu thập thí nghiệm tại Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (Viện KHCVXD), các thông số kỹ thuật chủ yếu đã được nghiên cứu sinh xác định bao gồm: Cường độ chịu nén, cường độ chịu uốn, độ mài mòn, độ hút nước, khối lượng thể tích... Trong đó, tham khảo kết quả thí nghiệm vật liệu xây dựng các đền tháp Cảnh Tiên (Bình Định), Dương Long( Bình Định), Hòa Lai (Ninh Thuận) được sử dụng từ các dự án thực tế; kết quả thí nghiệm trên các đền tháp khác được sử dụng từ đề tài "Nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chăm phục vụ trùng tu và phát huy giá trị di tích" của Viện KHCVXD nhận thấy các đặc điểm chung như sau:

- Gạch được làm từ đất sét hay sét pha cát có trộn thêm tro, trấu, được nhào luyện kỹ và có các đặc trưng cũng như các tính chất cơ lý khác hẳn các loại gạch thông thường do thành phần đất, công nghệ nung,... Theo kết quả nghiên cứu gần đây nhất của Viện KHCVXD-Bộ Xây dựng, gạch trên các đền tháp Chăm có các đặc điểm chính như sau: gạch được nung nhẹ lửa, nhiệt độ nung, tùy thuộc vào nguyên liệu, song không vượt quá 800-850<sup>0</sup>C; gạch có độ xốp lớn, khối lượng thể tích nhỏ và độ hút nước cao; cường độ chịu nén khoảng 70-75(daN/cm<sup>2</sup>), cường độ chịu uốn khoảng 20-22 (daN/cm<sup>2</sup>), gạch không bị nứt rạn, cong vênh; sự dao động các chỉ tiêu cơ lý khá lớn, song cơ bản có khối lượng thể tích trung bình  $\gamma_v = 1,63 \text{ g/cm}^3$ (nhỏ hơn so với gạch đặc đóng tay  $v \cong 1,8 \text{ g/cm}^3$  và gạch đặc máy  $\gamma_v \cong 2,0 \text{ g/cm}^3$ ) độ hút nước khoảng 20-21 (%), độ mài mòn khoảng 1,2 -1,3 (g/cm<sup>2</sup>),... (Xem PL 04).

Kết quả thí nghiệm của Viện KHCV và TS. Nguyễn Minh Khang [27] cho thấy gạch ở các đền tháp có cường độ chịu nén khá cao nhưng cường độ chịu

uôn tháp; gạch có độ xốp. Tuy nhiên độ mài mòn lớn, ảnh hưởng tới độ bền của tường tháp trước tác động của tự nhiên, độ hút nước không cao nên quá trình hút ẩm và thoát ẩm cũng diễn ra chậm.

*Ngoài ra, qua khảo sát trên hiện trạng các Tháp ở khu vực Quảng Nam, nghiên cứu sinh nhận thấy có một số điểm đặc biệt sau về mặt vật liệu trên tường Tháp:*

**\* Có sự khác biệt giữa gạch bên ngoài - trang trí với gạch xây ở giữa bề dày của các bức tường Tháp.**

- Các viên gạch xây bên trong tường tháp (Bàng An, Khương Mỹ, Chiên Đàn,..) có kích cỡ, dày mỏng,.. không đều nhau, lộn xộn,.. so với các viên gạch mặt ngoài tường.( H 2.6; H 2.7; H 2.8)

- Nghiên cứu sinh đã tiến hành lấy thử 3 mẫu gạch nằm rải rác ở giữa bề dày của tường Tháp tại các Tháp Bàng An, Khương Mỹ, Chiên Đàn,... thì thấy 3 mẫu gạch đó có độ nung khác nhau từ 600°C đến 1000°C, còn mẫu gạch lấy ở mặt ngoài và mặt trong bức tường thì có độ nung từ 1000°C đến 1150°C.

- Ngoài ra, dựa theo một số kết quả nghiên cứu về các tính chất của vật liệu gạch trên các kiến trúc Đền Tháp cho thấy, cùng một loại đất sét với thành phần như nhau, nhưng tỷ trọng của những viên gạch nằm ngoài lớn hơn và độ hút nước của chúng thấp hơn những viên gạch ở giữa trên các Đền Tháp, chứng tỏ rằng những viên gạch nằm ở mặt ngoài và mặt trong bức tường Đền Tháp có độ kết khối (aggregation or contraction) cao hơn những viên gạch nằm ở giữa bề dày của tường. Như vậy, có thể chúng đã phải trực tiếp chịu một nhiệt độ nung cao hơn là những viên gạch nằm giữa.

Trong đó:

+ Gạch trang trí và gạch xây ngoài có tỷ trọng là 1,52g/cm<sup>3</sup> và tỷ lệ hút nước là 20%.

+ Gạch xây ở giữa bề dày của bức tường có tỷ trọng là 1,50g/cm<sup>3</sup> và độ hút nước là 27%R.

- Quan sát ở mặt tường phía Bắc của ngôi tháp Bàng An, nghiên cứu sinh nhận



thấy có một mảng tường khá lớn (7-8 mét vuông) bị nhiệt độ cao nung cháy đen (Nhiệt độ này chỉ có ở lò nung trong nhiều ngày). Những viên gạch cháy này chỉ thấy ở 2 hoặc 3 lớp gạch của tường, chứ đi sâu vào bên trong tường Tháp thì không. (H 2.9b). Chúng nằm sát nhau thành một mảng lớn có màu nâu đen đồng nhất, không xen kẽ viên cháy với viên không. Điều này cho thấy gạch bên ngoài không những được nung hay tiếp xúc với lượng nhiệt cao hơn so với gạch ở giữa bề dày của bức tường Tháp mà lượng nhiệt mà các viên gạch ở các mặt ngoài Tháp tiếp xúc một vài điểm lại cũng không được đồng đều.

**\* Có sự khác biệt về cách thức chế tác vật liệu gạch trên tường Tháp so với cách thức chế tác gạch thông thường (sản xuất và nung theo quy cách tại lò)**

+ Ở lớp gạch thứ 2 từ ngoài vào trên mặt tường phía Bắc của ngôi tháp Bằng An, nghiên cứu sinh phát hiện thấy một viên gạch có hiện tượng kết khối, tức là viên gạch bị nung ở nhiệt độ khá cao (trên 1200<sup>0</sup>C) trong nhiều ngày, có màu nâu đen, co giảm thể tích lại làm hở ở hai đầu viên gạch khoảng 0,6-0,7cm mà hoàn toàn không thấy một chút vữa nào. Hiện tượng *kết khối* này nếu đến các lò gạch, chúng ta sẽ thấy nó thường xảy ra sau khi gạch mộc (gạch chưa nung) được xây lên tường.

+ Quan sát kỹ ở các tường tháp ở Mỹ Sơn, Bằng An hoặc tháp Bánh Ít .v.v...(H 2.12, H 2.13) nghiên cứu sinh hoàn toàn không tìm ra vết tích một viên gạch nào bị người thợ xây chặt gãy để lắp vào chỗ xây cho vừa - một việc làm bắt buộc phải có - nếu người thợ dùng kỹ thuật xây bằng gạch đã nung chín. Trong khi đó, nghiên cứu sinh chỉ thấy các viên gạch lớn, nhỏ, dài, ngắn, dày, mỏng không đều nhau, nhưng tất cả đều bằng phẳng và nằm vừa vặn ở vị trí của nó. Điều đó nói lên rằng người thợ Chăm xưa có thể đã dùng gạch mộc còn mềm để xây và dùng dao linh động cắt ngắn hoặc vạc mỏng bớt đi để viên gạch được vừa đúng ở vị trí cần xây chăng.

+ Về kỹ thuật chế tạo: Nghiên cứu sinh nhận thấy phần lớn gạch được làm bằng đất sét pha, không được lọc rửa. Người thợ xử dụng nguyên liệu địa phương để sản xuất gạch, đất được lấy ở các đồi, gò vì trong gạch thấy lẫn sạn đá ong. Độ nung

của các viên gạch này nói chung không đều nhau (Có loại từ 500-580°C, có loại được nung từ 1000 - 1100°C). Đặc biệt, như đã nói ở trên, người Chăm xưa sử dụng kỹ thuật nung ngoài để tạo tác vật liệu (Gạch, Ngói,..). Theo đó, người ta chất Rom, Cùi, Trấu, Đá cuội.. quanh và bên dưới vật liệu cần nung ở ngoài Trời để “hầm” nhằm tạo khả năng chín đều, đặc biệt đối với những vật liệu có độ dày lớn. Đây có thể được xem là những kỹ thuật đặc sắc, giàu tính bản địa và sáng tạo trong kỹ thuật tạo tác vật liệu. (H 2.14)[23]

Một giả thuyết cho rằng sở dĩ tháp nhanh khô ráo là do trong quá sản xuất gạch, ngoài thành phần chính là đất sét ruộng, người ta còn gia thêm vỏ trấu cùng một ít vôi nung từ vỏ sò, vỏ ốc. Do có vỏ trấu nên khi nung xong, vỏ trấu cháy đi để lại những lỗ rỗng, viên gạch nhờ thế mà dễ thoát nước nhưng vẫn đủ độ chắc bảo đảm cho việc xây dựng tháp. Cũng có người cho rằng đất không lạ (vì khi xây thánh địa Mỹ Sơn người ta đã mang đất nhiều nơi về đó) nhưng kỹ thuật thì lạ. Chính kỹ thuật “đặc biệt” đã làm cho gạch Chăm có thành phần silic cao hơn gạch xây dựng thông thường rất nhiều và điều khác đáng lưu ý nữa là: bã thực vật trong những viên gạch Chăm cũng khá nhiều. Những viên gạch bị rơi ra, bị gãy vỡ thì hầu không còn nằm trong cơ chế rút nước của tháp nhưng do thành phần cấu tạo đặc biệt nên tự thân chúng cũng nhanh khô ráo. Vì vậy, các mảnh vỡ của gạch dù nằm ngoài trời nhiều năm vẫn không bị mục rã.[21],[23],[26].

**\* Một số các biểu hiện đặc biệt khác liên quan về mặt vật liệu gạch trên tường Tháp**

+ Khảo sát các phế tích Tháp Chăm gần đây được khai quật trên địa bàn Đà Nẵng, nhận thấy dấu tích của củi than bị đốt cháy xung quanh các chân Tháp (Phong Lệ, Quá Giáng, Cẩm Mít,..) được khai quật (H 2.10).

+ Khảo sát bên trong các ngôi tháp như các tháp C<sub>1</sub>, B<sub>6</sub> ở Mỹ Sơn, tháp Bánh Ít ở Bình Định và tháp Bằng An ở Điện Bàn, Quảng Nam....thì nhận thấy: Khi dùng đèn pha roi sáng ở vòm và phía trong đỉnh tháp, chúng ta sẽ thấy ở các vị trí này còn lưu lại nhiều khối đen bám dày trên tường gạch. (H 2.9a)

Bằng thử nghiệm độc lập, nghiên cứu sinh đã lấy mỗi nơi một mẫu đem về rửa sạch qua cồn êtylic và nước cất rồi đem soi dưới kính hiển vi, thì thấy đó là những nguyên tố carbon tự do của củi gỗ cháy không hoàn toàn còn bám lại trên vách chứ không phải là khói hương. Ở khói hương không có nguyên tố carbon tự do, chỉ có một số tinh dầu thực vật và benzonpyrene ( $C_{20}H_{12}$ ).

+ Tại Mỹ Sơn hoặc vị trí bên trong của ngôi tháp Bằng An (qua khỏi phần tiền sảnh, nhìn lên mặt tường bên tay trái), nhận thấy một mảng tường lớn khoảng 5-6 mét vuông còn để lại đầy những vết vạc cho phẳng của dao trên gạch mộc (gạch chưa nung) đã xây lên nhưng chưa nung. Những vết dao vạc này rất bằng phẳng, liền nhau không đứt quãng. Có thể vì dao vạc vào gạch lúc chưa nung còn ướt nên đã làm lấp kín các khe gạch, chỗ có đường dao đi qua. (H 2.11a,b)



**Hình 2.3. Một số viên gạch và ngói( ngói, đầu ngói, ống ngói nóc,..)  
tại kinh thành Simhapura trước đây-Trà Kiệu-Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.4. Gạch có tỷ trọng, độ hút nước, độ nung...khác nhau ở các lớp, các bề mặt (Mỹ Sơn)**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.5. Gạch tại Tháp Chiên Đàn-Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*





(a)

(b)

**Hình 2.6. Các viên gạch phía trong tường tháp xây dựng lộn xộn, mâu thuẫn với kỹ thuật khéo léo ở mặt ngoài**

(a)-Hình ảnh tại các mảng tường đổ phía cửa của cụm tháp Khương Mỹ-QN và (b) tại cụm tháp Chiên Đàn- Quảng Nam

*(Nguồn: Tác giả)*



(a)

(b)

**Hình 2.7. Gạch ở phía bên ngoài Tháp với các lớp có các tính chất khác nhau**

(a)-Trên tường Tháp Bằng An- Quảng Nam; (b)-Tại quần thể Mỹ Sơn- Quảng Nam

*(Nguồn: Tác giả)*



(a)

(b)

**Hình 2.8. Tháp Khương Mỹ-Quảng Nam**

(a)-Gạch có nhiệt độ nung và độ kết khối khác nhau ở các lớp

(b)-Bên trong một viên gạch vỡ tại Mỹ Sơn

*(Nguồn: Tác giả)*



(a)

(b)

**Hình 2.9. (a)-Các khối đen còn bám phía trong đỉnh tháp Bằng An-Quảng Nam và (b)-Mảng Tường với nhiều viên gạch đồng nhất bị nung ở nhiệt độ cao tại Mỹ Sơn-Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*





**Hình 2.10. Những dấu tích của củi than bị đốt cháy xung quanh các chân Tháp (Phong Lệ, Quá Giáng, Cẩm Mít,.. Đà Nẵng)**  
(Nguồn: Bảo tàng Chăm - Đà Nẵng)



(a)

(b)

**Hình 2.11. (a)-Mảng tường trên tường Tháp còn sót lại tại Mỹ Sơn và (b)- Các mảng tường bên trái & phải phía tiền sảnh Tháp Bằng An cũng đều đầy những vết vạc cho phẳng trên gạch**

(Nguồn:Tác giả)



**Hình 2.12. (a) - Các viên gạch đều nằm vừa vặn, sít sao trên Tường tháp Mỹ Sơn không có dấu hiệu của việc chặt gãy gạch để ráp cho vừa, một việc làm bắt buộc khi gạch đã nung chín và (b) - Dấu vết một mảng tường gạch đặc biệt tại Mỹ Sơn là sự sơ suất trong quá trình xây dựng hay mang một ý nghĩa đặc biệt nào đó khi chưa thực hiện điêu khắc, trang trí(!?)**

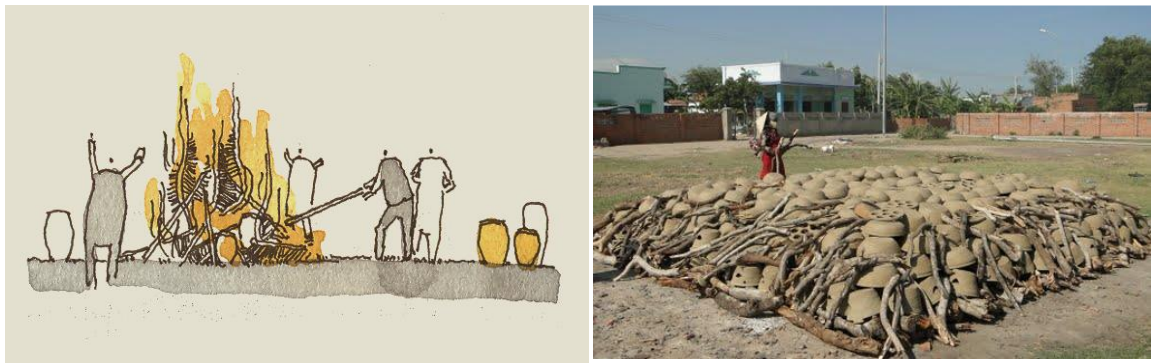
*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.13. Những dấu tích trên bề mặt mà chúng ta thấy hoàn toàn không hiện diện các viên gạch bị chặt gãy nham nhở ở trên mặt tường-một việc làm bắt buộc phải có trong quá trình xây dựng - Ảnh trên Trụ trang trí bằng gạch tại Mỹ Sơn-Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*





(a)

(b)

**Hình 2.14. Hình ảnh công đoạn nung các vật dụng bằng Gốm, Gạch,.. của người Chăm hiện nay tại Ninh Thuận**

#### **2.4.2. Chất kết dính**

Qua khảo sát và nghiên cứu trên một số tư liệu và những bằng chứng còn để lại trên hiện trạng một số Tháp, nghiên cứu sinh nhận thấy thành phần được cho là "chất kết dính" giữa các viên gạch trên Tháp có thể được chia ra 2 trường hợp sau:

##### **A - Chất kết dính thực vật và keo thực vật**

Trường hợp ở tháp Pô Rômê (TKXVI -Ninh Thuận) có lớp hồ giữa hai viên gạch là chất hữu cơ có thể đốt cháy được và cho rằng, hợp chất hữu cơ này là hợp chất được chiết xuất từ cây dầu rái. [19],[27],[50],[54]. (xem PL 06).

Một trường hợp đặc biệt khác nữa, đó là đối với Tháp Hòa Lai (Tk IX – Phan Rang, Ninh Thuận) thì theo kết quả nhóm nghiên cứu của TS Nguyễn Minh Khang, [27] cho rằng có 2 loại chất liên kết khác nhau trong quá trình xây dựng Tháp. Tại cuộc khai quật khảo cổ nhóm đền tháp Hòa Lai năm 2005 của bảo tàng lịch sử Việt Nam, các nhà khảo cổ đã nhận thấy, giữa các viên xây có tồn tại một lớp vật liệu mỏng có màu nâu xám, có thể là chất kết dính thực vật. Bên cạnh đó, tại các mặt tường có lớp màng mỏng màu xám nhạt khá cứng giống như xi măng. Đây có thể là lớp bảo quản bề mặt ngoài giống như sơn tường ngăn cách bề mặt gạch xây với môi trường bên ngoài để chống lại sự xâm nhập của vi khuẩn và các yếu tố thời tiết tác động vào công trình. Qua quan sát

thực tế khối kiến trúc trên mái tháp đã mất liên kết, nhóm tác giả cũng nhận thấy, trong các khe xước còn bám các lớp vật liệu màu đen. Mặc dù khối lượng vật liệu này quá nhỏ, không thể tiến hành thí nghiệm xác định thành phần hóa học, song nhóm tác giả cho rằng, đây chính là dấu vết của nhót thực vật tồn tại lâu ngày giữa các viên gạch xây đền tháp.

- Thành phần vữa xây phần lõi tháp và đỉnh tháp, qua kết quả thí nghiệm của nhóm tác giả cho thấy tương tự nhau, khác với thành phần hoá của gạch ( $\text{Fe}_2\text{O}_3$  nhỏ, MgO lớn) và thành phần cơ bản vẫn là sét. Chất liên kết là bột gạch với hợp chất hữu cơ có thành phần ít sắt, nhiều magiê. Như vậy, phần lõi tháp được xây bằng các loại vữa đất sét, có thể không theo phương pháp mài tiếp xúc như phần vỏ tháp.

Có thể cho rằng, khi xây các đền tháp Hòa Lai, cư dân Chăm-pa xưa đã sử dụng chất liên kết nhót thực vật để xây kỹ phần vỏ tháp bằng phương pháp mài tiếp xúc, tạo thành những bờ ngăn hai bên, phần lõi kẹp giữa các bờ ngăn này được sử dụng vữa đất sét, có mạch xây lớn hơn.

Nhóm nghiên cứu cũng cho rằng, thành phần hữu cơ kết dính đó chính là hợp chất được chiết xuất từ nhựa cây Dầu rái. (Dầu rái là tên chỉ nhựa chiết từ một nhóm cây có dầu, tên khoa học là *Dipterocarpus*, gồm khoảng 70 loài phân bố ở Ấn Độ, Malayxia, Xrilanca, Mianma, Thailan, Campuchia, Lào, Việt Nam). Ở Việt Nam, cây dầu Rái được trồng thành rừng tại miền Trung, thân cây tròn và thẳng; loại nhựa cây này có thể khai thác hàng năm với dung lượng lớn; có độ kết dính rất chặt và bền; hoàn toàn không thấm nước. Nhựa cây này rất dễ xử dụng, đem trộn dầu Rái với đất sét khô hay bột gạch, chúng sẽ tạo thành một loại vữa dễ khô cứng dưới nắng. Ở nước ta có 11 loài. Nếu xét theo lãnh thổ, nơi có tháp Pô-rômê thì có khả năng nhựa dầu rái dùng xây tháp được lấy từ các loại *Dipterocarpus alatus*, *Dipterocarpus tuberculatus*, *grandifolius*, *Dipterocarpus costatus*... và đây là một loại nhựa cây dùng làm chất kết dính trong công trình chỉ được biết đến một nơi duy nhất (tháp Pô-rômê của người Chăm ở Ninh Thuận). Đây là trường hợp khá đặc biệt vì nó cho thấy sự từ bỏ vật liệu và

phương pháp xây truyền thống và xây kiểu có mạch vữa như người Việt.

### ***B -Hợp chất vô cơ - Vữa đất sét***

Tuy nhiên, nghiên cứu sinh cho rằng đa số các tháp ở vùng Quảng Nam đến Bình Định (các tháp có niên đại sớm-TkVI-Tk13) có kỹ thuật xây dựng và kết cấu của từng viên gạch chồng lên nhau thường không phát hiện mạch vữa hoặc mạch vữa rất mỏng và chỉ nằm rải rác ở các viên gạch, thường là đồng chất với chất gạch xây tháp. Theo tiến sĩ Ngô Văn Doanh ở tập *Danh thắng và kiến trúc Đông Nam Á* [13], chuyên gia Ba-Lan đã phân tích các mẫu cho là chất kết dính ở giữa các viên gạch, đã đi tới kết luận là không có chất hữu cơ nào có khả năng kết dính các viên gạch lại với nhau, nhưng lại có mặt các khoáng thạch anh và illit nằm ở cái gọi là "chất vữa" giữa các viên gạch như của mẫu lấy từ viên gạch. Đồng thời một số nghiên cứu và bài viết cũng đã cho rằng các chất kết dính đa số là thành phần vô cơ tương tự với thành phần hóa học của các viên gạch như : Sét, các Oxit Silic, Oxit Nhôm hoạt tính ( $\text{SiO}_2$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ).

Bằng khảo sát thực địa, nghiên cứu sinh đã kiểm tra các khe gạch bị vỡ trên các tháp như ở Mỹ Sơn, Bằng An, Khương Mỹ,.. và nhận ra có thể dùng ngón tay bóc một vài cục vữa đó ra một cách dễ dàng, chúng có màu hồng hoặc hơi vàng của loại đất sét nung ở nhiệt độ thấp, nằm lòn ngổn và rải rác ở giữa khe hở một số viên gạch. (H 2.15). Nếu quan sát tổng thể chung đối với khoảng giữa các viên gạch nằm ở mặt ngoài tường, mặt trong tường và ngay cả trường hợp các viên gạch nằm ở giữa bề dày tường thì không thấy các dấu hiệu này. Điều này chứng tỏ rằng, ở giữa một số viên gạch có một chất vữa bằng đất sét bị nhiệt nung lên ở nhiệt độ thấp là có thực, nhưng nó không phải là bột của những viên gạch đã nung, được nghiền ra để làm chất vữa kết dính, vì loại bột vữa này chỉ được nung ở nhiệt độ thấp dưới  $600^\circ\text{C}$ . Trong thành phần này, nghiên cứu sinh nhận thấy có chứa khoáng thạch anh, mica, illit (*tức là một loại đất sét có chứa mica tìm thấy khá phổ biến ở các loại gạch xây trên tường tháp Champa và ngay cả trong những viên gạch hiện nay khi các viên gạch đó được nung ở nhiệt độ thấp hoặc không lớn lắm*),.. Qua thí nghiệm độc lập của nghiên cứu

sinh trong lĩnh vực hóa học với việc dùng tanin và axêtat bazơ chỉ để tìm kết tủa bông, chứng tỏ sự hiện diện của chất keo thực vật hoặc động vật trong các viên gạch cũng như trong dung dịch của thứ gọi là vữa đất sét này thì cũng không thấy xuất hiện. Ngoài ra, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng, cái gọi là “vữa” đó còn có diasper tức là còn một số oxyt kim loại như  $Al_2O_3$  tồn tại ở trạng thái tự do (Điều này nghiên cứu sinh cũng đã phát hiện khi cho chất vữa vào dung dịch axit clorhydric loãng để hoà tan  $Al_2O_3$  và nhận ra nó một cách dễ dàng). Những thành phần này xuất hiện từ các thành phần oxyt kim loại có trong vật liệu gạch khi vật liệu gạch được nung và bốc hơi. ***Điều này sẽ làm cho nghiên cứu sinh nhận định rằng trong gạch xây hoặc trong chất vữa đất sét không có chất keo thực vật hoặc động vật. Và cái gọi là "vữa" đó chính là các thành phần đất sét từ vật liệu gạch bốc hơi và được ngưng tụ giữa mặt tiếp xúc giữa 2 viên gạch khi các viên gạch được nung lên.***

**Tiểu Kết:**

Như vậy, qua các nghiên cứu - khảo sát và thí nghiệm độc lập, nghiên cứu sinh nhận định đa số các tháp ở vùng Quảng Nam đến Bình Định (các tháp có niên đại sớm-TkVI-Tk13 - xem Bảng 2.26) có kỹ thuật xây dựng không sử dụng chất kết dính. Những thành phần được xem là "chất kết dính" thường là "vữa đất sét" rất mỏng, đồng chất với chất gạch xây tháp.



(a)

(b)

**Hình 2.15. Lớp vữa giữa các lớp gạch có màu hồng hoặc hơi vàng của loại đất sét nung ở nhiệt độ thấp, nằm lổn ngổn và rải rác ở giữa khe hở một số viên gạch (a)-Tháp Bàn An; (b)-Mỹ Sơn- QN. (Nguồn: Tác giả)**

### **2.4.3. Kỹ thuật xây dựng không chất kết dính**

Nghệ thuật xây dựng đối với mỗi Tháp trong mỗi khu vực hay trong từng giai đoạn trước đây của người Chăm xưa ngoài những kỹ thuật truyền thống chung thì có thể vẫn có những kỹ thuật riêng với nhiều khác biệt mà trên hiện trạng còn lại của các di tích Tháp Chăm ở suốt chiều dài của dải đất miền Trung Việt Nam chúng ta có thể thấy được chúng. Nghiên cứu trên các Tháp có niên đại sớm, có thể nhận thấy vật liệu xây dựng cơ bản là gạch, kỹ thuật xây dựng là khá cao. Trong đó, gạch được xây xếp liền khối cả trong và mặt tường Tháp và được điều khắc trực tiếp, như các Tháp: Chiên Đàn(Quảng Nam), Khương Mỹ(Quảng Nam), Hòa Lai(Ninh Thuận)...; Trong giai đoạn tiếp theo thì kỹ thuật xây dựng chỉ chú trọng mặt tường Tháp, trong lòng tường Tháp thường có sự sử dụng tùy tiện vật liệu gạch xây dựng với các kích thước, độ nung khác nhau. Đồng thời giai đoạn này có sự tham gia của điêu khắc đá. Điển hình như Tháp Chiên Đàn ở Quảng Nam và các Tháp ở Bình Định. Ngoài ra, cũng có giai đoạn mà việc xây dựng các Tháp có sự tham gia phổ biến của chất liệu đá như Dương Long, Tháp Đôi ở Quy Nhơn - Bình Định và một số Tháp ở Mỹ Sơn. Và gần đây hơn là các Tháp có niên đại muộn thì lại có xu hướng giản lược hóa, nghèo nàn về cấu trúc và trang trí. Đồng thời kỹ thuật xây dựng bằng chất kết dính như hồ vữa trở nên rõ nét...[33].

Các đền tháp Champa được xây dựng bằng những kỹ thuật, phương pháp đặc biệt từ vật liệu đến việc kết hợp với các chi tiết trang trí kiến trúc trên vật liệu. Kỹ thuật này khá ổn định trong suốt chiều dài lịch sử mặc dù vẫn có những sai lệch ít nhiều tùy theo mỗi vị trí cụ thể và thời gian xây dựng mỗi tháp. Nhưng sự đa dạng trong lịch sử phát triển của kỹ thuật xây dựng Tháp này có thể hiểu được bởi Champa là một phức hệ gồm nhiều tiểu quốc khác nhau nên từ ngày xưa có thể có những kỹ thuật xây dựng khác nhau và cũng bởi các Tháp có thể đã trải qua nhiều lần trùng tu trong lịch sử phát triển của nó. Riêng đối với các Tháp không xuất hiện mạch vữa như Tháp Khương Mỹ, Chiên Đàn, Bàn An, E7 và G ở Mỹ Sơn,..., độ kết dính giữa các viên gạch không chỉ do hỗn hợp kết dính mà còn do

một kỹ thuật khác nữa-kỹ thuật mài chập. Các viên gạch được mài vào nhau đến khi mặt tiếp xúc thật khít để tạo sự kết dính hoàn toàn trên bề mặt các viên gạch. Như vậy, có thể xác đoán hỗn hợp kết dính đó phải là chất lỏng sền sệt giống như hồ hoặc keo lỏng đồng chất với vật liệu gạch. Hoặc chúng được tạo ra từ việc tiếp xúc giữa 2 viên gạch mộc (gạch chưa nung) trong môi trường nước.

Nghiên cứu sinh nhận định rằng: Sở dĩ người Chăm dùng thứ hỗn hợp kết dính trên thay cho vôi vữa là có lý do. Vấn đề này liên quan đến kỹ thuật xây dựng và trang trí tháp. Về kỹ thuật xây dựng tháp, các viên gạch được liên kết bởi sự tiếp xúc, mài chập với nhau. Hỗn hợp kết dính (kết hợp kỹ thuật mài chập) được tạo ra giữa các viên gạch làm tăng tính ổn định và tăng tính thẩm mỹ cho toàn bộ kiến trúc.( H 2.17, H 2.18, H 2.19). Bằng quan sát, nghiên cứu sinh nhận thấy các Tháp ở Quảng Nam đến Bình Định được xây dựng không có mạch vữa và có thể có điêu khắc trực tiếp trên vật liệu. Quy trình xây tháp và trang trí trên tháp được tiến hành gần như song song, tức là xây đến đâu là trang trí đến đó.

Rõ ràng, việc lựa chọn cái gọi là “vữa đất sét” còn do yêu cầu của kỹ thuật trang trí chứ phải không chỉ do yêu cầu của kỹ thuật xây dựng. Bằng cách này, các tháp Chăm có được những kiểu thức kiến trúc đa dạng, những kiểu cách hoa văn trang trí độc đáo, thể hiện tài hoa của những bậc thầy về nghệ thuật xây gạch. Bởi về mặt kiến trúc Tháp, không thể gọi là nghệ thuật khi các phù điêu, các tượng trên thành tháp, nóc tháp lại lộ rõ ra những mạch hồ và nhất là các mạch hồ này khó có thể chịu đựng được thời tiết khắc nghiệt của miền Trung qua hàng trăm năm.

### **Tiểu Kết:**

Nghiên cứu sinh cho rằng: *Những giải pháp nêu trên là kỹ thuật đặc biệt để vừa đáp ứng yêu cầu của kỹ thuật trang trí - thẩm mỹ, vừa tạo nên cả ngôi Tháp như là một khối đồng nhất. Điều này có thể góp phần giải thích được khả năng bền vững, không ngã đổ của Tháp dù Tháp được xây dựng khá cao cũng như khả năng thoát nước nhanh từ bề mặt Tháp và khả năng chống xâm thực ngược đến Tháp.*

## 2.5. Cơ sở quy hoạch và kiến trúc

### 2.5.1. Quy hoạch

Khảo sát trên hiện trạng các tháp, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng, tháp Chăm được xây dựng ở rất nhiều địa hình khác nhau, từ trong thung lũng kín đáo, hay cạnh sông lớn, đến giữa đồng bằng; từ trên ngọn đồi gần cửa biển, hay trên ngọn đồi ven sông cho đến trên ngọn đồi biệt lập... nhưng bao giờ cũng tách biệt với khu dân cư nhưng quan trọng trong liên kết với vùng đô thị, cảng biển, giao thông thủy, hoặc thánh địa; trên khu đất cao hơn xung quanh.

Tháp Chăm - thực ra, chúng luôn có một cụm, một tổng thể hoàn chỉnh phản ánh vũ trụ quan Ấn Độ giáo. Quan niệm cổ xưa đó cho rằng thế giới có hình vuông, xung quanh là núi và đại dương bao bọc, chính giữa là một trục xuyên đến mặt trời; chúng được thể hiện trong kiến trúc Ấn Độ giáo với khuôn viên vuông vắn, tường bao quanh xây cao, vuông góc với nhau tượng trưng cho núi. Các công trình trong tổng thể một nhóm đền tháp Chăm Pa thường được bố cục theo một đường trục chạy giữa với hướng chính của các công trình thường mở ở phía Đông - hướng của thần thánh, của sự sinh sôi, nảy nở. (H 2.23; H 2.24; H 2.25). Tổng mặt bằng kiến trúc đền tháp Chăm Pa có sự phân lớp, biểu hiện qua tường bao hoặc các cấp nền khác nhau. Các đền tháp trong tổng thể, về mặt không gian thì ở nơi mang tính trọng tâm nhất, về mặt cao trình thì ở những cấp nền cao hơn xung quanh.. Trong đó, về đại thể, có thể chia bố cục các nhóm đền tháp Chăm Pa theo hai dạng chính:

**Dạng thứ nhất:** gồm 3 tháp(Kalan) đặt liền nhau theo trục Bắc - Nam tiêu biểu như tháp Khương Mỹ(Quảng Nam), Chiên Đàn(Quảng Nam),(xem H 2.23).. Quy hoạch quần thể dạng này có phần kiến trúc chủ thể gồm ba ngôi đền – tháp đứng song hàng theo trục Bắc – Nam, cùng quay mặt về hướng Đông. Tùy vị trí của mỗi tháp mà chúng được gọi là những Kalan Nam, Kalan giữa hay Kalan Bắc, tương ứng với ba vị thần được thờ là: Brahma, Siva và Visnu. Đặc điểm đó chứng tỏ, trong buổi đầu tiếp xúc với Ấn Độ giáo, Chăm Pa tôn sùng cả ba vị thần. Tuy nhiên, trong đời sống người Chăm khi đó cũng đã manh nha xuất hiện việc lựa chọn vị thần chủ Siva cho mình. Vì thế, tháp thờ

Siva (Kalan giữa) thường có kích thước lớn hơn hai tháp kia. Ngoài kiến trúc chủ thể, vẫn có những kiến trúc phụ xung quanh như một tổng thể hoàn chỉnh nhưng hầu hết các kiến trúc phụ đó không được chú trọng nên độ bền không cao, đa phần bị huỷ hoại.

**Dạng thứ hai:** gồm một tháp thờ thần Siva ở vị trí trung tâm hoặc ở trên một cao điểm trên trục trung tâm và các tháp khác (Tháp Đồng Dương: xây dựng khoảng thế kỷ IX - X, ở xã Bình Định, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; Tháp K, L, M, N là các tháp riêng lẻ nằm trong quần thể đền tháp Mỹ Sơn) và một số Tháp cũng thuộc khu vực miền Trung như: Poklong Garai (Ninh Thuận), Po Nagar (Khánh Hoà)... (xem H 2.24, H 2.25). Dạng bố cục này xuất hiện khi vai trò của thần Siva trở thành vị trí chủ đạo trong văn hóa Chăm. (Trừ trường hợp đặc biệt tháp Bàn An - Quảng Nam thuộc dạng 2 tháp) Tiêu biểu cho loại này là một loạt nhóm đền tháp trong khu thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), Poklong Garai (Ninh Thuận), Po Nagar (Khánh Hoà)... Trong loại bố cục này, kiến trúc chủ thể (Kalan) luôn được đặt ở trung tâm của bố cục với cửa mở hướng Đông. Phần kiến trúc phụ gồm các tháp phụ thờ thần thứ yếu và các nhà phụ vây xung quanh.

Trên tổng mặt bằng hiện trạng còn lại của các Tháp cũng như trên các phế tích, nhận thấy rằng, tháp Chăm dù có nhiều phong cách khác nhau, vẫn sắp đặt theo sơ đồ nhất định:

Một tháp chính (*kalan*) ở trung tâm. Nghiên cứu - khảo sát trên các cụm tháp, nhận thấy rằng: Cửa chính của *Kalan* (tháp chính) luôn hướng mặt trời mọc, là nơi trú ngụ của thần linh, hướng khởi động vũ trụ vận hành. Riêng *Kalan* ở Tháp Po Dam (Tuy phong, Bình Thuận) cửa chính hướng về Nam là để tưởng niệm người đã khuất. Một *kalan* có hai cửa lớn trở về hai hướng đông-tây là Mỹ Sơn A1. (H 2.24, H 2.25). [17],[26]. Đối diện với *Kalan* là một tháp-cổng (*gopura*) có hai cửa trở về hướng đông-tây. Trước tháp-cổng là một tiền đường (*mandapa*), loại nhà dài, mái ngói có nhiều cửa sổ và hai cửa chính mở về hướng đông-tây, đây là nơi để tĩnh tâm, cầu nguyện, múa hát thiêng, cầu kinh, chuẩn bị lễ vật ... trước khi vào hành lễ thánh tẩy tại *Kalan*.



*Mandapa* trong kiến trúc Champa có ba loại: (1) loại không có tường bọc kín mà chỉ sử dụng những hàng cột lớn bằng gạch hoặc đá để chống đỡ mái ngói, như ở Pô Nagar Nha Trang, Đồng Dương; (2) loại có tường bọc kín và trở nhiều cửa sổ như ở Mỹ Sơn D1, D2; (3) loại dùng những hàng cột gỗ để đỡ mái, như ở Pô Kloong Garai. *Mandapa* được xây dựng theo hai kiểu thức sau: (a) *gopura-mandapa-kalan* (*mandapa* không có tường bọc kín); (b) *mandapa-gopura-kalan* (*mandapa* có tường bọc kín)[26].

Một công trình đặc biệt trong kiến trúc Champa, đó là về phía trước hoặc phía Nam của *kalan*, bao giờ cũng có một kho lễ vật (*kosagrha*) hay còn gọi là Tháp Nam, đây là một kiến trúc bằng gạch, mái cong hình thuyền; có một hoặc hai phòng; cửa chính luôn luôn mở về hướng bắc-là hướng Thần Tài Lộc *Kuvera*; và hai cửa sổ có chấn song con tiện bằng sa thạch ở hai đầu đông và tây. Ngôi tháp này cũng dùng để nấu thức ăn cúng dâng cho chư thần, ngày nay người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận gọi các ngôi tháp này là 'tháp lửa'. Ngôi 'tháp-lửa' này tượng trưng cho kho báu và sự trù phú của vương quốc. Cũng có giải thích cho rằng ngôi 'tháp lửa' dùng để giữ ngọn lửa thiêng của Thần Lửa Agni để hành lễ tại *kalan*. Cạnh đó, tiếp nhận ảnh hưởng từ nền nghệ thuật láng giềng, người Chăm còn có 5 nhóm tháp gồm 3 *kalan* dựng sát bên nhau. "Bimong" là tên được người Chăm định danh cho cả cụm tháp, và "Kalan" là để chỉ ngôi tháp chính. ( H 2.24, H 2.25). Hiện nay, nói chung, đối với cụm 8 tháp tại khu vực Đà Nẵng - Quảng Nam các thành phần kiến trúc trong tổng thể quy hoạch này đa phần đã sụp đổ, chỉ còn các tháp chính trong tình trạng gần như phế tích.(H 2.23). Riêng tại khu vực Mỹ Sơn vẫn còn sót lại các dấu tích của kiến trúc nhà dài *Mandapa* như cũng trong tình trạng phế tích...( H 2.24).

Nghiên cứu sinh cho rằng: Việc quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng các Tháp và cụm Tháp này còn có ý nghĩa trong việc góp phần cho kết cấu chung, sự ổn định và bền vững của các Tháp. Các tháp Chăm tồn tại qua hàng nghìn năm mà hầu như không có hiện tượng nghiêng lún hay biến đổi hình dạng, trạng thái của công

trình dưới sức nặng của khối vật liệu được sử dụng (từ biển) bởi trước khi xây tháp, các nhà kiến trúc Chăm đã “khảo sát địa chất” một cách kỹ lưỡng. Vị trí xây tháp được chọn thường là những vị trí cao nhất- ngay cả ở trong các thung lũng (Mỹ Sơn). Điều này đã góp phần cho việc xử lý thoát nước tốt để phần chìm(móng) không bị hủy hoại.

### **Tiểu Kết:**

Tháp Chăm dù có nhiều phong cách khác nhau, vẫn sắp đặt theo sơ đồ nhất định, mang tính triết lý và chứa đựng các thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo,... Việc quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng các Tháp và cụm Tháp của người Chăm xưa còn có ý nghĩa trong việc góp phần cho kết cấu chung, sự ổn định và bền vững trong kiến trúc của các Tháp.

### **2.5.2. Kiến trúc**

#### **2.5.2.1 Hình thức Kiến trúc**

**A - Khảo sát trên một số Tháp điển hình( nhóm 3 Tháp và nhóm 1 Tháp) trong nhóm 8 tháp ở Quảng Nam - Đà Nẵng**

+ **Nhóm tháp Khương Mỹ:** (xem H 2.23b)

Gồm ba cụm tháp được người Chăm xây dựng vào cuối thế kỷ 9 đầu thế kỷ 10. Tháp Khương Mỹ có giá trị đặc biệt là tháp Chăm duy nhất ở miền Trung được trang trí thân tháp theo môtip nghệ thuật Khmer, kiểu cành lá vút cong vênh lên ở đầu mút. Chính vì vậy các nhà nghiên cứu Pháp trước đây đã xếp chúng vào phong cách riêng: phong cách Khương Mỹ – đầu thế kỷ 10.

. **Tháp Bắc:** là tháp nhỏ nhất trong nhóm, có 1 cửa ra vào và 5 cửa giả (1 cửa giả ở phía Tây, ở tường phía Bắc và Nam mỗi bên có 2 cửa). Tiền sảnh tháp bị sụp đổ một phần. Vòm cuốn trên các cửa uốn hình vòng cung, trang trí hoa văn thảo mộc cách điệu, đầu lá uốn cong xoắn xít, lá xếp thành nhiều tầng, thu nhỏ dần lên trên, tâm của vòm cuốn là một tổ hợp cành lá uốn thành dạng lá đề. Trên mỗi trụ tường có 5 trụ ốp tường, dọc các trụ ốp tường trang trí hoa văn thảo mộc cuộn thành những chữ S nối tiếp nhau, xen kẽ với các mảng tường trang trí

hình thoi nối tiếp nhau từ chân đến đỉnh tường.

\* **Tháp Giữa:** lớn hơn tháp Bắc, được bảo tồn tương đối tốt. Cũng có một cửa ra vào và 5 cửa giả như tháp Bắc. Vòm cuốn trên cửa được tách làm 2 tầng, cấu tạo bởi các lớp hoa văn thảo mộc cách điệu, uốn cong ở đầu mút, lá có rãnh sâu, trên đỉnh của mỗi vòm cuốn là một tổ hợp cành lá uốn thành hình lá đề. Phần chân và đỉnh của trụ đỡ vòm cuốn chạm 2 tầng hoa sen cách điệu. Trên mỗi mặt tường có 5 trụ ốp tường, chạm trổ hoa văn thảo mộc cuộn thành những chữ S nối tiếp nhau.

. **Tháp Nam:** là tháp lớn nhất trong nhóm, được bảo tồn tương đối tốt. Cấu trúc gồm như 2 tháp kia, nhưng trên mỗi mặt tường chỉ có 4 trụ ốp tường. Hoa văn trang trí trên các trụ ốp tường và các mảng tường là các dải hoa văn thảo mộc cuộn thành những hình chữ S nối tiếp nhau, xen kẽ với hoa văn hình thoi.

Trong đợt gia cố, tu bổ tháp Khương Mỹ cuối năm 2000, những người làm công tác trùng tu đã tìm thấy nền sân tháp nguyên thủy ở độ sâu từ 1,5m đến 1,7m cùng nhiều mảng trang trí trên gờ diềm, chân tường đế tháp bằng sa thạch điêu khắc về thần Vishnu, con khỉ...

+**Tháp Bằng An:** (xem H 2.23c)

Bằng An là ngôi tháp duy nhất có mặt bằng hình bát giác còn tồn tại đến ngày nay và có hình dáng bên ngoài giống như một chiếc linga khổng lồ. Đây được coi là tác phẩm điêu khắc bằng gạch lớn. Tháp nằm trong khuôn viên rộng khoảng 4.000m<sup>2</sup>, có hình bát giác. Chiều cao của tháp khoảng 20m, đế tháp khá cao, thân tháp là một hình trụ bát giác, mỗi cạnh tường dài khoảng 4m. Vòm mái hình chóp, gồm có 8 mái cong thu nhỏ dần và nhọn ở trên đỉnh. Cấu trúc tháp gồm 2 phần là tiền sảnh và điện thờ. Phần tiền sảnh khá dài, cửa ra vào ở hướng Đông, hai bên tiền sảnh có 2 cửa ra vào phụ (năm 1940 được trùng tu lại thành 2 cửa sổ). Phần đế của tiền sảnh cao 3m. Phần thân tiền sảnh gồm những góc tường thẳng đứng, các khối viền cửa làm cho lòng tiền sảnh có dạng chữ thập. Phía trên phần thân như một đài hoa được tạo bởi các đường gập của khối xây loe rộng ra bốn phía. Mái tiền sảnh là một

khối chóp bốn mặt cong thu dần về phía đỉnh. Toàn bộ tiền sảnh còn lại đến nay khá nguyên vẹn, tuy rằng phần đỉnh đã sạt lở và mất các chi tiết trang trí ở các cạnh. Bên ngoài tháp hiện nay vẫn còn hai pho tượng Gajashima bằng sa thạch với bộ lông gáy được chạm khắc cách điệu, các móng chân được thể hiện rõ, chiếc vòi ngắn và cong lên. Dựa vào hai pho tượng này và mặt bằng của tháp, nhà khảo cổ học J.Boisselie đã định niên đại của tháp Bằng An là vào khoảng cuối thế kỷ XI. Một số nhà nghiên cứu thì lại cho rằng niên đại của tháp vào khoảng cuối thế kỷ IX đến đầu thế kỷ X; còn hai pho tượng Gajashima được dựng vào thế kỷ sau...

### ***B - Đánh giá những đặc điểm kiến trúc chung các Tháp***

- Kiến trúc Tháp có 4 mặt hình vuông đối xứng nhau. Đa phần mặt trước hướng về phía đông có cửa ra vào còn 3 mặt còn lại ở 3 hướng (tây, nam, bắc) có ba cửa giả được bố trí đăng đối với cửa chính. (Một số Tháp theo phong cách Nam Ấn -Thờ vị Thần khác (xem mục 2.3.3.3 Tín Ngưỡng) có lối vào hướng Nam). (H 2.16)

- Tháp có chiều cao lớn hơn khoảng vài lần so với chiều ngang thân tháp. Tỷ lệ các phần của tháp có tính nhân bản, nghĩa là nó được xuất phát từ con người. Mặt bằng tháp đa số là hình vuông có không gian bên trong chật hẹp. Tường Tháp xây dày (1m-1,50m). (H 2.16, H 2.17, H 2.18). Sự tiến hóa của mặt bằng từ đơn giản đến phức tạp chính là sự phát triển của kết cấu và cũng chính là sự tiến hoá của các phong cách nghệ thuật các tháp Chăm.[33], [34].

- Tất cả tháp Chăm đều có 13 vòm trụ, tương ứng với cơ số 13 mà người Chăm dùng trong ngày thường - Đó là con số biểu trưng cho sự vượt quá, nó từ chối sự trung bình, do đó hoặc sẽ rất tốt hoặc sẽ rất xấu -Trong hình thức chung, Tháp có phần ngọn được thu nhỏ dần hoặc giạt cấp và kết thúc bằng một Linga hoặc Búp Sen bằng đá trên nóc tháp. Theo kết quả khảo sát, ở các đền tháp mặt bằng gần vuông, giao tuyến của bốn góc mái không thể gặp nhau tại một điểm thì vòm mái được bịt kín. Khi đó, một khối xây được tạo ra chỉ để cho chi tiết đỉnh tháp gắn vào. Hiện tượng này thấy được ở Khương Mỹ và đền tháp Bắc Hoà Lai, với

khối gạch hình đa giác đều trên đỉnh (H 2.27, H 2.28). Một chi tiết quan trọng khác trong lòng các đền tháp là, ở cao độ lưng chừng hoặc kết thúc các tầng mái, bốn mặt tường có các lỗ thông ra phía ngoài (H 2.28).

- Như vậy có thể thấy: Nhìn chung, các Tháp Chăm đều được thiết kế theo hình học gọi là Vastu-Purusha-Mandala. Như đã nói, Mandala có nghĩa là những đồ hình có dạng đối xứng, cân đối quanh một trục trung tâm, như hình vuông và hình tròn. Bốn hướng chính giúp tạo ra các trục của một ngôi đền tháp, xung quanh hình thành một hình vuông hoàn hảo trong không gian có sẵn. Các vòng tròn của Mandala tạo thành quảng trường. Hình vòng tròn được lấy ý tưởng từ những gì con người quan sát trong cuộc sống hàng ngày (mặt trăng, mặt trời, chân trời, giọt nước, cầu vồng). Các hình vuông được chia thành những ô vuông nhỏ gọi là padas (thường có 64, hoặc 81 ô vuông). Mỗi padas là khái niệm được gán cho một nguyên tố tượng trưng, đôi khi là một vị thần. Trung tâm của hình vuông dành riêng cho Brahman, và được gọi là Brahma padas. Phía trên Vastu-Purusha-Mandala là một cấu trúc thượng tầng với một mái vòm gọi Shikhara ở phía Bắc Ấn Độ, và Vimana ở miền Nam Ấn Độ. Mái vòm dạng chóp tròn hoặc mái vòm được thiết kế như một kim tự tháp, hình nón hoặc hình dáng núi. Các học giả cho rằng hình dạng này được lấy cảm hứng từ ngọn núi vũ trụ của Meru hay đỉnh núi Kailash của Himalaya, nơi các vị thần ngự trị. (xem H 2.16)

#### 2.5.2.2. Giải pháp sử dụng vòm cuốn, gá ghép vật liệu và hệ thống kết cấu móng

##### **A/ Vòm cuốn**

- Các Tháp có giải pháp kiến trúc Vòm cuốn. Trong đó, giải pháp vòm giả 2 phương (Cửa chính Tháp -H 2.29) với kỹ thuật giạt góc khác nhau có thể tạo ra các bề mặt trang trí đa dạng, đồng thời lại có thể tăng độ cứng, tăng khả năng ổn định cho ngôi tháp trước các tải trọng gió bão, song về mặt bằng cơ bản tháp vẫn có dạng đối xứng qua các trục; kỹ thuật vòm giả 3 phương (Bên trong lòng Tháp -H 2.29) cho phép triệt tiêu lực đẩy ngang chân vòm, tạo cho kiến trúc có tỷ lệ thanh thoát và có thể tùy biến kiến trúc dễ dàng, song vẫn dễ nhận ra ngôi tháp Champa so

với các ngôi tháp khác.

### **B/ Gá ghép vật liệu**

Mặc dù các tháp Chăm ít sử dụng đá, song cũng có các chi tiết kiến trúc như trụ cửa, lanh tô, trang trí áp tường được làm bằng đá. Để liên kết các chi tiết đá, người xưa dùng chính sức nặng của các viên đá, có thể có các chân neo ngậm vào khối xây gạch. Giữa các chi tiết đá, người xưa định vị ngàm, hèm, mộng chốt đuôi cá, các chốt được đổ chì, mộng chốt kiểu âm dương. Các chi tiết này chỉ có tính định vị ổn định chi tiết kết cấu mà không có tác dụng chịu lực

- Ngoài kỹ thuật gá ghép Đá, một số các chi tiết Gỗ như đà gỗ, cửa gỗ,.. cũng được gá ghép bằng kỹ thuật liên kết mộng.(H 2.22)

### **C/Hệ thống kết cấu móng**

- Khảo sát điển hình một số Tháp (tháp Phong Lệ, Quá Giáng, Cẩm Mít - Đà Nẵng), nghiên cứu sinh nhận thấy hầu hết các tháp Chăm có phần nền móng được gia cố nền khá chắc chắn, chủ yếu bằng đá ong, đất cát, đá cuội. Phần chân được xây bằng gạch, đặt trên các lớp gia cố, bao gồm: lớp hỗn hợp cát và đất mịn, lớp hỗn hợp cát và sỏi nhỏ (hoặc đá granit đập nhỏ) độ dày khoảng 20cm tạo thành lớp gia cố giống như hỗn hợp bata (vôi, cát, đá nhỏ) hoặc sử dụng gạch vỡ đập nhỏ trộn lẫn cát dày từ 10cm đến 20cm. Bên dưới lớp gia cố là lớp cát thuần. Ở một số cụm tháp( Dương Long - Bình Định), nền móng tháp được xử lý gồm nhiều lớp đá ong và nhiều lớp gạch được xếp chồng khít lên nhau.

Phía dưới chân tháp, thường được chọn ở những vị trí có một khối đá tảng to lớn hoặc những vùng có đá tổ ong tạo nên sự vững chãi cần thiết. Ở những nơi không tìm được khối đá tảng phía dưới thì người ta phải gia cố móng theo cách tạo “khối đá” nhân tạo. Tháp vững chãi và không nghiêng còn do chân tháp có một hệ thống trợ lực ngoại vi. Phần móng nằm rất sâu trong lòng đất, có nơi bằng hoặc hơn khoảng 1/7 - 1/10 chiều cao lộ thiên của Tháp (Một số Tháp ở Mỹ Sơn có độ sâu móng từ 1,5-2m) và được xây dựng cấp. Một số chân đế lại được xây bằng đá – như Tháp Dương Long (Tây Sơn - Bình Định)- có hình thức

bo quanh thân tháp, đường kính thường trên 20 mét được làm bằng đá sa thạch chồng khít lên nhau tạo thành nhiều tầng và có nhiều diềm mái chạm trổ hoa văn, hình thù cầu kỳ, tinh xảo. (H 2.29). Những khai quật xung quanh cụm tháp này trên diện tích 1.500 m<sup>2</sup> đã cho thấy hệ thống chân đế này được tạo bởi những khối đá lớn, dày gần 60 cm, giữa các khối có những mộng đá gắn kết. Hệ thống chân đế đồ sộ này tạo sự bề thế, vững chãi cho các tháp. Riêng chân đế của tháp chính được trang trí bằng những hoa văn cánh sen ngửa rất đẹp, nét chạm khắc tinh xảo. Theo các nghiên cứu, dưới lớp chân đế sẽ còn có nhiều lớp gạch. Điều này đã được xác nhận qua lần khai quật mới đây (tháng 8-2008) tại tháp Bình Lâm (Bình Định). Trong đó, kết quả khai quật khảo cổ đã làm xuất lộ hệ thống bó chân tháp bằng gạch dày 1,25m, phần cao nhất hiện còn 0,8m. Bó chân tháp được xây giạt cấp và bẻ góc từ hai bên cửa giả phía Nam và phía Bắc ôm vòng qua trước tiền sảnh của vòm cửa chính... Phần bó chân tháp bị chôn sâu trong lòng đất khoảng 1,5m. Đây là một phát hiện mới đối với kiến trúc tháp cổ Champa ở Bình Định.

Khảo sát trên những khai quật mới nhất gần đây ở Tháp Phong Lệ (Hòa Vang-Đà Nẵng)(H 2.21) nghiên cứu sinh còn nhận thấy: Chân móng có bình đồ gần hình chữ Thập. Ở chính tâm của móng tháp có 1 hố vuông có độ sâu cùng với móng tháp. Hố vuông này được quy ước gọi là Hố thiêng. Trong khu vực hố thiêng có 8 ô cửa nhỏ nằm ở 4 mặt sát đáy hố (mỗi phía 2 cửa nằm lệch hướng nhau). Kiến trúc hố rất mới lạ cùng những hiện vật trong lòng hố khá độc đáo, mới lạ và nhất là sự độc đáo trong ý nghĩa của cách sắp xếp những hiện vật có trong các cửa ở hố này với việc chính giữa mỗi ô cửa đều có một hòn đá cuội nhẵn nằm dưới một hòn gạch vuông được bao quanh bằng cát nhỏ, mịn. (H 2.21) Tiếp đó, phía trước cửa này là những hòn đá thạch anh che chắn. Đây có thể là những hó thờ vật yếm. Và vật yếm gồm hòn đá cuội đặt dựng đứng ghép với viên gạch ngang trên đầu phải chăng khiến ta liên tưởng đến cặp ngẫu tượng Linga và Yoni, nhưng trật tự có một chút thay đổi. Viên gạch ngang có hình

dạng biểu trưng cho Yoni nằm trên thay vì nằm dưới. Các hốc đều như thế. Hiện tượng đó hẳn không phải ngẫu nhiên mà nó thể hiện quan niệm tín ngưỡng của người Chăm xưa. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà trước mỗi hốc đựng vật yếm trong hốc thiêng, trên hốc thiêng lại có các viên đá thạch anh chắn cửa, trong khi đá cuội và cát sỏi mới là thành phần phổ biến còn lại của mọi cấu trúc tường, móng tháp Chăm. (Thạch anh (silic điôxít,  $\text{SiO}_2$ ) hay còn gọi là thủy ngọc, trong suốt có màu sắc đa dạng: tím, hồng, đen, vàng...là một trong số những khoáng vật phổ biến trên Trái Đất). Từ các khai quật khảo cổ bên dưới lòng Tháp và dựa trên các hoạt động văn hóa - tín ngưỡng của người Chăm xưa, cho thấy người Chăm quan niệm thạch anh là vật liệu huyền bí, có khả năng thu nhận các năng lượng vũ trụ nên nó được sử dụng như các vật biểu trưng cho niềm tin, các quan niệm tín ngưỡng đặc biệt trong xây dựng Tháp.

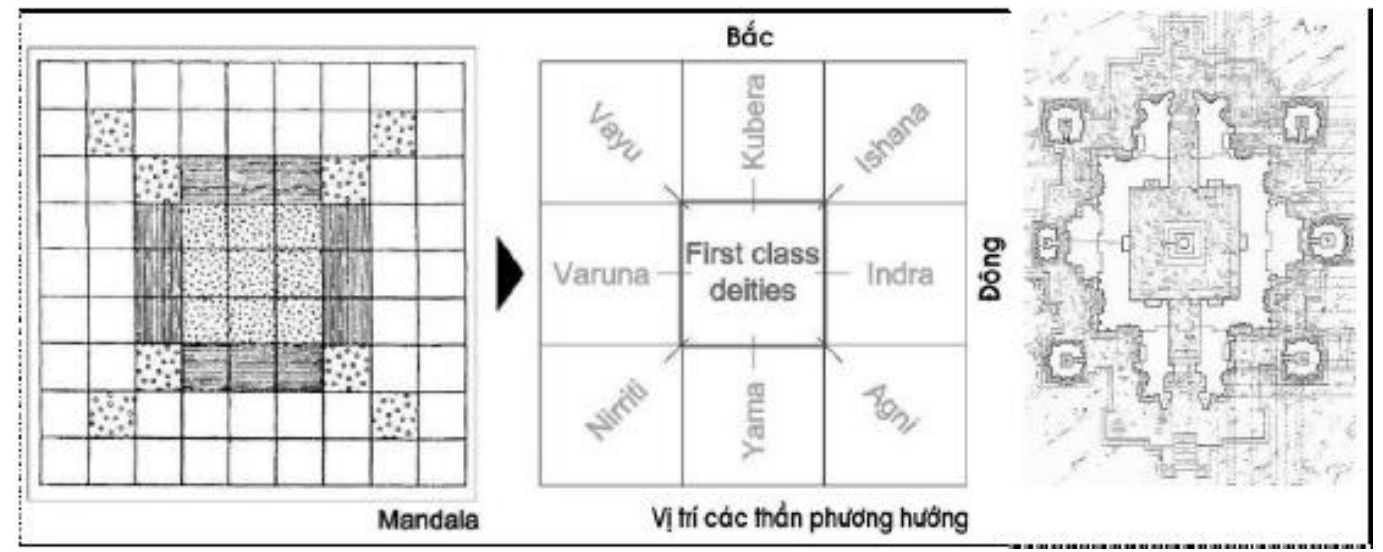
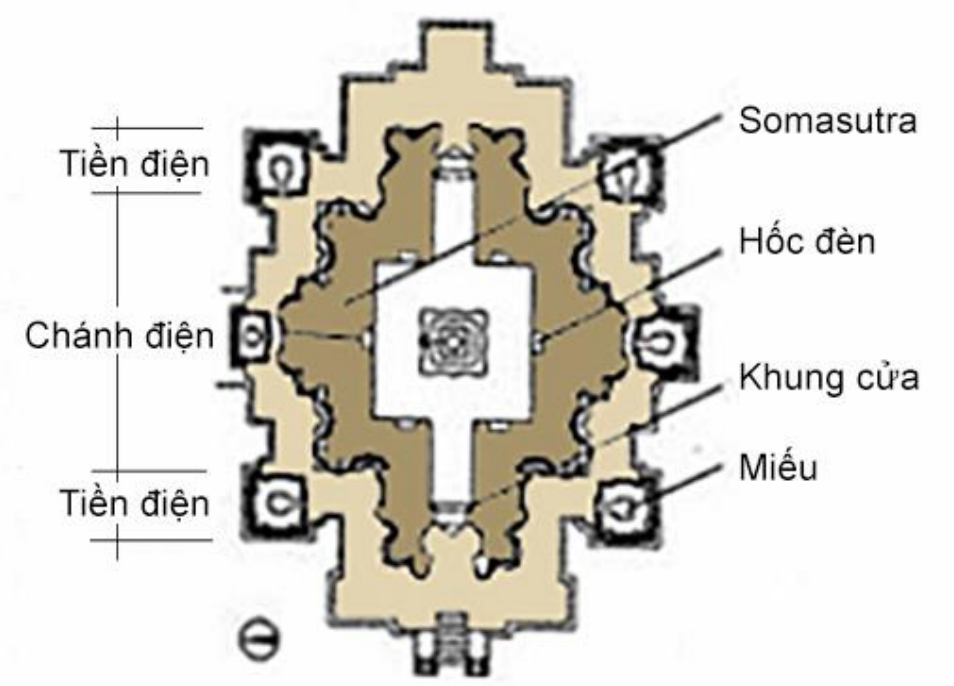
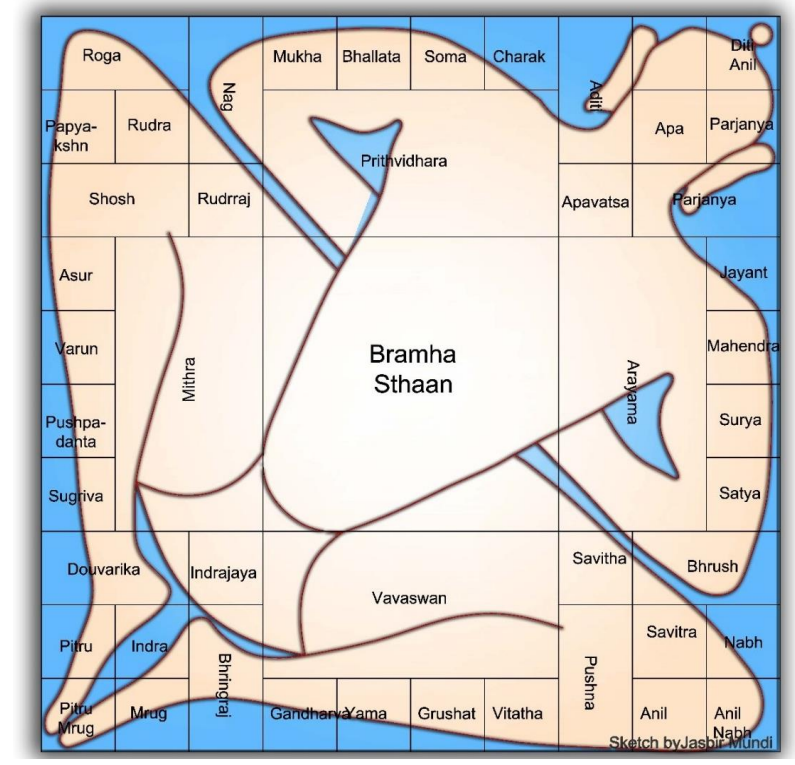
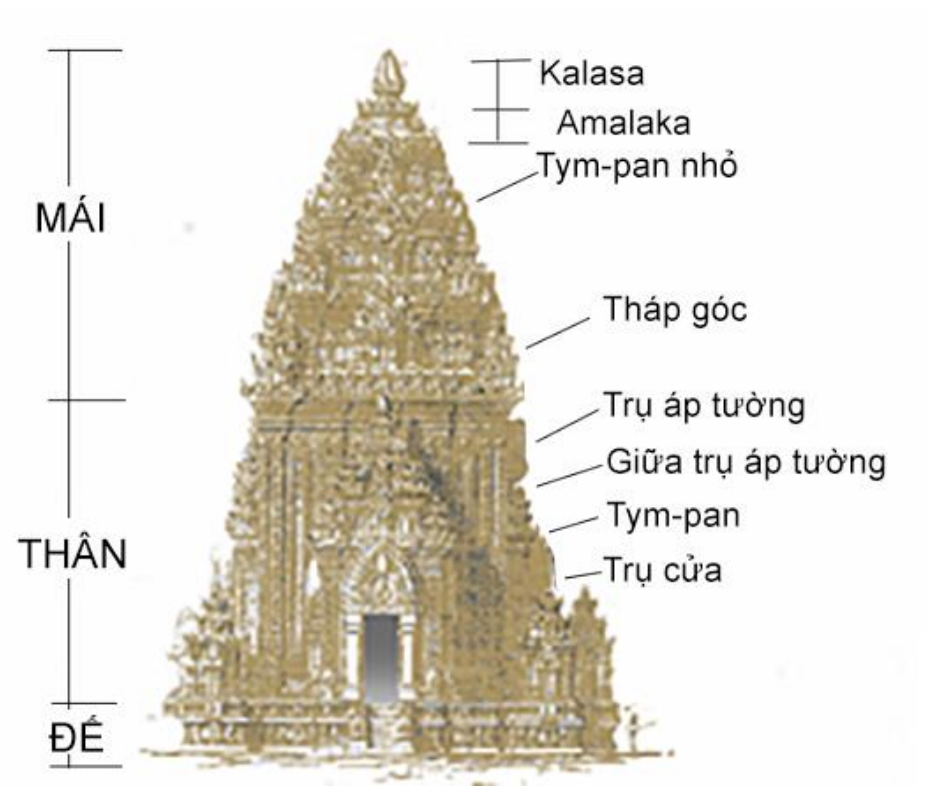
**Tiểu kết:**

Hình thức kiến trúc Tháp đa phần đều có điểm chung đặc biệt. Đó là:

+ Kiến trúc Tháp có các mặt đối xứng nhau, tỷ lệ thanh thoát; Mặt bằng tháp đa số là hình vuông có không gian bên trong chật hẹp, tường Tháp xây dày. Với giải pháp kiến trúc này, nghiên cứu sinh nhận định rằng nó không chỉ liên quan đến các hoạt động tín ngưỡng mà nó còn là kết quả của giải pháp đặc biệt xây dựng Tháp (xem mục 3.2).

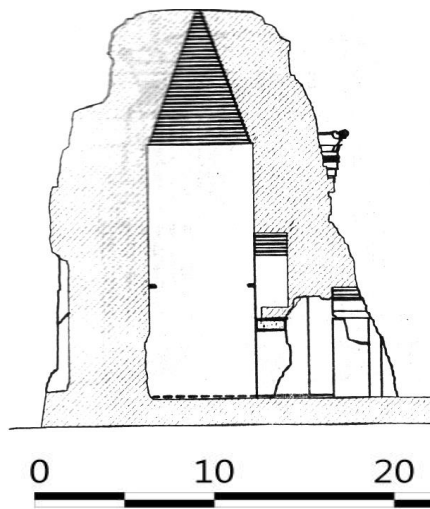
+ Tháp còn được sử dụng giải pháp vòm giả với kỹ thuật giạt góc khác nhau. Đây là kỹ thuật đặc biệt có thể tạo ra các bề mặt trang trí đa dạng, đồng thời lại có thể tăng độ cứng, tăng khả năng ổn định cho ngôi Tháp.



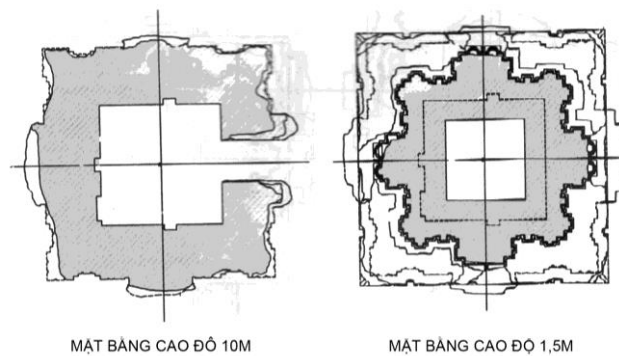


Hình 2.16. Con người vũ trụ/ Mahapurusha thể hiện Mandala của ngôi đền (Mỹ Sơn A1)

(\*Nguồn: Nguyễn Minh Khang)



**Hình 2.17. Chi tiết các thành phần và chức năng của một kiến trúc Tháp điển hình**



**Hình 2.18. Phần tường Tháp được xây rất dày từ 1mét đến gần 2 mét**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.19. Phần đỉnh tháp luôn luôn nhỏ hơn phần đế và thân tháp để trọng tâm khó đổ ra ngoài, phía trên cùng người ta để trống hoặc gắn vật trang trí vào (Búp sen, Linga...)**

*(Nguồn: Tác giả)*



(a)



(b)



(c)

**Hình 2.20. (a) - Nhìn từ bên trong lòng Tháp Bàng An-Quảng Nam -Phần mái được xây dựng cấp; (b, c)-Các viên gạch như dán chặt vào nhau vì giữa chúng không có sự hiện diện của vôi vữa. Ảnh trên tường Tháp Khương Mỹ-Quảng Nam và Tại Mỹ Sơn- Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*

*trang corel*

**Hình 2.21. Thám sát Hồ Móng tại phế tích Chăm Phong Lệ-Đà Nẵng**  
**(a)-Hình ảnh khai quật hồ Móng Tây-Tây Bắc; (b)-Thám sát một Hồ bên**  
**dưới nền Hồ Móng**

*(Nguồn: a-Báo Đà Nẵng và b-tác giả)*





**Hình 2.22. Đà đá tại Mỹ Sơn**

*(Nguồn: Tác giả)*

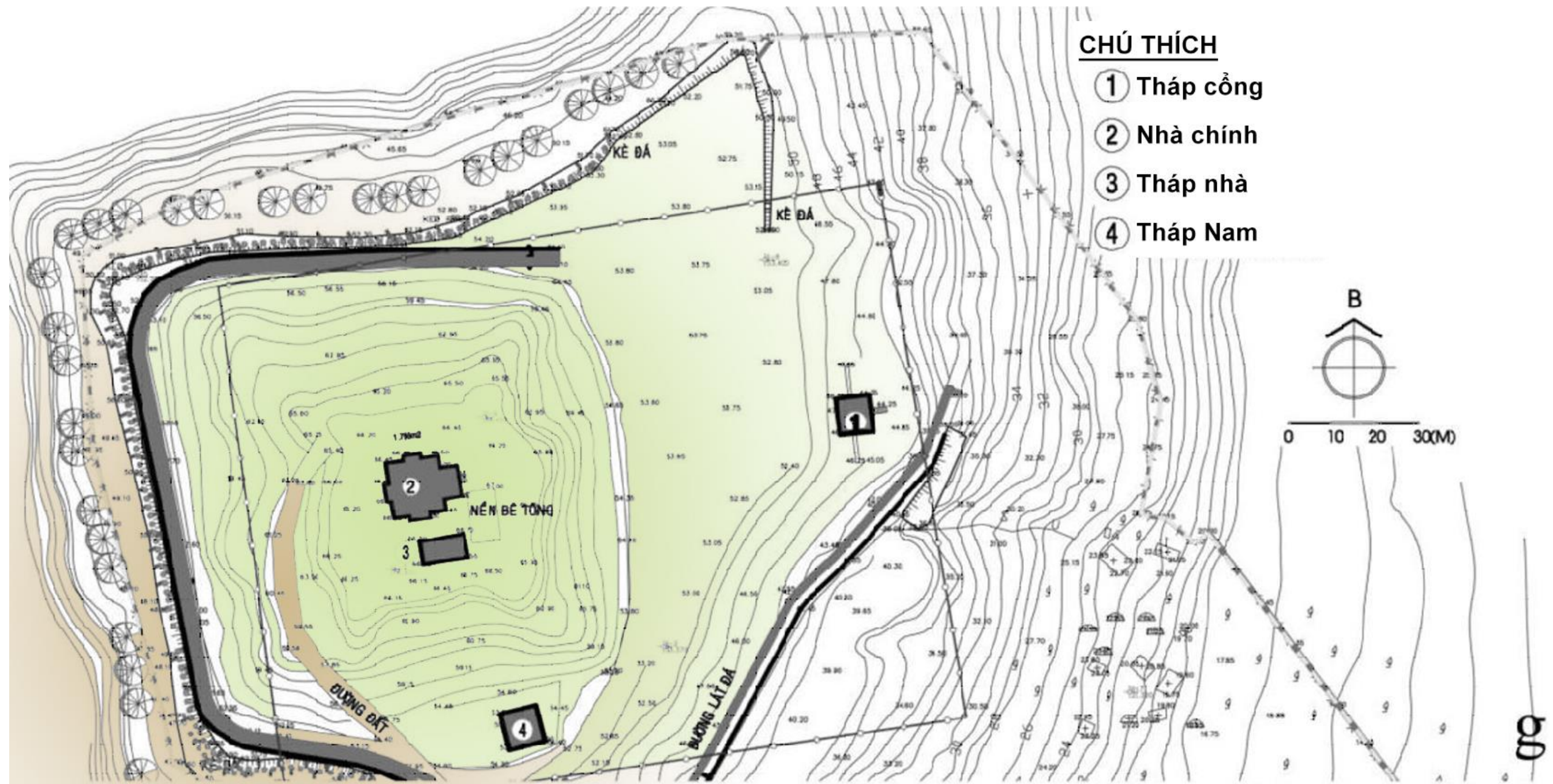
**c) - Tổng thể hiện trạng tháp Bàng An - Quảng Nam.**

**Hình 2.23. Tổng thể hiện trạng cụm 3 tháp: (a) Chiên Đàn; (b) Khương Mỹ; (c) Bàng An - Quảng Nam**

*(\*Nguồn: tác giả; nguồn bản vẽ TMB tháp Bàng An: Henri Parmentier)*

**H 2.24.(b) - Tổng mặt bằng bố cục quy hoạch kiến trúc Tháp Ponagar - Nha Trang**

**Hình 2.24. Tổng mặt bằng bố cục quy hoạch kiến trúc: (a) quần thể Tháp Mỹ Sơn - Quảng Nam và (b) tại Tháp Ponagar - Nha Trang**

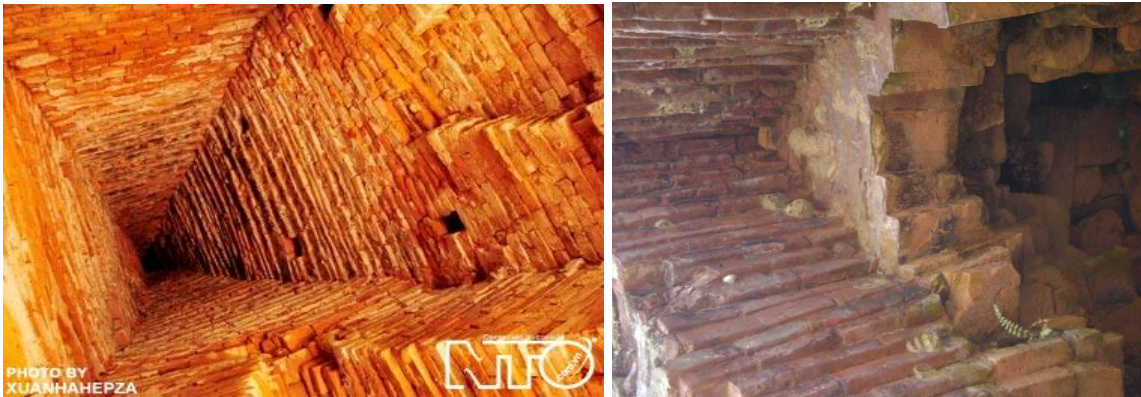


Hình 2.25. Mặt bằng bố cục điển hình quy hoạch tổng thể Tháp - Hình ảnh tại Tháp Bánh Ít - Tuy Phước - Bình Định

(Nguồn: Tác giả)







(a)

(b)

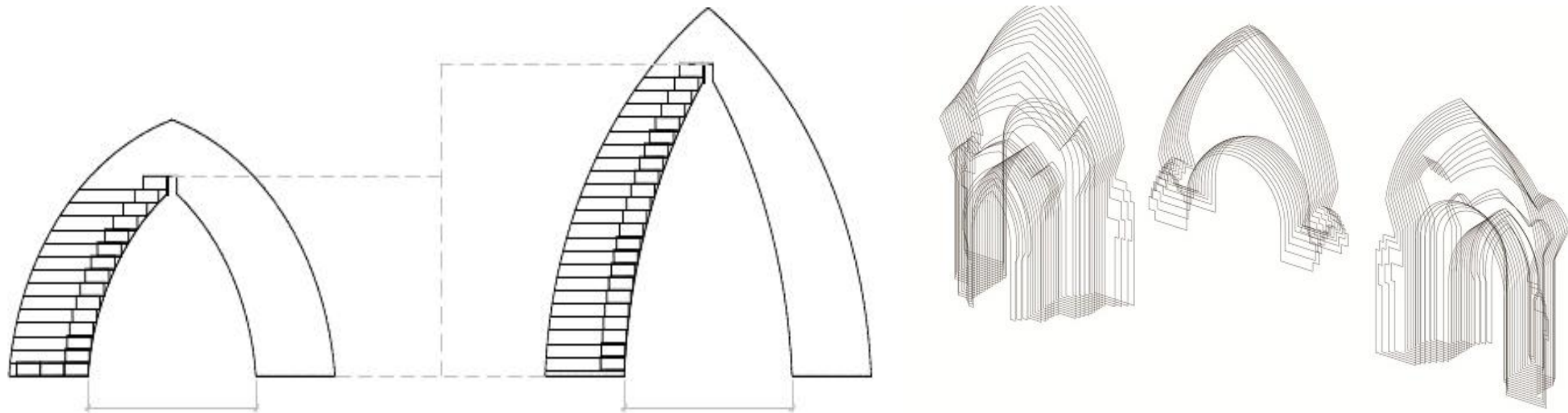
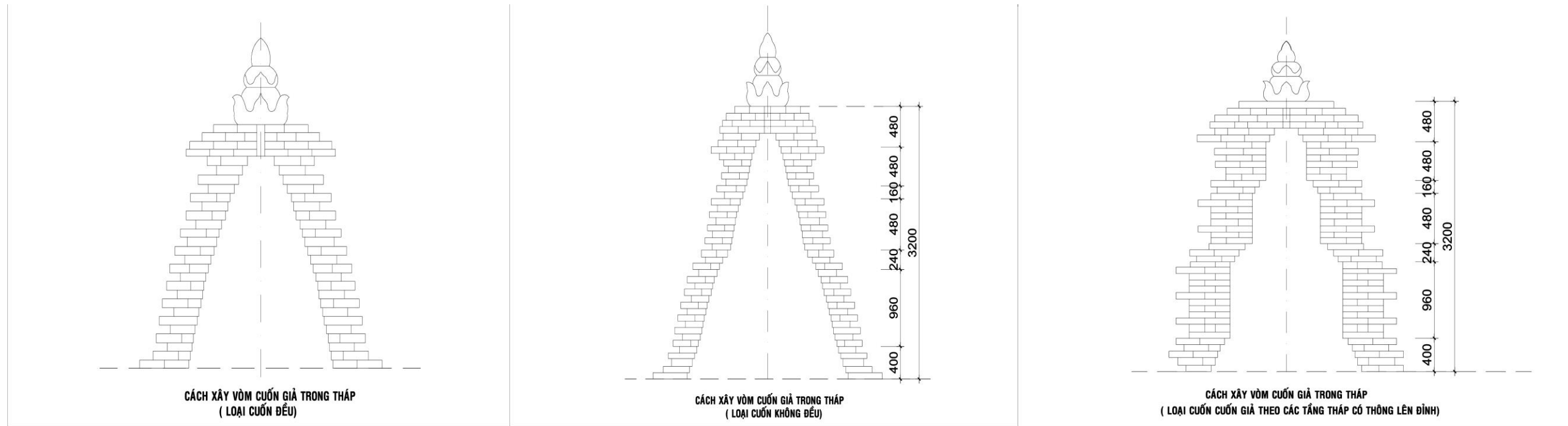
**Hình 2.27. (a)-Hệ thống Mái vòm dẹt cấp (Tháp Hòa Lai-Ninh Thuận) và (b) -hệ thống dẹt cấp công chính của Tháp giữa tại cụm tháp chôn Đền -Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.28. Lỗ thông trên đỉnh đền tháp Dương Long-Bình Định và Lỗ thông ở mặt tường mái đền tháp Nam Hoà Lai--Ninh Thuận**

*(Nguồn: Nguyễn Minh Khang)*



Hình 2.29. Vòm giả 2 phương và vòm giả 3 phương trong kiến trúc Tháp

(Nguồn: Tác giả; Nguyễn Minh Khang và Asui.com)

## 2.6. Cơ sở về nghệ thuật trang trí

Đặc trưng nổi bật trong nghệ thuật trang trí trên các kiến trúc Chăm là nghệ thuật trang trí trên các Đền Tháp. ( H 2.30, H 2.31, H 2.32, H 2.33, H 2.34). Các loại hình kiến trúc dân sinh hầu như không tập trung thể hiện các hình thức trang trí. Người Chăm xưa xem trọng các kiến trúc thuộc tôn giáo tín ngưỡng. Trong diễn trình lịch sử, người Chăm xưa tiếp nhận nhiều tôn giáo lớn của thế giới như Phật giáo, Bàlamôn giáo (Ấn độ giáo), Hồi giáo cũ (Bà ni) và Hồi giáo mới (Islam). [2],[3],[4],[8],[10],[17],[24].

### 2.6.1. Các loại hình trang trí

+ Các trang trí kiến trúc, điêu khắc nói chung có tính nhịp điệu, tính lặp lại và đồng dạng, đăng đối. Qua việc quan sát các chi tiết hoa văn chưa hoàn chỉnh và một số vị trí viên xây bị cắt góc (Hình 2.31 a,b), có thể nhận thấy, việc điêu khắc trên các đền tháp được thực hiện sau khi hoàn thiện khối xây. Quy trình kỹ thuật điêu khắc, vì thế, có thể đã được thực hiện qua ba bước, đó là: tạo khối xây (tường tháp, có viên xây cắt góc), tạo hình sơ bộ (hình khối cơ bản) và cuối cùng là điêu khắc chi tiết. Kỹ thuật điêu khắc sau khi hoàn thiện khối xây cơ bản đã minh chứng cho chính tính chất cơ lý của gạch xây tháp, gạch được tạo nên bởi đất sét được nhào luyện kỹ, có độ nung không cao nên mặc dù đảm bảo cường độ chịu nén, nhưng khi tác động vào bề mặt không bị bong vỡ mảng lớn, thuận lợi cho việc điêu khắc.

Giá trị nghệ thuật của các hình thức tạo hình, trang trí ngoài việc giúp cho các kiến trúc đẹp hơn, còn có ý nghĩa văn hóa đặc biệt. Chúng thể hiện về niên đại, phong cách và chức năng của các kiến trúc. Và trong số các loại hình kiến trúc, hình tượng của các mẫu hình trang trí trên loại hình kiến trúc Đền Tháp là phong phú nhất trong cách thức thể hiện và nội dung.

Tháp Champa về cơ bản cũng xây bằng gạch hoặc phụ thêm một số thành phần bằng đá. Tuy nhiên có thể thấy, nghệ thuật tạo hình, trang trí trên các Đền Tháp Chăm là một loại hình đặc biệt mà với nó được các nhà nghiên cứu đánh

giá là “rất ít xuất hiện” ở Đông Nam Á. Những hình trang trí ở tháp Chăm được tạo tác ngay trên gạch của thân tháp hoặc được đắp bằng sa thạch. Kỹ thuật điêu khắc có lẽ được điêu khắc trực tiếp trên vật liệu. Trong khi người Khơme hoặc các quốc gia lân cận có xu hướng tráng lên một lớp vật liệu hoặc dựng lên một khối bằng bất cứ vật liệu nào, rồi chạm khắc lên đó. Người Chăm có ý thức về chất liệu và biết tôn trọng bản chất của nó.

Nghệ thuật chạm khắc ở các Tháp Chăm với sự đẽo gọt công phu xuất hiện trên các thành tố kiến trúc như: cột ốp, vòm cuốn, các ô khám hay diềm mái,... dưới hình thức tượng thần, các linh vật, các cảnh sinh hoạt hình hoa lá, chim muông, vũ nữ, thể hiện trên mặt tường ngoài của tháp (H 2.33, H 2.34). Điêu khắc Chăm đã thể hiện nhiều đề tài phong phú, đa dạng. Phổ biến và cũng hấp dẫn nhất trong nghệ thuật Chăm là các apsara (Hình tượng các Vũ công), là những tượng thờ Siva (Hủy diệt), Vishnu (Bảo tồn), Brahma (Sáng tạo). Ngoài những vị thần trên, vật thờ ở tháp Chăm phổ biến vẫn là cặp Linga-Yoni. Ngoài tượng thờ các vị thần chính, điêu khắc ở đền tháp Chăm còn trang trí hình người cưỡi ngựa đánh cầu; những con vật huyền thoại như Garuda, Kala, bò thần Nandin. Những cảnh chạm khắc trang trí ở các bệ thờ, điêu khắc Chăm phần lớn ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ. Chẳng hạn bệ thờ Trà Kiệu chạm khắc 4 cảnh quanh đài thờ kể chuyện trường ca Ramayana (chủ đề lễ cưới công chúa Sita). Bệ thờ Mỹ Sơn E1 diễn tả cảnh sinh hoạt lễ nghi tôn giáo của đạo sĩ Ấn và những cảnh trầm tư, giảng đạo múa hát, luyện thuốc chữa bệnh.. [8], [17].

Có thể khái quát ý nghĩa biểu tượng của một số loại hình điêu khắc tiêu biểu như sau:

- Thần Brahma-đấng sáng tạo vũ trụ (H 2.32, Bảng 2.1, Bảng 2.2 ), sinh ra từ một cây sen mọc lên từ rốn của thần Visnu, thường được thể hiện có ba đầu (thực chất là bốn đầu), tám tay. Hình ảnh của thần được lấy từ tích thần say đắm nhìn người con gái do chính thần nặn ra từ cái chất tự tồn, tự tại của mình, cô ta né tránh sang phải, sang trái, ra đằng sau, ở mọi phía thần đều mọc thêm đầu để ngắm nhìn cô.

- Thần Siva - thần phá huỷ (H 2.32, Bảng 2.1, Bảng 2.2 ), vị thần được ưu ái nhất trong nghệ thuật Chămpa, được coi là ông vua của nghệ thuật nhảy múa hay vũ kịch.

Hình ảnh của thần được thể hiện trong "điệu múa vũ trụ" (Tandava) biểu hiện sự chuyển hoá của đẳng sáng thể theo công thức Tam vị nhất thể. Thần thường quàng chéo dải vải Balamôn biểu hiện sự tinh khiết của đẳng cấp thượng đẳng, tay cầm bông sen cuống dài ngồi uy nghiêm, tự tại trên Nadin, con mắt thứ ba sáng rực giữa trán thiêu huỷ thành tro mọi sức sống, kể cả tình yêu.

- Thần Visnu - vị thần bảo vệ (H 2.32, Bảng 2.1, Bảng 2.2 ), cũng là thần sáng thể được thể hiện thông qua hình ảnh Garuda - vật cưỡi của thần, hay nằm nghiêng trên con rắn bảy đầu (Ananta), biểu tượng của vĩnh cửu, trôi bồng bênh trên đại dương vũ trụ,... chiêm nghiệm việc sáng thể. Từ rốn thần mọc lên một bông sen, bông sen sinh ra Brahma, vị thần sẽ thực hiện công cuộc sáng thể của thần Visnu.

Từ hình tượng đản sinh thần Brahma, có thể liên hệ đến sơ đồ Mahapurusha, trung tâm của sơ đồ chính là rốn của con người vũ trụ. Như vậy, RỐN được coi là điểm quan trọng nhất của con người theo vũ trụ luận Ấn Độ giáo. Đây là tâm điểm thu hút, phát tỏa năng lượng và sinh lực vũ trụ. Hình tượng hoa sen mãn khai, đản sinh thần Brahma sáng lập vũ trụ gợi đến ý niệm về sự sinh sôi nảy nở. Cũng có thể liên tưởng đến những chân tảng đá có chạm cánh sen đỡ những chiếc cột trong kiến trúc của các tộc người khác, như tộc người Việt, biểu hiện sự giao hòa giữa các yếu tố đối đãi, của những phạm trù "cặp đôi" chuyên tải sinh lực vô bờ bến của vũ trụ đến với con người.

- Một số loại hình khác, như: môn thần, tu sĩ, linh thú, hoa văn hình học,... (Hình 2.32, H 2.33 và xem thêm PL 05) luôn luôn được khắc tạc có chủ ý và có những đổi mới về kiểu dáng trên các đền tháp Chămpa, đã làm cho các đền tháp vốn có tỷ lệ kiến trúc hài hoà, đăng đối lại tăng thêm được vẻ đẹp thẩm mỹ và giá trị biểu tượng. Trong đó, các hoa văn trang trí thường là những hình tượng cách điệu từ trong cuộc sống hay từ trong các quan niệm tôn giáo, tín ngưỡng như:

Rắn Naga, Bầu Vú, Ngọn Lửa, Lá Đè, Hoa Cúc, Hoa Mai, Mũi tên...(H 2.33 và Hình vẽ kèm theo Bảng 2.2) Các hoa văn này được nghiên cứu sinh tổng hợp và hệ thống lại thành 3 nhóm: **I**, **II** và **III**. Và tùy vào các giai đoạn lịch sử hay sự phân bố giữa các vùng miền mà những mô-típ hoa văn sử dụng phổ biến khác nhau. Những hoa văn này thường được trang trí chung với nhau từ 2 hoặc 3 hoa văn trở lên. Chúng nói chung được sử dụng trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển (Khoảng thế kỷ V trước CN đến thế kỷ XIV-XV sau CN). Nhưng trong khoảng niên đại từ thế kỷ III trở về sau (*thời kỳ đế chế Phù Nam còn tồn tại*), ở khu vực từ Nam Hải Vân trở về chỉ phổ biến loại hoa văn thuộc **nhóm I** và **II**. Đối với khu vực Quảng Nam, chúng được sử dụng trên các Tháp trong quần thể Mỹ Sơn (Quảng Nam) và trên cụm 3 tháp Khương Mỹ, Chiên Đàn (Quảng Nam) trên các thành tố kiến trúc như: bộ diềm, mặt tường,..( H 2.33a; H2.34 a,c). Các mô-típ hoa văn này cũng rất quen thuộc ở Campuchia (từ đời Tiền Khmer đến Angkor) và còn lưu lại ở những bức tường và trụ cổng Đền Tháp, nhất là ở Angkor Wat. Trong khi đó, ở địa phận Bắc Hải Vân, các mô-típ hoa văn thuộc **nhóm II** đã nhanh chóng biến mất, nhường chỗ cho các mô-típ hoa văn thuộc **nhóm III** do ảnh hưởng mật thiết với Trung Hoa và Hậu Đông Sơn (Giao Chi) và tiếp tục tồn tại cho đến thế kỷ XIV- XV sau công nguyên.

Ngoài ra, trong nghệ thuật tạo hình trang trí, tinh xảo chúng ta cũng bắt gặp một số hình thức khác lạ, không theo các mô-típ trang trí thông thường. Đây có thể là sự thể hiện các hình thức quan hệ - giao lưu văn hóa đặc biệt khi vương quốc Chăm xưa kia ở vị trí “trung lộ” của Đông-Tây. Chẳng hạn trên các Đền Tháp ở khu thánh địa Mỹ Sơn còn có sự xuất hiện vài trụ chống đỡ có kiểu dáng gần với kiểu dáng kiến trúc Hy-La với những góc hình tam giác và đặc biệt là sự hiện diện của hình tượng ngôi sao. Về mặt trang trí thì các trụ này trụ chỉ được trang trí một ít lá và hoa ở phần chân và đỉnh, không trang trí trên toàn thân cột. (*Có giả thiết cho rằng các Tháp này không phải là sản phẩm duy nhất của một triều đại hay một chủ nhân người Chăm bản địa mà là sản phẩm cộng hưởng của nhiều đối*

*tượng, của các giới lãnh đạo các tiểu quốc như các thương nhân, tăng lữ, quý tộc... Sau khi kiếm được những món lợi lớn từ việc trao đổi mua bán, họ cho xây dựng tháp để tạ ơn thần linh. Và họ có thể mời những người từ những quốc gia khác đến để xây dựng. Đó là lý do những đền tháp Chăm sớm vốn đã đạt đến nghệ thuật chạm khắc đá và đất nung ở tầm đỉnh cao của nhân loại đương thời...)* (H 2.34.)

### **2.6.2. Phương thức thể hiện trang trí trên các công trình kiến trúc**

Ngoài các kỹ thuật tạo nên khối xây, các đền tháp Chăm còn được hoàn thiện bằng việc chạm khắc chi tiết trang trí. Khi quan sát đường nét điêu khắc, nhất là các hoa dây, các chi tiết áp tường, nhận thấy đường nét liên tục, trơn đều khi cắt qua mạch giữa các viên xây. Ở một số chi tiết điêu khắc chưa hoàn chỉnh, mới chỉ tạo hình thô, hoặc các chi tiết điêu khắc mang tính đăng đối, song bị quên hoặc chưa kịp thực hiện, nhận thấy rõ ràng, việc điêu khắc được thực hiện trên mặt tháp sau khi xây. Hình 2.32 a,b cho thấy, điêu khắc trên các tháp cũng được thực hiện sau khi xây khối kiến trúc tháp, hoàn toàn giống với phương pháp thực hiện điêu khắc trên các đền tháp Chăm khác. Điêu khắc được tiến hành qua ba bước: tạo khối, tạo hình sơ bộ và cuối cùng là điêu khắc chi tiết. Việc hoàn thiện bề mặt các đền tháp theo trình tự từ trên xuống dưới.

Các hoa văn trang trí nói trên được thể hiện qua việc khắc, chạm, hay đập... một cách hoàn hảo và chi tiết trực tiếp trên vật liệu ở các mảng tường, trụ, mái, vòm dưới... trên các Đền, Tháp. Khó có thể lý giải khi bằng phương pháp thủ công sơ khai ban đầu mà các họa tiết này được thể hiện đến từng chi tiết nhỏ nhất và liên tục ở các diện của tường, trụ Đền, Tháp trên chất liệu gạch nung mà hoàn toàn không bị nứt mẻ. Đặc biệt có những họa tiết nằm ở những vị trí như vòm dưới đòi hỏi phải có kỹ thuật và thao tác đặc biệt để thực hiện điều mà mà người thợ ngày nay lành nghề đến mấy cũng khó có thể thực hiện nếu điêu khắc trên chất liệu gạch nung. (H 2.32, H 2.33).

### **Tiểu Kết:**

Nghiên cứu giá trị nghệ thuật của các hình thức tạo hình, trang trí trên các



Tháp cho thấy ngoài việc giúp cho các các kiến trúc đẹp hơn, các hình thức trang trí này còn thể hiện các phong cách khác nhau, sự phong phú về nội dung, ý nghĩa văn hóa đặc biệt và cách thức thể hiện. Đặc biệt, những nghiên cứu còn củng cố và cho thấy nghệ thuật trang trí trên các Tháp là một loại hình đặc biệt khi nó có ý thức về chất liệu và biết tôn trọng bản chất của nó.



**Hình 2.30. Hình ảnh phục dựng, tái tạo các chi tiết trang trí trên một Tháp Chăm tại di tích Mỹ Sơn-Quảng Nam**

(Nguồn: Dennis Hollyway)



(a)

(b)

**Hình 2.31. (a) Chi tiết gạch bị cắt tạo khối và (b) Chi tiết điêu khắc chưa hoàn chỉnh, thể hiện điêu khắc.**

(Nguồn: Nguyễn Minh Khang)

(a)

(b)

(c)

(d)

**Hình 2.32. Trang trí tạo hình trên Tường Tháp và ở đế Tháp B1 (Mỹ Sơn) (a)-Hình tượng Thần VisNu; (b)-Hình tượng KaLa; (c)-Từ trái qua-từ trên xuống: Thần Visnu, Thần Ghenesha, và vũ điệu Apsara..; (d)-Hình tượng trang trí bằng các Linh vật,...**

(a)

(b)

(c)

**Hình 2.33. Hoa văn trang trí trên tường và đỉnh Tháp (a)-Chiên Đàn và (b),(c)- Mỹ Sơn**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.34. Hình ảnh về sự xuất hiện vòm trụ chống đỡ có kiểu dáng gần với kiểu dáng kiến trúc Hy-La ở Mỹ Sơn- Quảng Nam**

*(Nguồn: Tác giả)*

**Bảng 2.1. Các loại hình điêu khắc tiêu biểu trên đền tháp Chăm.[49]**

| Tháp       | Loại hình điêu khắc   |                    |                    | Ghi chú                                |
|------------|---|--------------------|--------------------|--|
|            | Tháp Nam  | Tháp Giữa          | Tháp Bắc           |  |
| Dương Long | Ananta<br>(Naga 5, 7<br>đầu)  | Phù điêu Siva      | Phù điêu<br>Brahma |  |
| Khương Mỹ  | Naga,<br>Hanuman  | Siva cưới<br>Nadin |                    |  |
| Chiên Đàn  | Nữ thần Mahisasuramardini cầm các khí giới:<br>cung, tên, đinh ba, vòng,...; Naga; Hamsa;<br>Garuda; Ganesa |                    |                    | Không rõ<br>vị trí                     |
| Hòa Lai    | Ganesa, Naga, Garuda<br>(Theo Henri Parmentier, Siva xuất hiện ở cả<br>đền tháp Giữa và đền tháp Bắc)       |                    |                    | Naga, Garuda<br>trên cả ba đền<br>tháp |

**Bảng 2.2. So sánh loại hình điêu khắc tiêu biểu liên quan đến chức năng.[49]**

| <b>TT</b> | <b>Loại hình điêu khắc</b>                                       | <b>Vị trí</b>  |
|-----------|--|--|
| 1         | Tượng thần<br>(Siva, Brahma, Visnu hoặc các nữ thần)             | Tympan (trán tường) ô khám<br>vòm cửa dẫn                  |
| 2         | Vật cưỡi của các thần trong bộ ba thần<br>(Nadin, Hamsa, Garuda) | Đầu cột ốp, góc tháp                                       |
| 3         | Vật cưỡi của các thần phương hướng<br>(voi, ngựa, cỗ xe,...)     | Theo phương vị của các thần<br>trên các mặt tường tháp     |
| 4         | Các linh thú khác (Sur tử, Kala, Makara,...)                     | Bộ diềm, vòm cửa, ô khám,...                               |
| 5         | Các môn thần (Dvarapala), tu sĩ                                  | Ô khám khung cửa giả                                       |
| 6         | Hoa văn hình học và hoa lá                                       | Trên các thành tố kiến trúc<br>như: bộ diềm, mặt tường,... |

**HOA VĂN NHÓM I**

(Sử dụng tại một số Tháp trong quần thể Mỹ Sơn - Quảng Nam và tại cụm 3 tháp Khương Mỹ, Chiên Đàn - Quảng Nam và trên các thành tố kiến trúc như: bộ diềm, mặt tường.) (\*Nguồn: Tác giả)

1. Hoa văn hình Rắn hay Dấu ngựa
2. Hoa văn hình Bím tóc
3. Cánh Hoa Cúc biến thể
4. Hoa Văn Bầu vú
5. Cánh Hoa Cúc biến thể
6. Hoa văn Bầu vú biến thể
7. Cánh Hoa Cúc biến thể

## HOA VĂN NHÓM II

**(Sử dụng tại một số Tháp trong quần thể Mỹ Sơn - Quảng Nam và tại cụm 3 tháp Khương Mỹ, Chiên Đàn - Quảng Nam và trên các thành tố kiến trúc như: bộ diềm, mặt tường..). (\*Nguồn: Tác giả)**

- |   |  |
|---|--|
| 8. Ngọn lửa trong lá Đề(Gối đầu nhau)   | 9. Hoa Cúc trong hình thoi               |
| 10. Hoa Cúc                             | 11. Hoa Cúc trong hình vuông             |
| 12. Hoa Cúc trong hình tròn             | 13. Hoa Cúc trong hình chữ nhật          |
| 14. Hoa Cúc trong hình Ô-van            | 15. Hoa Cúc trong hình chữ nhật biến thể |
| 16. Hoa dây hình Sin đơn                | 17. Hoa văn hình Sin kép                 |
| 18. Hoa văn hình Sin kép biến thể       | 19. Hoa văn hình Sin kép biến thể        |
| 20. Hoa văn hình Sin kép biến thể       | 21. Hoa dây kiểu Bình hoa(cùng chiều)    |
| 22. Hoa dây kiểu Bình hoa (ngược chiều) | 23. Hoa văn Dấu gạch chéo                |

### HOA VĂN NHÓM III

(Sử dụng tại một số Tháp từ khu vực Bắc - Hải Vân trở ra và trên các thành tố kiến trúc như: bộ diềm, mặt tường,..).

(\*Nguồn: Tác giả)

24. Hoa văn gạch dọc

25. Hoa văn xoắn tròn ốc hình lá Đề

26. Hoa văn chữ S gắn liền nhau

27. Hoa văn xoắn tròn ốc hình Lam-da

28. Hoa văn xoắn tròn ốc hình chữ S

29. Hoa văn cánh Sen

30. Hoa Mai

#### **2.7. Cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo tồn và trùng tu các công trình kiến trúc đền tháp Chăm**

##### **2.7.1. Cơ sở lý luận**

Để có một cơ sở bảo tồn - trùng tu các Tháp một cách tốt nhất, cần phải xác định một cách chính xác nhất phương pháp, kỹ thuật xây dựng Tháp của người Chăm xưa, có nghĩa là phương pháp được đưa ra, được nhận định phải giải đáp khả dĩ nhất các câu hỏi về mặt vật liệu (hóa - lý), chất kết dính cùng những yếu tố khác còn lại trên bề mặt các Tháp cũng như về các yêu cầu trong kiến trúc - điêu khắc hay các ý nghĩa tín ngưỡng đi kèm,... Tuy nhiên, hiện nay tất cả những nhận định về kỹ thuật xây dựng Tháp của người Chăm xưa được nêu trên, mặc dù hiện nay được hỗ trợ bằng phương pháp phân tích khoa học

thực nghiệm hiện đại, tiên tiến nhưng kết quả về chất kết dính, về kỹ thuật xây dựng tháp Chăm vẫn chưa được làm sáng tỏ. Và điều này gây khó khăn cho công tác bảo tồn hiện nay. Về cơ sở lý luận, nghiên cứu sinh nhận thấy các vấn đề trên thể hiện ở những điểm sau:

+ **Về vật liệu và chất liên kết trong khối xây:**

Gạch Chăm xây Tháp được cho là nhẹ và xốp, trong khi các đền tháp Chăm đã tồn tại hàng nghìn năm đến ngày nay dưới điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Vậy thì, các chỉ tiêu cơ lý và thành phần hóa học có trong vật liệu (gạch và chất liên kết trong khối xây) có sự biến đổi như thế nào theo thời gian? Kết quả thí nghiệm mà chúng ta có được, cần được tính đến sự ảnh hưởng của thời gian tồn tại. Ở đây, rất cần thiết phải trả lời câu hỏi: Các thông số kỹ thuật của vật liệu vào thời điểm xây dựng các đền tháp là như thế nào? Hầu hết các nghiên cứu đều chưa giải quyết thỏa đáng vấn đề này. Mặt khác, nếu giả thuyết chất liên kết trong khối xây là nhót thực vật và, loại thực vật đó tan vô hạn trong nước thì, trong quá trình tồn tại với đền tháp, nó có tiếp tục quá trình hòa tan không, hay nó bị phân hủy và rửa trôi trước tác động của nhiệt độ và độ ẩm?

+ **Về kỹ thuật và phương thức xây dựng**

Nếu cho rằng, việc xây dựng đền tháp Chăm sử dụng kỹ thuật mài tiếp xúc giữa các viên gạch thì những viên gạch ở vị trí cao nhất trong một công trình sẽ có liên kết yếu nhất. Bởi vì, ngoài sự cố kết của chất liên kết giữa các viên xây, nó chỉ nhận được tải trọng đè xuống mạch xây bằng chính tải trọng bản thân của viên xây (rất nhỏ), khi liên kết ở những vị trí đó bị phá vỡ thì có thể làm phá vỡ kết cấu toàn khối xây. Chưa có nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề khắc phục nhược điểm này. Một vấn đề nữa, với kỹ thuật xây mài tiếp xúc sử dụng nhót thực vật thì để hoàn thành một đền tháp sẽ mất khoảng bao nhiêu thời gian với một số lượng nhân công nhất định, giữa các lớp xây phải ngừng chờ bao lâu, việc mài các viên xây với nhau đến độ nào thì đảm bảo cường độ chịu lực?...

Ngoài ra: Kỹ thuật để xây cất hoàn hảo với các viên gạch được xây xếp mài

khít, liền khối, vững chắc; những vấn đề về nhiệt độ, độ nung, hóa lý, kích thước khác nhau của các viên gạch mà với nó chúng ta cần làm rõ; và việc có hay không việc sử dụng chất kết dính, và chất kết dính (nếu có) liệu có thể bền vững dưới tác động thời gian, điều kiện môi trường, thời tiết? Kỹ thuật điêu khắc, gá ghép các viên gạch trên các tường Tháp như thế nào mà không để lại dấu vết gãy vỡ (một việc làm thường có và phải có đối với những mảng tường Tháp rộng lớn với rất nhiều hoa văn)?... cũng là những vấn đề cũng cần được đặt ra...

*Vì vậy, với những phân tích, khảo sát trên hiện trạng các Tháp về hình thức kiến trúc, điêu khắc, vật liệu (độ nung, kích thước, các thành phần hóa-lý, các dấu vết trên bề mặt,...), các vấn đề về văn hóa, lịch sử... cho nghiên cứu sinh nhận thấy khả năng về một phương pháp xây dựng Tháp xưa mà với nó có thể giải đáp các câu hỏi có liên quan tới các hiện tượng về điêu khắc, vật lý và hóa học.. còn tồn tại trên tháp. Đồng thời có thể tạo nên ngôi Tháp bền vững, đạt yêu cầu mỹ thuật trong sự đồng nhất, hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và kỹ thuật xây dựng. Khả năng về một phương pháp xây dựng Tháp của người Chăm xưa được so sánh qua 3 phương pháp sau đây để tạo ra lực liên kết vật chất mà từ đó làm nên các công trình kiến trúc lớn mà trong ngành xây dựng hiện nay, chúng ta vẫn đang áp dụng, để rút ra phương pháp khả dĩ nhất cho kỹ thuật xây dựng Tháp:*

- **Phương pháp 1:** Dùng hồ vữa (Mortar) bằng xi măng và cát hoặc vôi và cát để tạo ra một khung liên kết đồng nhất bao quanh và giữ chặt các viên gạch với nhau. Đó là lối xây bằng gạch và hồ vữa hiện nay. Ví dụ: có một mảng tường xây bằng gạch và hồ vữa. Mạch hồ này chính là khung liên kết, giống như một cái hộp lớn, bên trong có các hộp nhỏ để nhốt chứa các viên gạch. Trong công dụng giữa cho các viên gạch khỏi rơi, đổ, thì công dụng của khung liên kết là quan trọng vì mạch hồ vữa là một mạch đồng chất. Còn vai trò của chất hồ vữa coi như là chất kết dính để liên kết các viên gạch là không đáng kể, bởi vì, *gạch và hồ vữa* là hai chất liệu khác nhau, khó kết dính hơn. (H 2.35)



- **Phương pháp 2:** Trong qui luật liên kết vật chất, nếu ta tạo ra được một tổng thể đồng chất (ở đây, từ "đồng chất" chỉ là tương đối. Thực tế nó có thể gồm nhiều chất, nhưng phải tạo ra một hỗn hợp đồng đều), thì nó sẽ có được một lực liên kết với sức bền vững tối ưu. Trong phương pháp xây dựng bằng khung liên kết hồ vữa, phải dùng vừa hồ vữa, vừa gạch nên chưa phải là một hỗn hợp đồng chất, do đó để công trình xây dựng được kiên cố hơn, người ta phải dùng đến phương pháp đổ bê tông để đạt được một khối vật chất đồng chất. (H 2.36)

- **Phương pháp 3:** Dùng keo hữu cơ trong nhiên nhiên hoặc hoá học (Glue) để gắn dính các mẫu vật chất lại với nhau. Với phương pháp này, cho dù phải dùng đến loại keo siêu cứng (Super Glue) để kết dính các khối vật chất lại với nhau, nó vẫn hoàn toàn không có tính bền vững lâu dài, vì lý do :

+ Tất cả các loại keo (glue) chỉ trong một thời gian từ vài tháng đến vài năm đều bị nước hoặc độ nóng của mưa nắng làm phân hủy, không còn tính kết dính nữa. Còn nếu ta trộn vào trong đất sét làm gạch rồi nung lên thì chất keo cũng sẽ bị phân huỷ ngay.

+ Nếu chúng ta dùng loại keo càng có tính kết dính cao bao nhiêu thì các mẫu vật chất càng dễ bong ra bấy nhiêu, bởi vì, giả thiết, có 2 viên gạch được kết dính với nhau bằng keo siêu cứng. Khi có một lực tác động vào, lực đó sẽ không được phân bố đồng đều. Điểm có keo siêu cứng sẽ chịu được lực nhiều và như thế sẽ trở thành điểm tựa (Strong point) làm bong và tách rời một trong hai mặt gạch tiếp xúc với nó một cách dễ dàng. (H 2.37)

Vì vậy, phương pháp dùng keo để gắn dính các viên gạch lại với nhau là một việc làm không có tính hiệu quả lâu dài. Người ta chỉ dùng phương pháp này để dán các loại gỗ, ván ép, mi-ca ở các phần không quan trọng như sàn nhà, tường nhà.v.v...

Người Chăm xưa cũng đã nắm vững qui luật xây dựng này. Người Chăm có thể đã kế thừa truyền thống xây đền tháp bằng đá của Ấn Độ đã có ít ra từ thế kỷ thứ 2 trước CN và truyền thống dùng hồ vữa để xây đã có tại Ấn Độ, muộn nhất cũng từ thế kỷ thứ 3 sau CN. Hơn nữa, người Chăm đã có quan hệ ngoại giao và giao lưu hàng hóa với Trung Hoa từ thế kỷ thứ 2 sau CN, và vào khoảng

c cuối thế kỷ thứ 3 sau CN, vua Chăm là Phạm Dật (Fan- Yi) đã sang Trung Hoa triều cống, sau đó đã được truyền thụ kỹ thuật xây cung điện thành quách và kỹ thuật chế khí giới của Trung Hoa.[2]. Ngoài ra, vào năm 336, một Tể tướng của Fan-Yi người Trung Hoa là Wan đã lên làm vua, tất nhiên kỹ thuật xây gạch với vữa vôi+cát sẽ được phổ biến rộng trong đất nước Chăm, nhưng tại sao người Chăm lại không dùng vữa vôi để xây đền tháp hoặc dùng đá để tạo dựng nên những ngôi đền tháp ? Lý do có thể như sau:

+ Đá là vật liệu cứng, nặng nề, tuy chắc chắn nhưng phải cưa, chạm khắc và vận chuyển rất khó, nhất là trong buổi đất nước còn phôi thai, thiếu thốn nhân vật lực, do đó, việc dùng những khối đá lớn để dựng nên đền tháp là việc không thuận lợi.

+ Nếu dùng kỹ thuật xây tháp bằng gạch và vữa vôi (tức là dùng khung liên kết bằng hồ vữa để giữ gạch xây) thì :

- Tháp không được bền vững (nhất là ở phần vòm mái tháp)

- Trong màu đỏ của gạch nung sẽ có những khung chữ nhật màu trắng của chất vữa vôi làm cho màu đỏ không đồng nhất.

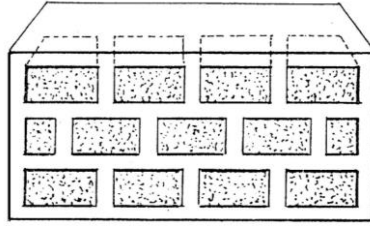
- Điều khắc trên gạch đã nung lại có mạch hồ vữa quả thật rất khó vì gạch và hồ vữa mềm, dòn, dễ vỡ. Đường nét tạo ra được cũng kém sắc sảo, tốn nhiều thời gian. Việc đục đẽo, chạm khắc trên tường gạch sẽ làm cho tường dễ bị nứt vỡ.

+ Nếu tráng lên tường một lớp vữa rồi trang trí lên như ở Ấn Độ và Chân Lạp (một vương quốc có lãnh thổ một phần Campuchia và Lào ngày nay) vẫn thường làm thì quả là kém mỹ thuật và không lâu lớp vữa cũng sẽ bong tách ra dễ dàng.

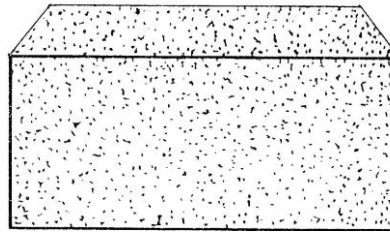
Vì vậy có thể người Chăm xưa đã nghĩ tới phương pháp xây tháp theo nguyên tắc tạo ra một tổng thể đồng chất với bề dày tường lớn để có được lực liên kết bền vững nhất, đồng thời dễ dàng tạo ra được những tác phẩm điêu khắc có đường nét mỹ thuật cao.

Những vấn đề trên đây là cơ sở lý luận cho việc đặt ra các giải pháp bảo tồn - trùng tu phù hợp với từng quy mô, phạm vi công trình khi nó có một cái nhìn rõ và tổng quan hơn về các giá trị kiến trúc - điêu khắc - kỹ thuật phù hợp vốn có và

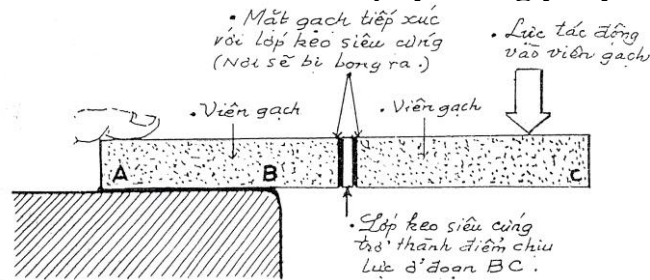
được đặt trong mối liên hệ với phương pháp xây dựng nguyên gốc



**Hình 2.35. Hình minh họa phương pháp 1**



**Hình 2.36. Hình minh họa phương pháp 2**



**Hình 2.37. Hình minh họa phương pháp 3**

(Nguồn: Tác giả)

### 2.7.2. Cơ sở thực tiễn

#### + Các ví dụ tham khảo

- Tham khảo thực tiễn mô hình xây dựng bằng chất kết dính cổ truyền Chăm. Mô hình là việc ứng dụng kỹ thuật xây dựng với vật liệu bằng đá núi và vữa làm từ hỗn hợp đường và nhựa cây bời lời tại Hàm Rượu Bà Nà - Đà Nẵng của người Pháp (1923). Khu Hàm Rượu Bà Nà (Đà Nẵng) trước đây được người Pháp xây dựng vào 1923 cũng dựa trên kỹ thuật xây dựng của người Chăm xưa với vách hầm được xây bằng đá núi và vữa làm từ hỗn hợp đường và nhựa cây bời lời – một loại cây khá phổ biến ở vùng Quảng Nam – Đà Nẵng nhưng Trần hầm được đào theo hình vòm cong thể hiện lối kiến trúc mang đậm chất Pháp. ( H 2.39)

**Nhận xét:** Vật liệu kết dính có độ bền cao, liên kết các vật liệu xây dựng tốt

+ Tham khảo thực tiễn mô hình phục dựng Tháp tại Nhà hàng Apsassara,

- Trần Phú – Đà Nẵng và tại Khu Du Lịch Suối Lương - Đà Nẵng bằng phương pháp "mài chập" của cố nghệ nhân Nguyễn Văn Chinh (Quảng Nam) ( sử dụng gạch riêng - nung và mài xát kết dính bằng nước keo thực vật) ( H 2.38)

. **Nhân xét:** Kỹ thuật xây dựng làm cho Tháp có hình thức gần giống Tháp Chăm. Tuy nhiên, điêu khắc trên các Tháp này không nhiều. Hiện nay, trên một số điểm, vật liệu đã xuất hiện tình trạng rêu mốc.

+ Tham khảo thực tiễn mô hình Tháp của nghệ nhân Nhất Chi Lan ( H 2.39). Trong đó, nghệ nhân này cũng sử dụng kỹ thuật nung bằng gạch “mộc”, xây không mạch vữa và nung sau và tạo nên một mô hình Tháp toàn khối với kích thước: 1mx1m, cao 1m70.

. **Nhân xét:** Tháp khá vững chắc.- Có màu sắc vật liệu gạch rất giống với Tháp Chăm. Tuy nhiên, so với Tháp thực tế cũng còn rất nhiều chênh lệch. Cũng cần rất nhiều phân tích và thực nghiệm trên quy mô lớn để có những đánh giá có tính khoa học hơn.

#### + ***Những thí nghiệm phục vụ luận án***

- Thử nghiệm kết dính, liên kết các mảng tường nhỏ bằng hỗn hợp: Dầu rái + xi măng trắng và bột gạch. Theo thử nghiệm riêng: Dầu rái hoặc chai phà nếu có thêm xi măng vào, có khả năng chịu lực bong tách rất tốt: từ 1 đến 2kgf/cm<sup>2</sup>.(H.2.40)

- Thử nghiệm tạo tác một mảng tường không mạch vữa bằng gạch mộc và đất sét, sau đó nung toàn bộ của nghiên cứu sinh tại nhà Ông Lê Quốc Tuấn ở khối 5-Phường Thanh Hà-Hội An-QN).( H 2.41.). Thử nghiệm tạo ra một mảng tường gạch dày khá vững chắc.(PL 08&Video kèm theo)

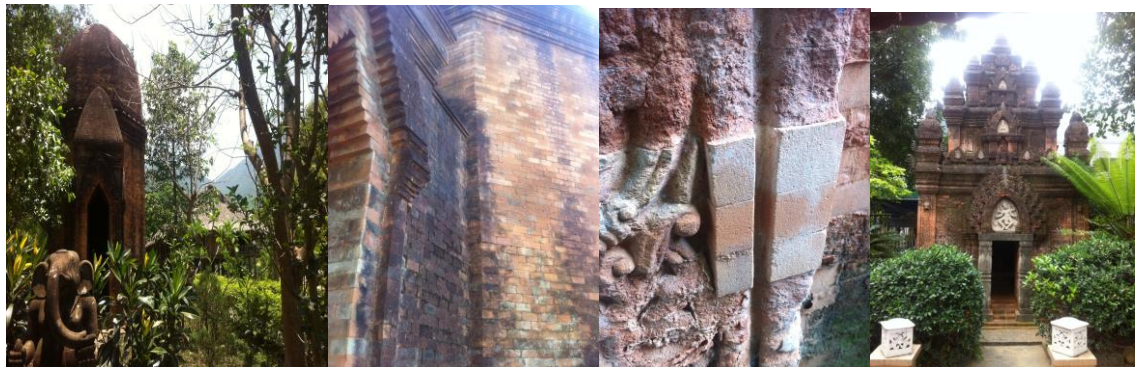
#### **Mô hình Tháp của cá nhân:**

Với việc thử nghiệm mô hình xây Tháp và trang trí điêu khắc theo những nghiên cứu - phân tích trên, nghiên cứu sinh tiến hành xây và nung thử một ngôi tháp nhỏ bằng gạch mộc, có tỷ lệ gần đúng với tỷ lệ của ngôi tháp thật : cao 0,6m –rộng 0,3m- Gạch cỡ :7cm x 4cm x 2cm.Địa điểm nung tại nhà Ông Lê Quốc Tuấn ở khối 5-Phường Thanh Hà-Hội An-QN. Thời gian thực hiện: 8/2008.(H 2.42; H 2.43; PL 08& Video kèm theo).

Kỹ thuật xây dựng được tiến hành theo đúng nguyên mẫu của Tháp. Nghiên cứu sinh đã dùng những viên gạch mộc có kích thước như vậy nhúng nước rồi xát và ép để kết dính chúng lại với nhau. Sau đó, thực hiện điêu khắc, trang trí trên mô hình của Tháp ( H 3.6).

**Nhận xét:** Mô hình Tháp tạo ra một khối đồng nhất - Dễ thực hiện - Dễ điêu khắc (trên gạch mộc) - Tháp tương đối vững chắc, có cấu trúc không khác biệt với tháp Chăm cổ và có tính thẩm mỹ cao (kết dính các viên gạch với nhau không để lộ khe hở, mạch vữa,..). Tuy nhiên, so với Tháp thực tế cũng còn rất nhiều chênh lệch. Cũng cần rất nhiều phân tích và thực nghiệm trên quy mô lớn để có những đánh giá có tính khoa học hơn.

- Thử nghiệm về tạo tác các dạng điêu khắc trên tường tháp. Trong đó, các hình thức trang trí có thể được thực hiện trực tiếp trên vật liệu đất sét mộc rồi nung sau như thử nghiệm riêng của nghiên cứu sinh tại nhà Ông Lê Quốc Tuấn ở khối 5-Phường Thanh Hà-Hội An-QN.( H 3.4.)



**Hình 2.38. Một số hình ảnh từ việc phục dựng Tháp bằng phương pháp mài chập tại khu du lịch Suối Lương và Nhà Hàng Apsara-Đà Nẵng**

*(Nguồn: Tác giả)*



**Hình 2.39. Mô hình phục dựng Tháp (nung sau) của nghệ nhân Nhất Chi Lan và Hàm Rượu tại Bà Nà - Đà Nẵng**

(a)

(b)

(c)

(d)

**Hình 2.40. Một số hình ảnh thực nghiệm riêng về hỗn hợp kết dính bằng Dầu rái, Chai phà, Xi măng trắng**

**(a) - Chai phà, (b) - Hỗn hợp Chai phà và Xi măng trắng, bột gạch, (c),(d) - Các công đoạn thử nghiệm khả năng kết dính**

*(Nguồn: Tác giả)*

(a)

(b)

**Hình 2.41. (a) - Tường xây bằng vữa đất sét, sau đó được nung chín và (b) -Loại đất sét sử dụng cho việc xây các mảng Tường không dùng hồ vữa này**

*(Nguồn: Tác giả)*

**Hình 2.42. Một số kỹ thuật thực hiện điêu khắc trên vật liệu tự cố kết.**

*(Nguồn: Tác giả)*

(a)

(b)

(c)

**Hình 2.43. Các công đoạn trong mô hình Tháp bằng vật liệu nung sau  
(a) - Dùng gạch “mộc” xát-ép kết dính( không dùng chất kết dính); (b) -  
Phơi gạch se khô và điêu khắc trực tiếp; (c) - Nung mô hình Tháp  
Nhất Chi Lan và khu hầm rượu được xây bằng một hình thức vật liệu kết  
dính cổ truyền của người Chăm xưa**

*(Nguồn: Tác giả)*

### **Chương 3. ĐỀ XUẤT VỀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN THÁP CHĂM HIỆN NAY**

#### **3.1. Đánh giá các giá trị trong nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng Tháp**

##### ***3.1.1. Những giá trị chung trong nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng Tháp***

Qua các nghiên cứu trên, nghiên cứu sinh nhận định rằng: Kiến trúc các Đền Tháp Chăm có thể được xem là đỉnh cao nghệ thuật kiến trúc Chăm và có những giá trị nhất định trong di sản kiến trúc. Trong đó, dù có sự khác biệt tùy theo từng tính chất, quy mô, đặc điểm, niên đại,... nhưng các Tháp Chăm nói chung đều cho thấy chúng đều mang những giá trị điển hình. Đó là:

***. Khả năng tổ chức quy hoạch-lựa chọn địa điểm xây dựng các Tháp:***

Các di tích kiến trúc Chăm khi xây dựng đều có sự nghiên cứu, lựa chọn địa điểm và tổ chức quy hoạch cho các công trình. Những khả năng này thể hiện một kỹ thuật quy hoạch, lựa chọn địa điểm độc đáo, giàu tính bản địa. Điều này góp phần đáng kể tạo nên những giá trị nhất định cho các di tích. Theo đó, các Đền Tháp thường được xây dựng trên đồi cao hoặc trong các thung lũng, là nơi cách xa dân cư. Toàn cảnh các Tháp hay các quần thể Đền Tháp toát lên vẻ thanh thoát, tĩnh lặng. Việc quy hoạch các vị trí này của các Tháp cho thấy các quan niệm tôn giáo, tâm linh, tín ngưỡng, vũ trụ luận... và còn là hiện thân của triết lý giải thoát. Đồng thời kỹ thuật lựa chọn địa điểm còn góp phần mang yếu tố bảo tồn cho kiến trúc công trình khi các công trình không sụt lún, từ biến hay lộ chân móng dù trải qua hàng trăm, hàng ngàn năm dưới tác động khắc nghiệt của khí hậu miền trung.

***. Các giải pháp kiến trúc đặc biệt:***

Trong số các loại hình kiến trúc, nghệ thuật Kiến trúc của Đền Tháp đóng vai trò đặc biệt và thể hiện đặc sắc các giá trị nghệ thuật. (xem thêm PL 05). Đó



là sự kết hợp giữa kiến trúc và các ý nghĩa tâm linh, tín ngưỡng; là sự kết hợp hài hòa, hữu cơ giữa kiến trúc-điều khắc và kỹ thuật xây dựng, sử dụng vật liệu.

- Sơ đồ kiến trúc quy hoạch và bố trí mặt bằng kiến trúc được xây dựng theo khái niệm vũ trụ luận của Ấn Độ và các quan niệm tâm linh – tín ngưỡng. Điều này giúp chúng ta có cái nhìn và hiểu rõ hơn về các quan niệm tâm linh – tín ngưỡng và triết học của người Chăm xưa.

- Tỷ lệ các phần của tháp có tính nhân bản, nghĩa là nó được xuất phát từ con người.

**. Nghệ thuật điêu khắc rất riêng:**

Kiến trúc Chăm tuy có những nét ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, Indonesia, Khơme nhưng họ không tiếp thu, sao chép một cách nguyên vẹn mà luôn cải biên sáng tạo trên cơ sở văn hoá bản địa. Như về mặt vật liệu, tháp Chăm chỉ xây bằng gạch, chứ không xây bằng đá như tháp Ấn Độ hay như các mẫu đề điêu khắc, nghệ thuật điêu khắc Chăm luôn dựa vào mô típ của Ấn giáo để rồi biến hoá thành cái riêng mình để rồi một số tác phẩm đã trở thành kiệt tác của cả khu vực. Và trong tổng thể, các tháp Chăm hướng về hình khối đơn giản, không qui mô bề thế như các tháp ở Ấn Độ, đền tháp Ăngko (Campuchia), tháp Borobudur (Indonesia). Tháp Chăm luôn hướng về tiêu phẩm cân xứng, đẹp mắt, vừa độc đáo vừa có cá tính. (xem thêm PL 05)

**. Các kỹ thuật đặc biệt trong xây dựng:**

Các giá trị kỹ thuật trên các Đền Tháp Chăm, có thể cho rằng, điểm đặc biệt nhất trong kỹ thuật xây dựng Tháp đó là kỹ thuật xây dựng không mạch vữa khi nó là nghệ thuật của sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng với vật liệu và nghệ thuật điêu khắc để tạo nên những tác phẩm được đánh giá cao về tính thẩm mỹ và bền vững dưới tác động của môi trường và thời gian.

Ở đây, kiến trúc - điêu khắc và kỹ thuật xây dựng có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Các tác phẩm điêu khắc không những làm đẹp cho các công trình kiến trúc mà cùng với kỹ thuật xây dựng đặc thù đã tạo nên một tổng thể gắn kết hài hòa, hữu cơ, tôn vinh lẫn nhau. Đó là một phương pháp xây Tháp theo nguyên tắc

tạo ra một tổng thể đồng chất (xem PL 04) với bề dày tường lớn để có được lực liên kết bền vững nhất, đồng thời dễ dàng tạo ra được những tác phẩm điêu khắc có đường nét mỹ thuật cao. Qua đó làm toát lên được giá trị mỹ thuật, làm rõ công năng sử dụng và các ý nghĩa văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh của các công trình đó.

### **3.1.2. Đánh giá các giá trị riêng cho từng Tháp và cụm Tháp tại khu vực nghiên cứu**

Trong mục 2.2, hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá có nêu 10 tiêu chí của Raul Di Lulla để đánh giá các giá trị công trình. Sự nhận biết các công trình có giá trị hay không là điều cần thiết cho công tác bảo tồn. Do vậy, dựa trên các tiêu chí này làm cơ sở để đánh giá cho 8 Tháp và cụm Tháp (Bảng 3.2) tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng nhằm phục vụ trong công tác bảo tồn. 10 tiêu chí này khá đầy đủ để đánh giá - xác định cho công trình, nhưng riêng với Đền Tháp miền Trung, cần bổ sung thêm *tiêu chí về khảo cổ*. Đây là một đặc điểm rất riêng khi nghiên cứu, bảo tồn các Tháp. Giá trị về khảo cổ đối với những loại nghiên cứu các di tích di chỉ của người xưa rất quan trọng vì nó cho ta biết nhiều thông tin qua phân tích, thí nghiệm ... về các tầng lớp bên dưới, các vật liệu sử dụng và cách thức xây dựng,.. để chỉ rõ những đặc điểm lịch sử, đặc điểm kiến trúc – kỹ thuật, những giá trị mỹ thuật của công trình thời gian xây dựng và các vấn đề khác của nền văn hoá cổ xưa để qua đó có cái nhìn chân xác hơn - nhất là trong kiến trúc - xây dựng để phục vụ công tác bảo tồn - tu bổ. Đối với kiến trúc Chăm, việc phát hiện (các di tích nổi và nằm dưới đất) thì xác định giá trị qua khảo cổ là không thể thiếu được

### **3.2. Những nhận định có tính chuyên khảo của Luận Án về phương pháp xây dựng Tháp của người Chăm**

Riêng về phần phương pháp xây dựng, trên cơ sở nghiên cứu điền dã và phân tích trên vật liệu (*nhệt độ nung, thành phần hóa-lý, các dấu vết trên bề mặt,..*); giữa mối liên hệ giữa kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc.. và các quan niệm trong tôn giáo, tín ngưỡng; điều kiện lịch sử....(xem Bảng 3.1), nghiên cứu sinh đưa ra một số nhận định - mang tính tham khảo sau:

**Bảng 3.1. Bảng tổng hợp các đặc điểm chung liên quan đến việc đánh giá -  
nhận định kỹ thuật xây dựng tháp Chăm tại khu vực Quảng Nam -  
Đà Nẵng**

Trước khi xây dựng một công trình đền Tháp, người xây dựng chọn địa điểm xây dựng phải đáp ứng nhu cầu tâm linh tôn giáo, bên cạnh cũng chú ý đến yếu tố địa lý. Đất xây dựng tháp phải cao thoáng không bị tác động tự nhiên (lụt lội) can thiệp. Sau đó xác định đồ án mô hình, khối kiến trúc, tháp xây theo mô hình nào, bình đồ kiến trúc, khối kiến trúc, kích thước, cùng những hoạ tiết, thành phần trang trí kiến trúc tham gia. Từ cơ sở đó người ta chuẩn bị vật liệu, gạch, phương tiện... Khi công việc chuẩn bị hoàn tất người ta tiến hành chọn ngày, giờ tốt để xây tháp. (H 3.1)

Tháp có thể được người ta xây bằng gạch mộc - tức những viên gạch còn ướt, được phơi qua vài ngày cho gạch se lại, sau đó nhúng nước, xát và ép để viên này dính sát với viên kia, chồng lên và sole mí với nhau. Vì đất sét là vật liệu lâu khô, lại phải nung qua lửa, đòi hỏi độ ẩm phải còn  $\leq 20\%$  trước khi nung nên người Chăm không thể đổ đất sét lỏng như hiện nay ta đổ bê tông mà trước tiên phải làm nên những viên gạch mộc, phơi qua vài ngày để gạch se lại, sau đó nhúng nước, xát và ép để viên này dính sát với viên kia, chồng lên và so le mí với nhau. Khi ngôi tháp xây xong thì toàn bộ ngôi tháp, nền và móng đã trở thành một tổng thể đất sét đồng chất (ngoại trừ một ít lanh tô hoặc trụ đá phải dùng trong kỹ thuật xây). Tổng thể đất sét này được nung chín, tất nhiên sẽ có độ bền vững hơn là xây bằng gạch đã nung trước với hồ vữa, là 2 chất liệu khác nhau.

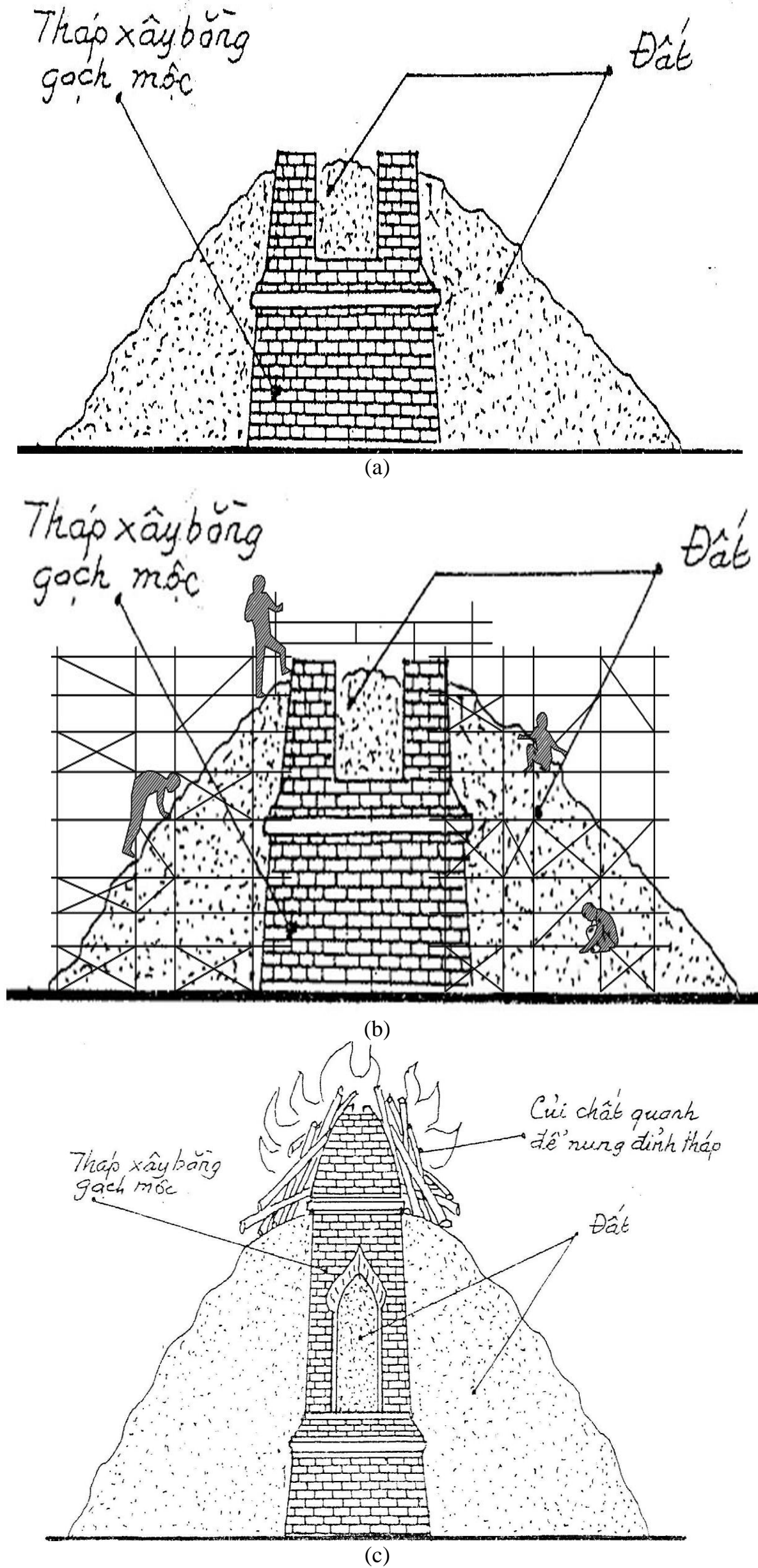
Xây tới đâu, chạm khắc tới đó. Kỹ thuật dùng đất, đồ, ép chặt trong và ngoài tháp để giữ cho tháp vững chắc và người thợ có điều kiện làm việc dễ dàng trong lúc xây và chạm khắc. Việc chạm khắc trên tường cũng được thực hiện khi gạch chưa nung, còn mềm dẻo. Xây tới đâu thì cát đắp chính là một loại, vừa giàn giáo, vừa cốp pha (Scaffold and framework) trong ngành xây dựng (nhưng ngày nay thì người ta làm bằng gỗ và sắt). Có một điều, khi xây tháp phải đổ đất ở trong và ngoài ngôi tháp để giữ tháp cho vững, đồng thời làm phương tiện cho người thợ xây ngôi làm việc và lên xuống. Ví dụ muốn xây một ngôi tháp có chiều cao 20 mét thì phải có diện tích mặt bằng để làm việc với đường kính là 30 mét, một ngôi tháp có chiều cao 10 mét thì phải có diện tích

mặt bằng với đường kính 15m (vào khoảng 1,5 chiều cao), do đó nó có nhược điểm là ở những khu có tháp quay quần nằm gần sát nhau như ở Mỹ Sơn thì những ngôi tháp xây sau thường không được cao lắm...

Cách xây và nung tháp của người Chăm xưa phải theo trình tự bắt buộc: “Xây từ dưới lên trên và nung từ trên xuống dưới”. Bởi lẽ, vì xây bằng gạch mộc chưa nung, tức là dùng những viên gạch còn sống nhúng nước rồi xát và ép chặt vào nhau để kết dính nên tháp dễ đổ, vì vậy người Chăm xưa phải xây tường tháp rất dày từ 1mét đến gần 2 mét ( xem thêm H 2.17, H2.18, H 2.19, H 2.20, H 2.21). Các cửa ra vào được xây theo lối giặc cấp, sau có thể được gia cường thêm bằng các lanh-tô đá. Phần đỉnh tháp thì luôn được xây nhỏ hơn phần đế và thân tháp để trọng tâm khó đổ ra ngoài (xem thêm H 2.17, H 2.18). Ban đầu người ta chỉ xây lên một đoạn tường chân Tháp cao khoảng từ 1-2m, để một thời gian cho vật liệu tiếp tục cố kết lại rồi tiếp tục xây dựng. Xây tháp tới đâu thì đổ đầy đất ở trong lẫn ngoài lên tới đó, ngang với mặt tường đang xây, ép đất thật chặt để giữ tháp cho vững. Đất ép vừa đóng vai trò giữ thành Tháp vừa là nơi để các nghệ nhân cùng với các đàn giáo thực hiện các thao tác kiến trúc, điêu khắc...( xem thêm H 2.21)

Khi tháp xây lên tới đỉnh xong rồi lúc đó đỉnh tháp vẫn chưa lỗ trống chưa gắn vật trang trí vào (xem thêm H 2.17, H 2.18). Người Chăm xưa để như vậy vài ngày cho gạch khô, sau đó bôi dần đất ở phần đỉnh Tháp ra, chất cây khô chung quanh đốt cháy lên để nung phần đỉnh tháp cho chín đỏ. Khi phần đỉnh tháp đã được nung xong thì người ta bôi đất để đốt lửa nung phần tháp tiếp theo ở dưới. Cứ thế, người ta đốt lửa nung dần từng phần cho đến hết phần chân tháp. Đến đây, tháp đã khá vững chắc, người ta bôi đất ở trong tháp ra để chất củi đốt lên nung thêm ở phần trong cho hoàn chỉnh, kết thúc công đoạn nung tháp. Khi đó, cả ngôi Tháp như một giàn "hỏa thiêu" dâng lên cho Thần linh đúng như các quan niệm tín ngưỡng của người Chăm xưa.....( H 3.1).[4], [9].[18].

Những công đoạn như trên có thể là sự hình dung lại từ sự thu thập, khảo sát, tổng hợp ban đầu mang tính chuyên khảo, trước mắt cho ta một sự khái quát về một mô hình xây Tháp mà nó có thể lý giải một số vấn đề nhất định liên quan tới các hiện tượng điêu khắc mỹ thuật, kiến trúc, tín ngưỡng, vật lý- hóa học,... ở trên Tháp. Tuy nhiên, việc xây Tháp có liên quan rất nhiều vấn đề mà nó cần phải giải đáp thỏa đáng chứ không chỉ đơn thuần là sự kiện Tháp được xây bằng gạch mộc hay gạch đã nung và xây có dùng hồ vữa hay không. Theo đó, điều này còn dựa trên những cơ sở khác về mặt kết cấu, vật liệu, bảo tồn, điều kiện lịch sử... mà với nó cho ta thêm một cái nhìn về việc đánh giá đúng hơn các giá trị trong kỹ thuật xây Tháp.



Hình 3.1. Hình ảnh về giả thiết mô hình xây dựng Tháp của người Chăm

(Nguồn: Tác giả)

### **3.3. Các giải pháp cho việc bảo tồn - tu bổ Tháp trên cơ sở vận dụng những nhận định về phương pháp xây dựng Tháp của người Chăm**

#### **3.3.1. Nguyên tắc chung**

+ Hiểu biết về lịch sử, văn hoá, kỹ thuật xây dựng về các kiến trúc Chăm là điều kiện tiên quyết để bảo tồn trùng tu và phát huy giá trị di tích một cách tốt nhất.

+ Cần coi trọng công tác bảo quản, sửa chữa nhỏ thường xuyên để phòng ngừa, ngăn chặn những tác nhân gây hại cũng hết sức quan trọng. Ở đa số các di tích tháp Chăm hiện nay đều có ít nhiều các bộ phận bị phá huỷ (các mảng tường, chi tiết trang trí,..), cần có sự quan tâm đến các chi tiết này bởi chỉ một cấu kiện nhỏ không được sửa chữa kịp thời sẽ kéo theo sự hư hỏng các bộ phận khác. Hiện nay, trong hoạt động tu bổ di tích Tháp Chăm, vấn đề bảo quản, sửa chữa nhỏ chưa được coi trọng. Đặc điểm khí hậu Việt Nam là khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều, độ ẩm cao... Hầu hết các di tích này luôn phải chịu sự tác động rất thường xuyên của môi trường bên ngoài. Nhiều di tích bị xuống cấp nhanh chóng chỉ sau vài năm được tu bổ. Việc nghiên cứu các phản ứng của phương pháp trùng tu và nhất là vật liệu sử dụng với tác động của môi trường (lượng axit trong mưa tác động tới vật liệu trùng tu; tác động của biên độ dao động nhiệt độ giữa ngày - đêm với độ giãn nở của vật liệu trùng tu, tác động của gió bão,..) hiện nay cũng chưa được tính đến. Như GS.TS. Hoàng Đạo Kính, UV Hội đồng di sản văn hóa quốc gia, nhận định: "Ngay cả việc giải quyết hiện tượng rêu phong cho các khối xây gạch mới, mà người Chăm xưa đã giải quyết được, vẫn là một thách thức". Hay như việc trùng tu xuất hiện tình trạng trào vữa xi-măng trắng tại các vị trí trùng tu chỉ sau một thời gian ngắn tại các Tháp như Khương Mỹ (Quảng Nam), Hòa Lai(Ninh Thuận),..là những ví dụ điển hình. [28], [29], [30], [31]

+ Tùy từng trường hợp Tháp hay cụm Tháp mà có các giải pháp phù hợp. Không áp dụng một phương pháp đại trà cho tất cả các Tháp như hiện nay. Bởi mỗi Tháp với phương pháp xây dựng nguyên gốc khác nhau, quy mô tu bổ khác nhau, tuổi công trình khác nhau, vị trí tu bổ khác nhau,.. thì không thể sử dụng



chung một phương pháp như hiện nay.

+ Cần quan tâm đến sự ảnh hưởng đến các yếu tố xung quanh di tích. Hiện nay, môi trường cảnh quan của các di tích Tháp đang bị biến dạng khiến cho các giá trị thẩm mỹ của di tích mai một : diện cây xanh, mặt nước của di tích bị thu hẹp (Hầu như tất cả các Tháp ở khu vực miền Trung bị ảnh hưởng). Mặt khác, quá trình đô thị hoá đã dẫn đến tình trạng nhiều tác động đáng kể đến di tích như: các công trình xây dựng mới, ngôi nhà cao tầng lấn át các di tích; các tác động rung - lắc từ các chuyên động giao thông đi qua,..( Như trường hợp các tháp nằm ở trục lộ khu vực Quảng Nam như: Chiên Đàn, Bàng An,..)

+ Bảo tồn trùng tu có nhiệm vụ trực tiếp là bảo tồn các giá trị nguyên gốc, chân xác của di tích, kéo dài tuổi thọ cho di tích. Còn mục tiêu lâu dài hay là mục đích của công tác bảo tồn chính là hướng tới sự bảo tồn các giá trị phi vật thể mà di tích hàm chứa, đảm bảo cho di tích bền vững không những về mặt vật chất mà quan trọng hơn là về các giá trị phi vật thể. Phương pháp hữu hiệu là ưu tiên sử dụng vật liệu công nghệ truyền thống đã được xác định. Các tiêu chuẩn và thực thi phải phù hợp với Luật Di sản văn hoá, các Hiến chương quốc tế, phù hợp với tâm hồn dân tộc, phải được chính người dân tham gia tích cực, sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và sự quản lý của cơ quan văn hoá. Mục tiêu hướng tới của công tác bảo tồn chính là bảo tồn các giá trị phi vật thể trên cơ sở bảo tồn giá trị vật thể và phát huy giá trị di tích các kiến trúc Chăm trong cộng đồng, trong cuộc sống hôm nay.

+ Cần có chiến lược tu bổ các di tích kiến trúc Chăm trong hệ thống các di tích còn lại ở miền Trung, Tây Nguyên, xem xét nó trong một không gian thống nhất như nó vốn có, phát huy giá trị vật thể và phi vật thể; giá trị tham quan, nghiên cứu, du lịch trong không gian thống nhất của chuỗi các di tích Chăm ở miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam.[5],[6],[48], [51].

**Bảng 3.2. Bảng đánh giá các giá trị công trình kiến trúc Đền Tháp Chăm dựa trên các tiêu chí**

**Bảng 3.3. Giá trị cần bảo tồn của các Tháp Chăm trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng**

### ***3.3.2. Nguyên tắc đặc thù cho các Tháp Chăm***

Việc phát huy giá trị di sản vật thể được dựa trên nền tảng khả năng bảo tồn các di tích. Thực chất chỉ có thể phát huy được các giá trị của di tích khi di tích được bảo tồn tối đa các giá trị nguyên gốc và các giá trị chân xác của các hình thức kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, vật liệu. Khả năng lựa chọn địa điểm, kỹ thuật tạo tác, sử dụng vật liệu, chất kết dính của người Chăm xưa là một kỹ thuật đặc biệt, nó vốn không chỉ kết tinh tài năng kỹ thuật của người Chăm xưa mà còn ẩn chứa những giá trị văn hóa lịch sử quý giá. Tuy nhiên, hiện nay nó vẫn chưa được quan tâm và đánh giá đúng mức các giá trị vốn có. Các công trình thường dễ hoang phế dưới tác động của môi trường và con người. Và nếu được trùng tu thì hoặc dừng lại ở mức chống xuống cấp tạm thời hoặc được trùng tu theo những chất liệu không tương hợp. Điều này dễ làm kết cấu nguyên trạng của công trình mau xuống cấp. Vì vậy, để bảo tồn - tu bổ các Tháp một cách có hiệu quả, cần có những nguyên tắc đặc biệt riêng. ( xem Bảng 3.3)

#### ***3.3.2.1. Việc quy hoạch***

- Việc quy hoạch nhằm bảo tồn các loại hình di tích kiến trúc Chăm trước hết đòi hỏi phải có sự ý thức và sự chung tay của nhiều cơ quan liên ngành và đông đảo nhân dân. Việc quy hoạch bảo tồn các di tích Champa, trước khi đi vào các giải pháp cụ thể, nhìn chung cần đề cập đến các góc độ như: quy hoạch, kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, văn hóa – lịch sử... và cần gắn với các không gian vốn có trước đây của di tích (bởi đôi khi nó cũng liên quan đến các quan niệm, tín ngưỡng,..) cũng như các hoạt động cổ truyền của đồng bào Chăm tại địa phương. Và ở góc độ này, việc quy hoạch nhằm bảo tồn giá trị di tích còn được hiểu là sự kết hợp giữa việc phát huy các giá trị vật thể và phi vật thể, giữa kiến trúc với cảnh quan, các yếu tố địa – văn hóa. Các giá trị được bảo tồn có ảnh hưởng đến nhau, liên quan mật thiết đến nhau, cái này bổ trợ cho cái kia.

#### ***3.3.2.2. Việc can thiệp***

- Trước khi có các can thiệp kiến trúc trên các di tích phải có một chuẩn

đoán toàn diện và chính xác về điều kiện và nguyên nhân hư hại của di tích. Đồng thời phải có công đoạn ghi chép cẩn thận tình trạng của kiến trúc và thành phần, cũng như tất cả các vật liệu dùng để bảo tồn hay xử lý hư hại di tích, đúng như điều 16 Hiến chương Venice và nguyên tắc của ICOMOS về lập hồ sơ di tích, nhóm công trình xây dựng và di chỉ. Mọi tư liệu thích đáng, bao gồm các mẫu tiêu biểu của những vật liệu thừa hoặc các bộ phận tách ra từ kiến trúc, và thông tin các kỹ thuật và công nghệ truyền thống có liên quan phải được thu thập, liệt kê, đặt ở nơi an toàn và dễ tiếp xúc khi cần. Hồ sơ cũng phải bao gồm những lý do cụ thể khi chọn vật liệu và phương pháp trong việc bảo tồn.

- Sự can thiệp vào các loại hình di tích kiến trúc Chăm phải đảm bảo tính xác thực của lịch sử và tính toàn vẹn di sản văn hoá, tính đặc trưng và giá trị gốc của di tích. Thực hiện việc tu bổ, tôn tạo các di tích trong trường hợp cần thiết phải trên cơ sở đảm bảo tính nguyên vẹn, tôn trọng yếu tố gốc, sự bền vững, sự hài hoà của di tích với cảnh quan lịch sử - văn hóa của khu vực. Mọi can thiệp được đề xuất muốn được ưu tiên phải đảm bảo các tiêu chí cả trong các phương pháp và kỹ thuật truyền thống cũng như trong công tác bảo tồn.

### *3.3.2.3. Các phương pháp và kỹ thuật truyền thống*

+ Can thiệp tối thiểu và có thể chuyển hồi được, nếu như có thể được về mặt kỹ thuật; hoặc chí ít là không gây trở ngại hoặc cản trở công việc bảo tồn sau này khi nào việc đó trở nên cần thiết; và không cản trở khả năng tiếp xúc sau này với các chứng tích hỗn nhập vào kiến trúc.

+ Trong các cuộc can thiệp, di tích phải được coi như là một tổng thể (kỹ thuật xây dựng – kiến trúc – điêu khắc – cảnh quan); mọi vật liệu, kể cả các bộ phận phải được lưu ý như nhau. Trên nguyên tắc các vật liệu đang tồn tại phải được giữ lại càng nhiều càng tốt.

+ Trong việc can thiệp, cần sử dụng các kỹ thuật truyền thống. Trong đó cần ưu tiên các yếu tố con người và phương tiện, dụng cụ,.. có tính bản địa, được lưu truyền bởi kinh nghiệm qua nhiều thế hệ và sự thuần thục cần thiết.

#### 3.3.2.4. *Tu bổ*

+ Trong việc tu sửa di tích kiến trúc Tháp, có thể dùng các loại vật liệu kiến trúc để thay thế song phải tôn trọng đúng mức các giá trị lịch sử và thẩm mỹ hiện hữu, và khi nào việc làm đó thực sự cần thiết để đáp ứng nhu cầu cần phải thay thế những bộ phận hoặc những mảng bị mục nát hoặc bị hư hỏng hoặc là do yêu cầu trùng tu.

+ Những bộ phận hay mảng mới thay thế sử dụng trên Tháp phải cùng một loại chất liệu hoặc nếu cần thiết, có chất lượng vật liệu tốt hơn thay thế, tuy nhiên phải có những đặc trưng vật lý thích hợp với kiến trúc hiện tồn.

+ Kỹ thuật thủ công và phương thức xây dựng Tháp, kể cả công cụ và máy móc sử dụng, phải tương hợp với những thứ được dùng lúc ban đầu. Để thay thế một mảng nào đó bị mục nát, cần phải sử dụng cách xây dựng truyền thống để chắp nối mảng mới vào mảng cũ, nếu thao tác này có thể làm được và thích hợp với đặc trưng của kiến trúc Tháp được tu sửa. Phải làm thế nào để các mảng hoặc bộ phận mới phân biệt được với các bộ phận các mảng đang tồn tại. Trong một số trường hợp, có thể dùng các phương pháp truyền thống thích hợp hoặc phương pháp hiện đại đã được trác nghiệm để làm giảm sự khác biệt sắc màu giữa bộ phận cũ và bộ phận mới, song phải lưu ý không làm ảnh hưởng hoặc làm hỏng bề mặt vật liệu trên Tháp.

+ Vật liệu và kỹ thuật xây dựng đương đại

Các vật liệu đương đại và các kỹ thuật đương đại khi đưa vào các kiến trúc Tháp cần phải chọn lựa và sử dụng hết sức thận trọng, và chỉ trong trường hợp độ bền và kỹ thuật xây dựng đã được chứng thực là thoả đáng qua một thời gian dài. Những dịch vụ công cộng gắn liền với di tích (nếu có) phải được xây dựng như thế nào đó để vẫn tôn trọng ý nghĩa lịch sử và thẩm mỹ của di tích kiến trúc Tháp vốn có.

### 3.3.3. *Giải pháp thực hiện*

#### 3.3.3.1. *Đề xuất giải pháp bảo tồn không gian tổng thể cho từng Tháp*

+ **Tháp Bằng An** (Điện Bàn - Quảng Nam)

Di tích còn tương đối nguyên vẹn, cần được gia cố, bảo quản hay phục hồi từng phần. Hiện không gian xung quanh di tích còn chưa được quan tâm, chú trọng khi để các công trình dân dụng, nhà ở,..xâm lấn và sử dụng vào những mục đích gây bất lợi cho di tích. Kiến trúc này cần được tôn tạo cảnh quan và sử dụng với một chức năng tôn giáo nào đó theo nghi thức Champa truyền thống hoặc có sự đan xen các yếu tố sinh hoạt, tín ngưỡng khác.

**+ Nhóm Tháp Khương Mỹ (Quảng Nam)**

Các di tích còn lại ở tình trạng kỹ thuật không tốt. Đã phát lộ ra một số kiến trúc, điêu khắc trang trí dưới chân đế tháp nhưng khu vực này đến nay vẫn chưa có cuộc khai quật khảo cổ học để nghiên cứu các vết tích còn nằm trong lòng đất. Nhưng hiện một số bề mặt trên nền di tích đã bị lấp, bê tông hóa thành vườn hoa,..Ngoài phần tường rào xây dựng bằng sắt thép sát cạnh tháp, không phù hợp không gian và cảnh quan di tích, di tích còn bị xây dựng các mương thoát nước cũng bằng bê tông đập nắp vốn không phù hợp, vì người Chăm xưa xây dựng các tháp trên vùng gò đồi, nước sẽ tự nhiên chảy xuống xung quanh.

Tường rào bảo vệ được xây trong quá trình tu bổ cũng không đúng với vị trí, bản đồ khoanh vùng di tích, làm diện tích khu vực I của di tích bị thu hẹp lại, có chỗ bị méo mó. Số diện tích đất của di tích, trước đây có trường mẫu giáo và sinh hoạt thôn, đã bị xuống cấp hoàn toàn, địa phương đã xây dựng tại địa điểm mới. Tuy nhiên phần đất này gần 5.000m<sup>2</sup> lại không được sử dụng để mở rộng khu vực di tích. Với những giá trị vốn có của tháp Chăm Khương Mỹ, việc tu bổ di tích không thể tùy tiện làm biến dạng không gian và yếu nguồn gốc di tích. (xem hình 3.5).

**+ Nhóm Tháp Chiên Đàn (Quảng Nam)**

Nhóm tháp Chiên Đàn được xếp hạng di tích quốc gia. Trong các đợt trùng tu đã khai quật quanh các tháp, làm lộ ra hệ thống chân tường và các trang trí chân tường bằng sa thạch cùng với hàng trăm tác phẩm điêu khắc, bia ký có giá trị. Có thể nói, cho đến nay chưa có nhóm 3 tháp nào có số lượng hiện vật nhiều bằng Chiên Đàn. Tuy nhiên, di tích này ít nhận được sự quan tâm từ các cấp

ngành cũng như người dân, du khách. Một phần do di tích không nằm trên trục đường du lịch nối các di sản, phần do công tác quảng bá cũng như quản lý còn rất thờ ơ, nên cũng như khá nhiều di tích khác trên địa bàn, tháp Chiên Đàn đã dần bị lãng quên, xuống cấp. Hiện nay nhóm tháp này đang trong tình trạng xuống cấp, kết cấu gạch, đá có hiện tượng bị xâm hại do tác động thời tiết, xâm thực bởi rêu, địa y... Do vậy, trước mắt, Tháp cần có không gian bảo vệ (phân ranh giới bảo vệ di tích) và tổ chức các công trình bảo vệ và phục vụ cũng như về lâu dài cần được quy hoạch không gian xung quanh và xây dựng một kế hoạch hoạt động du lịch bền vững tại đây.

**+ Phế tích các Tháp Phong Lệ, Tháp Cẩm Mít, Tháp Quá Giáng (Đà Nẵng):**

Các phế tích đã được khai quật khảo cổ học, đã được nghiên cứu bảo vệ và còn nhiều khả năng bảo tồn Cần khẳng định vai trò khảo cổ nhằm phát lộ tổng thể hoàn chỉnh. Sự tồn tại của các phế tích này, đặc biệt là phế tích Phong Lệ (Đà Nẵng) cần xem xét, xác định được không gian văn hóa (có lẽ cũng gắn với con Sông xung quanh như nó vốn có trước đây) vốn có.

**+ Phế tích Đồng Dương (Quảng Nam)**

Khu vực được xác định là phế tích kiến trúc nhưng chưa được quan tâm nghiên cứu và khai quật khảo cổ học một cách đầy đủ

**+ Khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam)**

Đây là một quần thể di tích đã được phát hiện, bảo tồn. Vấn đề cần đặt ra cho đề xuất là khu di tích Mỹ Sơn được đặt trong thung lũng nhưng nên được xem xét trong mối quan hệ với kinh đô Trà kiệu (Simhapura), cảng Cửa Đại và Cù Lao Chàm theo bối cảnh mà nó được sinh ra vốn dĩ của người Chăm xưa

*Đối với mỗi loại hình di tích, đều cần có những giải pháp bảo tồn - phát huy giá trị khác nhau dựa trên nền tảng, như đã nêu, là khả năng bảo tồn các thành phần nguyên gốc và chân xác. Đồng thời, trên cơ sở khảo sát hiện trạng 8 nhóm Tháp, nghiên cứu sinh còn cho rằng cần có những giải pháp về quy hoạch mang tính tổng thể đối với nhóm 8 Tháp này. Trong đó:*



+ Trước hết, cần phải khẳng định vai trò của khảo cổ học, đi theo nó là những dự án, kế hoạch nhằm phát lộ được tổng thể hoàn chỉnh các di tích

+ Quan tâm tới tính triết lý và quy luật nhất định trong bố cục dựa trên tinh thần tôn giáo (*vị trí, hướng xây, cao trình, số lượng các công trình, các điều kiện tự nhiên,...*)

+ Các công trình cần được nhìn nhận và đánh giá dưới các góc độ phức hợp khác bao gồm các yếu tố lịch sử, văn hóa, tâm linh và tín ngưỡng... để qua đó xác định được cả không gian văn hóa cần thiết.

+ Ngoài ra cũng cần quan tâm đến bảo tồn cảnh quan, cây xanh quanh khu vực di tích. Cần quan tâm bảo tồn các cây vốn có ở khu di tích, coi đây là một nhân chứng sống trong lịch sử tồn tại của di tích ( chẳng hạn như các cây Sứ cổ, cây Dúi,..), không trồng thêm cây ngoại lai. Khi bảo vệ tháp phải coi khu vực rừng cây còn lại xung quanh tháp, con suối chảy qua rừng giá trị cũng như chính ngôi tháp cổ.

+ Ngoài công việc bảo tồn cũng cần thiết cũng cần thiết có những can thiệp nhất định vào các khu di tích nhằm đảm bảo cho di tích có thể trở thành đối tượng của các hoạt động xã hội của chúng ta hôm nay. Một số công việc đó có thể là: Tôn tạo cảnh quan nhằm cải tạo điều kiện môi trường, điều kiện phục vụ, tham quan, học tập, cải thiện điều kiện vi khí hậu. Trong đó, có thể kết hợp việc xây dựng một số công trình phụ trợ ngoài khu vực ưu tiên 1 theo Luật Di sản văn hóa, trên nguyên tắc đảm bảo không gây xung đột về quy hoạch, thẩm mỹ với di tích, hài hòa cảnh quan,... (*Ví dụ có thể làm nhà trưng bày, khu vệ sinh, giới thiệu di tích thông qua hình ảnh, sa bàn, cũng có thể làm những mô hình phục hồi ở một tỷ lệ phù hợp nhằm phục vụ cho các nghiên cứu và du khách tham quan hiểu được hình ảnh vốn có của di tích...*).

### 3.3.3.2. Giải pháp tu bổ đề xuất

#### + **Giải pháp đề xuất:**

Như chúng ta đã biết, trong công tác trùng tu, đối với các di tích Tháp

Chăm, yêu cầu bắt buộc của việc trùng tu là ngoài việc tu sửa khẩn cấp để bảo tồn kịp thời di tích và giá trị lịch sử của công trình cổ, đó là nhiệm vụ hàng đầu, tiếp đến việc trùng tu còn đòi hỏi kỹ thuật xây theo kiểu cổ truyền của người Chăm xưa. Như vậy, đối với các Tháp Chăm tức là kỹ thuật thế nào đó để kết dính các viên gạch lại với nhau, mà ngoài yêu cầu của độ bền vững ra, không còn để lộ khe hở, cũng như không để lộ cho thấy mạch hồ vữa của chất kết dính (nếu có). Có như thế, ngôi đền tháp sau khi phục chế mới không có sự khác biệt và giữ được nét đặc thù của tháp Chăm, đồng thời giữ được nét thẩm mỹ của màu sắc và hoa văn điêu khắc trên mặt tường ngôi tháp. Phương pháp xây bằng gạch mộc và nung sau có cấu trúc không khác biệt với tháp Chăm cổ lại có độ bền vững cao, do đó theo quan điểm cá nhân nên áp dụng để phục chế những mảng tường lớn hoặc toàn bộ ngôi tháp. Trong đó:

- Đối với những hư hỏng nhỏ trên tường Tháp (hàng chục hoặc vài trăm viên gạch) thì chúng ta có thể dùng gạch đã nung chín để phục chế một ví dụ cần tham khảo về kỹ thuật phục chế gạch Chăm cổ.[23]. Hiện nay ở tỉnh Champasac (Lào), người dân địa phương vẫn nung gạch bằng cách quây lại từng ô ngoài ruộng rồi đổ trấu lên để hầm, khi gạch dỡ ra nếu chỉ bằng mắt thường đem so với những viên gạch đã xây dựng tại khu đền Vat Phu cách nay gần cả ngàn năm không khác nhau là mấy, độ nung các viên gạch này cũng không trên dưới 800°C..)

- Những nghiên cứu trên còn chỉ ra các vật liệu dính kết được người Chăm sử dụng trên một số kiến trúc Đền Tháp (Tháp Hòa Lai, Tháp Poromê - Ninh Thuận) có thể là nhựa cây dầu Rái (*Dipterocarpus Alatus* - Ngày nay, nó vẫn còn thường được sử dụng trong việc trám trét ghe thuyền cho các cư dân miền Trung). [49] hay tìm hiểu trên một số kiến trúc dân sinh và tín ngưỡng khác như Miếu thờ, giếng nước,.. người Chăm xưa còn sử dụng hợp chất *Ô dước*. Hợp chất này hiện được các cư dân địa phương cho biết công thức của nó đó là hỗn hợp của vôi, mật mía đường và các loại lá cây giã nát pha trộn vào. Trong đó có lá cây Chành Rành (*Dodonaea viscosa* (L.) Jacq., thuộc họ Bồ hòn -Sapindaceae)

hoặc nhựa cây Bời Lời (tên khoa học *Litsea glutinosa*) - một loại cây phân bố nhiều ở khu vực trung Trung bộ là loại thực vật có nhựa và có độ kết dính cao được phân bố trên một diện rộng từ miền Trung đến Nam bộ và Tây Nguyên. Theo Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định Thành Thông Chí*, cây Bời Lời lá tròn dài có lông, chất gỗ nhẹ, thớ mịn, có hai loại vàng và trắng. Nhựa và vỏ lá rất dính, trộn với đất tam hoà tức tam hợp dùng vôi, cát, đất nhào lẫn với nhau xây mộ rất tốt. Theo Trung tâm Nghiên cứu khảo cổ học phía Nam, thì các mộ cổ ở Nam Bộ đều được xây bằng Ô Dước. Cát bên trong mộ tháp có chất kết dính được lèn chặt. Qua phân tích, thử nghiệm của Trung tâm Nghiên cứu các hợp chất tự nhiên Viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia, thì hàm lượng nhót có trong thân lá Ô Dước rất cao. Chỉ cần ngâm vỏ, thân, lá cây Ô Dước vào nước trong vòng từ 6 - 12 giờ sẽ thu được dung dịch nhót đặc quánh. Ban đầu, nhót có màu trong, nhưng để lâu phần nhót sẽ lắng và dung dịch nhót có màu đỏ sẫm, rồi ngả sang đen. Thí nghiệm cho thấy, nhót Ô Dước có thể tan vô hạn trong nước tạo ra hồ quánh, hoà tan tốt nhất trong dung dịch có gốc kiềm. ( Xem thêm PL06). Vì vậy, trong quá trình cải tạo các hư hại nhỏ các di tích, chúng ta có thể sử dụng các chất kết dính hữu cơ nguyên gốc là các dạng nhựa cây (*Bời lời, Dầu rái, Xương rồng,..*)(H 2.40 và PL 06) dưới dạng phun. Phun mỗi ngày 2 lần vào những mảng tường đã bị hư hại, nứt hoặc sập rơi vỡ từng phần, nhất là các khoang vòm khắc chạm và những nơi đặt biểu tượng tín ngưỡng, giúp các mảng vỡ đông kết lại với tường với độ bền chắc và cứng hơn nhiều so với những loại vật liệu thường sử dụng, mà mà có thể không cần nhờ đến các thanh sắt để gia cố. Do đó, điều này có thể sẽ giúp giữ được nguyên trạng diện mạo của các di tích văn hoá và lịch sử.[19];[27]. Trong một số trường hợp, ở một số vị trí, chúng ta có thể tăng cường khả năng kết dính, liên kết các mảng tường nhỏ bằng hỗn hợp: Dầu rái + xi măng trắng và bột gạch như trong các thí nghiệm của nghiên cứu sinh. Trong trường hợp dầu rái khan hiếm, chúng ta có thể dùng hỗn hợp: chai phà + xi măng trắng và bột gạch để thay thế mà hiệu quả vẫn không

thay đổi. (Chai phà: Gum -Shorea. Tên khoa học : Shorea Vulgaris Pierre).

- Nếu cần tu bổ một mảng tường lớn, chúng ta có thể dựa trên phương pháp nghiên cứu sinh đã đề xuất, thực hiện xây dựng bằng vật liệu gạch mộc kết dính bằng đất sét rồi nung sau như thử nghiệm riêng của nghiên cứu sinh (tại nhà Ông Lê Quốc Tuấn ở khối 5-Phường Thanh Hà-Hội An-QN).( H 2.41.). Tuy nhiên vẫn phải áp dụng một số giải pháp kỹ thuật hiện đại để liên kết các khối xây cũ và khối xây mới...

- Đối với một số hình thức trang trí, điêu khắc cũng có thể thực hiện theo phương pháp đã đề xuất. Trong đó, các hình thức trang trí có thể được thực hiện trực tiếp trên vật liệu đất sét mộc rồi nung sau như thử nghiệm riêng của nghiên cứu sinh tại nhà Ông Lê Quốc Tuấn ở khối 5-Phường Thanh Hà-Hội An-QN.(H 2.42; H 2.43)

*Như vậy, đối với những di tích có mức độ hư hại lớn hoặc trung bình, hoặc vì yêu cầu cần phải phục dựng, ta có thể tái tạo lại những thành phần đó theo phương pháp người xưa đã được nghiên cứu bằng công nghệ hiện đại. Với những phần hư hại nhỏ, có thể xử dụng nguyên gốc cùng với một số chất kết dính hoặc biện pháp thi công phù hợp như đã trình bày nhằm đảm bảo yếu tố gia cố, chống xuống cấp nhất thời cũng như đảm bảo tính thẩm mỹ và độ bền cần thiết.*

### 3.3.3.3. Phục dựng

#### + Giải pháp đề xuất:

Đối với công tác phục dựng Tháp,,chúng ta có thể dùng các ống kim loại có dạng hình trụ tròn hoặc hình trụ dẹp, có thể tháo ráp và thay đổi độ lớn cũng như độ cao. Mỗi ống có đường kính khoảng 10m và cao 4m, có các cửa đóng và mở ở chung quanh, dùng để bọc quanh tháp và chứa đất giữ tháp. Sau khi xây xong, bới đất đi, lại có thể dùng để chứa than đá tổ ong (briquette) mà nung tháp. Nếu hiện đại hơn ta có thể thiết kế các ống dẫn khí đốt (Butane gas) chạy quanh phía trong mặt mặt ống, có vòi phun để nung tháp như ở trong các lò nung sành sứ hiện nay nhằm có thể rút ngắn thời gian ở công đoạn nung và tránh ô

nhhiễm bởi khí Ôxyt cacbon. (H 3.2)

Trong một số trường hợp, để thực hiện công tác phục dựng, chúng ta có thể sử dụng vật liệu gạch liên kết không mạch vữa. Hình thức này hiện cũng đang áp dụng theo công nghệ tại Thái Lan với vật liệu gạch đã được nung sẵn và được lắp ghép tại hiện trường mà hoàn toàn không sử dụng vật liệu kết dính giữa các viên gạch mà chúng được liên kết bởi lõi bê tông bên trong. Hiện giải pháp này cũng được áp dụng tại một số resort, tường rào,... tại Đà Nẵng, Quảng Nam,.. (H 3.3.).

**Hình 3.2. Mô hình đề xuất dụng cụ để xây và nung Tháp**

*(Nguồn:Tác giả)*

(a)

(b)

(c)

(d)

**Hình 3.3. Mô hình gạch không nung sử dụng tại Đà Nẵng**  
**(a),(b)- Gạch sử dụng làm Tường, Trụ; (c)-Mặt ngoài liên kết;**  
**(d)- Bên trong các liên kết**

#### ***3.3.4. Đề xuất tổ chức quản lý thực hiện***

Trong nhiều năm qua, những mối đe dọa từ yếu tố tự nhiên và cả từ con người khiến các di sản kiến trúc Chăm bị đưa vào Danh mục có nguy cơ bị đe dọa. Việc kém ý thức trong việc nhận thức các giá trị kiến trúc Chăm từ những người dân quanh khu vực của di tích, của du khách, của những kẻ phá hoại rất đáng báo động!. Đó là việc lấy cắp, hủy hoại, leo trèo lên các di tích, xâm lấn các công trình dân sinh, sử dụng các nguồn nước ngầm làm sụt lún di tích, thậm chí là từ việc trùng tu không đúng cách. Như GS.TS. Hoàng Đạo Kính, UV Hội đồng di sản văn hóa quốc gia - Nguyên Giám đốc trung tâm thiết kế và tu bổ di tích, đã từng nói: "Nhiệm vụ trước tiên và cao cả nhất của những người làm công

tác bảo tồn là cứu vãn và giữ gìn, không làm mất mát thêm nữa, không làm sai lệch những di tích hiếm hoi này"... [28], [29], [30], [31]. Trong khi đó, công việc duy trì và phục hồi các di tích kiến trúc Chăm vẫn còn trên chương trình nghị sự, và kỹ thuật để ngăn chặn thiệt hại cho vô số những vật liệu, phù điêu và các đồ trang trí khác tọng trung cho vẻ đẹp tinh tế của các di tích vẫn chưa được xác định và thực thi một cách khả quan. Do đây, nhiều di tích vẫn đang bị xói mòn và đổi màu do ô nhiễm, do những kẻ phá hoại vì nhiều mục đích khác nhau.

Từ những thực trạng như thế, có thể thấy rằng:

+ Trước tiên, cần có sự hiểu biết về lịch sử, văn hoá và các đặc tính dân tộc Chăm. Đây là nền tảng, cơ sở cho công tác nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di tích Champa nói chung và cho các di tích đền tháp Chăm nói riêng, Lắng nghe tiếng nói của đồng bào, ý nguyện của đồng bào Chăm và tôn trọng những giá trị này là một trong những tiêu chuẩn chân xác của công tác tu bổ phát huy giá trị di tích, là tâm hồn dân tộc. Và có như vậy công tác này mới có được sự bền vững lâu dài.

+ Xây dựng dự án là bước khởi đầu quan trọng, cần được giao cho các cơ quan chuyên môn có uy tín làm tư vấn và các chủ dự án có kinh nghiệm thực tế lâu năm. Trong đó, cần có các bước cần thiết sau:

+ Thực hiện tốt công tác điều tra, sưu tầm, căn cứ vào hiện trạng di tích, tư liệu lịch sử, lời kể của nhân chứng, nghiên cứu, chẩn đoán toàn diện và chính xác về điều kiện và nguyên nhân hư hại của di tích để xây dựng bản vẽ tu bổ, phục hồi trung thực các yếu tố nguyên gốc ban đầu làm cơ sở cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Đồng thời qua đó cùng với việc căn cứ vào nguyên tắc bảo tồn và quy chế tu bổ di tích mà đưa ra các phương án tu bổ, tôn tạo thích hợp.

Trên cơ sở thực tế tham gia bảo tồn - tu bổ một số công trình kiến Tháp tại Quảng Nam - Đà Nẵng, nghiên cứu sinh nhận thấy một số các vấn đề còn tồn tại cần lưu tâm và đề xuất trong công tác quản lý như sau:

- *Cần nhìn nhận, đánh giá đúng giá trị công tác bảo tồn các di tích kiến trúc Chăm và sớm có giải pháp phù hợp. Hiện nay, các kiến trúc này thực sự*

được chính quyền, các cấp xem nhẹ. Nhiều phế tích phát lộ rất giá trị như: Phong Lệ, Cẩm Mít, Quá Giáng( Đà Nẵng) sau khi được khai quật thì gần như bỏ phế.( Chỉ cần bạt che tạm. Mưa xuống tràn ngập vào các hố móng, hố thiêng,.. Đơn vị tiếp quản (Bảo Tàng Đà Nẵng) phải dùng tạm bao cát chắn nước; Các phù điêu trang trí lại vương vãi;..). Đặc biệt, các ngành liên quan chưa đánh giá hết tác động của môi trường lên các kiến trúc Tháp như: Gió bào monfvaatj liệu gạch, mưa rửa trôi các lớp gạch mủn, nước ngầm xâm thực-thấm thấu( Đối với những Tháp có chân móng cạn - nông như Khương Mỹ,...)

- Thẩm định công tác bảo tồn - tu bổ của cấp có thẩm quyền cũng có vai trò rất lớn trong việc quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư. Bởi vì nếu thẩm định không chính xác sẽ dẫn đến sai sót trong thi công, gây biến dạng di tích. Thực trạng rất nhiều kiến trúc Tháp sau khi trùng tu gặp phải vấn đề về vật liệu, thẩm mỹ,.. như: Tháp Khương Mỹ, một số Tháp ở Mỹ Sơn (Quảng Nam),..

- Quá trình xây dựng và triển khai một dự án tu bổ di tích thực chất là mặt hoạt động mang tính khoa học và kỹ thuật rất cao. Nhưng trong thực tế các đơn vị chủ đầu tư, cơ quan tư vấn và thi công tu bổ ít khi chú ý tới việc tổng kết, báo cáo khoa học kết quả tu bổ các di tích . Đây là những cơ sở cho các đánh giá, nghiên cứu, đúc kết các kinh nghiệm cần thiết.

- Trong quá trình thi công tu bổ di tích Tháp, nhiều khi chúng ta phải tháo dỡ từng phần, có khi đào sâu bên dưới của di tích kiến trúc Tháp. Đây là thời điểm thuận lợi nhất để tiếp cận và nghiên cứu đặc trưng kiến trúc Tháp. Nhiều phát hiện mới về giá trị kiến trúc, quá trình biến đổi ở di tích và hiện trạng kỹ thuật buộc chúng ta phải thay đổi thiết kế ban đầu, thậm chí còn phải đưa ra các giải pháp tu bổ mới cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường. Tất cả diễn biến trong quá trình thi công tu bổ di tích kiến trúc Tháp cần được ghi chép tỷ mỉ, tổng kết có hệ thống và in ấn thành các tập sách công bố rộng rãi sẽ là dịp tuyên truyền sâu rộng về di tích, đồng thời cung cấp tư liệu khoa học, thực sự bổ ích cho việc tu bổ trong tương lai.

+ Bước quan trọng tiếp theo cần có sự phát triển bền vững các khu dân cư



gần các di tích. Trong đó cần gắn trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di tích; về ý thức, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di tích, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng. Tranh thủ các kênh thông tin, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền ( hệ thống phát thanh cơ sở, công thông tin điện tử của địa phương; chú trọng sử dụng các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, truyền hình, sân khấu hóa, đầu tư xây dựng các phim tài liệu ngắn, các cuốn sách, tập gấp giới thiệu di sản văn hóa Chăm để tuyên truyền, quảng bá trong các lễ hội hoặc bày bán tại các địa điểm di tích, nhà sách,... Điều tra, sưu tầm, tư liệu hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về di tích Chăm. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tổng kiểm kê di sản và lập hồ sơ di tích Chăm; nghiên cứu, biên soạn, phát hành các tài liệu, ấn phẩm về các di tích).

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về lĩnh vực di sản văn hóa. Kiện toàn, nâng cao trách nhiệm bộ máy quản lý tại di tích. Phối kết hợp tốt giữa chủ sở hữu với tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích ( kết hợp với chính sách khen thưởng, xử lý các vi phạm,..)

+ Chú trọng đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Huy động nguồn lực toàn xã hội cho công tác trùng tu, tôn tạo các di tích. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho công tác tu bổ, chống xuống cấp đối với các di tích, cụm di tích xếp hạng; đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, hệ thống dịch vụ cho khai thác giá trị di tích lịch sử văn hóa; triển khai việc cấm mốc chỉ giới, lắp đặt biển chỉ dẫn đối với các di tích, cụm di tích xếp hạng;

+ Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích – di sản; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích - di sản. Khai thác kinh nghiệm, các tập tục cổ truyền tốt đẹp, kiến thức về tổ chức lễ hội, các hình thức tín ngưỡng, các hình thức trình diễn – tái hiện đi kèm,... Thực tiễn trong những năm qua khi tổ chức các lễ kỷ

niệm ở Mỹ Sơn cho thấy hình thức này hoàn toàn có thể áp dụng, có tác dụng tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá khi nó góp phần thu hút sự quan tâm của thế giới, của các tổ chức uy tín đồng thời thu hút lượng lớn khách du lịch và thúc đẩy hơn nữa trách nhiệm và sự tự ý thức của cộng đồng và các tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, loại hình văn hoá thích ứng này cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, cân trọng trong vận dụng bởi có sự tồn tại nhiều hình thức văn hóa trong đó. Bởi sự tồn tại nhiều hình thức văn hoá trong bảo tồn tôn tạo thích nghi các di tích này là do các điều kiện lịch sử cụ thể, không thể áp đặt. Nó mang tính khách quan của lịch sử. Nắm chắc tính quy luật, hiểu rõ các điều kiện cụ thể là điều kiện quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị di tích Chăm một cách tốt nhất và toàn diện nhất. Đồng thời lại phải coi mỗi di tích Chăm nằm trong tổng thể các di tích trong quá trình lịch sử xây dựng và tồn tại của nó, khi đó công tác bảo tồn và phát huy sẽ hiệu quả cao... Còn một số các di tích hư hỏng hoàn toàn có thể coi là di tích khảo cổ, khi đó nhà quản lý di tích địa phương buộc phải tổ chức bảo vệ, bảo tồn. Và nó có giá trị cao trong nghiên cứu khoa học, nghệ thuật, lịch sử đối với cả khách trong nước và khách quốc tế. Điều này cũng cần quan tâm đối với cả một số phế tích tháp Chăm nữa, như phế tích Đồng Dương ( Thăng Bình - Quảng Nam), vv...

Ngoài ra, một chiến lược đồng bộ về giám sát và bảo quản đều đặn cũng là mấu chốt đối với việc bảo vệ các di tích này và các ý nghĩa văn hoá kiến trúc của nó!

### **3.3.5. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu**

#### **3.3.5.1. Về nhận định kỹ thuật xây dựng Tháp**

Các kiến trúc Đền Tháp của người Chăm xưa có thể được xem là đỉnh cao nghệ thuật của kiến trúc Chăm. Chúng có tuổi đời hàng trăm, thậm chí cả hàng ngàn năm. Tuy có những nét ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, Indonesia, Khome,,.. nhưng các kiến trúc này không tiếp thu, sao chép một cách nguyên vẹn mà luôn cải biên sáng tạo trên cơ sở văn hoá bản địa. Chúng được xây dựng bằng những kỹ thuật, phương pháp đặc biệt từ vật liệu đến việc kết hợp với các chi tiết trang trí kiến trúc trên vật liệu. Chúng lưu giữ được những giá trị văn hóa, lịch sử và kỹ thuật cũng như

mỹ thuật cổ rất quan trọng và là sự chứng minh sinh động sắc màu của nền văn hóa bản địa cùng với sự giao lưu, tác động qua lại giữa các nền văn hóa xa xưa... Ở một khía cạnh khác, nó còn mang một ý nghĩa và giá trị to lớn khác bởi sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật (*như kỹ thuật xây dựng liên kết các viên gạch xây, kỹ thuật điêu khắc trên các tường Tháp*) và thẩm mỹ, quy hoạch cũng như các ý nghĩa triết học, nhân sinh... mà biểu hiện vật chất của nó chính là tỷ lệ, đường nét và biểu hiện giá trị phi vật chất là nội dung thờ tự, tâm linh...

Không những phát hiện, đánh giá và lý giải những vấn đề liên quan đến kiến trúc, kỹ thuật xây dựng như: *Văn hóa - Tín ngưỡng; Quy hoạch; Hình thức Kiến Trúc; Các kỹ thuật đặc biệt như: Kỹ thuật xây dựng không mạch vữa, kỹ thuật xây vòm cuốn, hó móng, kỹ thuật giạt góc, liên kết mộng; Khả năng sử dụng vật liệu – chất kết dính, ...* thì với nhiều giả thuyết, nhận định khác nhau về kỹ thuật xây dựng Tháp, nghiên cứu sinh bằng các cơ sở khoa học riêng đã đưa ra những nhận định riêng, trong đó làm rõ hơn nhận định đã được đề cập của Maspero (1928) trong *Histoire du royaume Champa, Librairie National d'Art et d'Histoire, Paris* và của Jeanne Leuba (1902) trong *Một vương quốc đã bị diệt vong - Người Chăm và nghệ thuật Chăm*. Những nhận định này cũng dựa trên các truyền thuyết của cư dân bản địa. Đó là cho rằng tháp Chăm được xây bằng gạch mộc (tức gạch chưa nung) rồi sau đó mới nung sau. Tuy nhiên, nhận định này không lý giải được làm thế nào để xây nên một ngôi tháp bằng gạch mộc cao trên dưới 20 mét mà không bị đổ và cách nào để nung chín một ngôi tháp đồ sộ như vậy. Những nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã góp phần làm rõ các vấn đề nêu trên. Qua đó, giải quyết cơ bản được 4 vấn đề đặt ra trong quá trình xây Tháp. Đó là:

1. Mang tính khả thi tức là có thể làm được.
2. Đạt yêu cầu bền vững về kết cấu ở các tháp Chăm cổ.
3. Không để lộ khe hở, cũng như không để lộ cho thấy mạch hồ vữa của chất kết dính (nếu có).
4. Giải đáp được tất cả các câu hỏi có liên quan tới phương pháp xây trên

các đền tháp Chăm xưa. (Như điêu khắc, kiến trúc, các thành phần hóa - lý trên vật liệu...)

### 3.3.5.2. Về các giải pháp tu bổ - trùng tu

#### - Các giải pháp trùng tu hiện nay và những hạn chế

Đền tháp Chăm là một loại hình di tích độc đáo. Đã từ lâu, giá trị các nhóm di tích kiến trúc này luôn được công nhận và các cuộc trùng tu đối với nó luôn thu hút sự quan tâm của nhiều người. Nhưng không phải ai cũng hiểu hết được tính phức tạp và khó khăn của công tác này. Sau hàng trăm năm tồn tại, các di tích Đền Tháp Champa trong tình trạng kỹ thuật rất kém. Phần lớn các di tích đền tháp Chăm hiện là phế tích nên việc trùng tu rất phức tạp. Đồng thời công tác trùng tu nó cũng có những nét đặc biệt khác với trùng tu các di tích sống khác. Ngoài nhiệm vụ thu hút du khách, những yêu cầu cơ bản đặt ra đối với trùng tu các di tích Chăm là cứu vãn kịp thời, đảm bảo cho di tích tồn tại lâu dài trong phạm vi có thể, đồng thời giữ lại tối đa các đặc điểm, các nhân tố gốc, không gây ra những mất mát, những sai lệch, những hậu quả không thể khắc phục sau này. Trong đó, những trở ngại cần quan tâm nhất là việc phục hồi các phần đã mất của Đền tháp Chăm khi không còn hoặc có ít tư liệu nên được tiến hành như thế nào để vừa đáp ứng nguyện vọng tôn tạo di tích vừa không tổn hại đến tính xác thực và công tác xử dụng các nguyên vật liệu mới hay việc phục chế và xử dụng các nguyên vật liệu truyền thống trong quá trình trùng tu phải làm sao đảm bảo cơ sở khoa học trong điều kiện các phương tiện kỹ thuật và kỹ năng chuyên môn hạn chế, hiểu biết về di tích chưa đầy đủ. Hiện nay, giải pháp trùng tu các tháp chủ yếu là xử lý bề mặt, gia cố và phục hồi. Bao gồm:

+ Xử lý vệ sinh cây cỏ, rêu mốc trên bề mặt Tháp

Giải pháp được cho là khá hiệu quả đó là việc áp dụng công nghệ Nano. Nano là công nghệ còn mới mẻ ở Việt Nam, mới đưa vào ứng dụng mang tính thử nghiệm tại một vài di tích Tháp. Theo đó, gạch tháp được làm sạch bề mặt và quét lên đó một loại chất lỏng gồm hợp chất của một loại vật chất không màu,

trong suốt, là loại vật chất có cấu trúc hạt cực nhỏ và dung môi. Chất lỏng ngấm vào bên trong viên gạch, các hạt nano sẽ lấp đầy các lỗ hổng li ti trên bề mặt viên gạch, tạo thành một lớp bảo vệ bề mặt. Sau khi dung môi bay hơi hết, bề mặt viên gạch đã xử lý trông giống như những viên gạch bình thường. Giải pháp này được đánh giá là có hiệu quả. Tuy nhiên, trước mắt nên áp dụng thử nghiệm ở một số tháp và ở một vài vị trí trước khi áp dụng chung.

+ Gia cố phần nền móng

+ Gia cố và phục hồi các khối xây trên Tháp.

Trong đó, các giải pháp hiện nay thường sử dụng các vật liệu hiện đại, cấu tạo hiện đại được đặt ngầm trong cấu trúc của các Tháp. Chúng được tạo ra để cứu chữa các Tháp khỏi sụp đổ. Các giải pháp này trước đây được thực hiện ở các Đền Tháp ở Mỹ Sơn, Chiên Đàn (Quảng Nam) và tham khảo xa hơn, có thể nhận thấy các phương pháp này còn áp dụng cho các nhóm tháp Đồi (Quy Nhơn - Bình Định), nhóm tháp Dương Long (Bình Định), nhóm Pô Kloong Garai (Ninh Thuận),... [23],[41],[42],[50]

Đối với công tác phục hồi lại các khối xây, hiện nay chúng ta còn chưa biết chính xác quy trình kỹ thuật xây dựng Đền Tháp Chăm. Người dân Chăm không bảo lưu được kỹ thuật xây dựng Tháp. Dựa vào giả thuyết riêng, các chuyên gia cũng đã áp dụng một số biện pháp trùng tu để phục hồi các khối xây. Chẳng hạn như kỹ thuật gia cố, phục hồi các khối xây bằng cách sử dụng gạch Chăm phục chế và xây theo thủ pháp xây mài khá phổ biến hiện nay của một số Tháp. Trong đó, các viên gạch phục chế được khoét lòng máng để đổ hỗn hợp vữa xi măng trộn bột gạch, hoặc kỹ thuật dùng một số chất kết dính như nhựa cây bời lồi, dầu rái,...

Để có thể dễ dàng phân biệt các thành phần nguyên gốc với thành phần mới trùng tu, các giải pháp được đặc ra về mặt hình thức là đảm bảo các khối phục hồi có thể được thực hiện bằng cách xây tọt vào so với các khối xây trước đây hoặc bổ sung các thành phần mới cùng chất liệu, đúng hình khối nhưng không có hoa văn chạm khắc (chẳng hạn như ở một số tháp trong nhóm tháp ở Mỹ Sơn),...

Tuy nhiên những phương pháp này vẫn tồn tại những hạn chế nhất định,

cả ở phương pháp tiến hành và trên cả giải pháp về vật liệu. Trong đó:

**+ Với phương pháp trùng tu:**

Phương pháp được sử dụng rộng rãi hiện nay là phương pháp "mài gạch". Với phương pháp này, ở nhiều nơi theo báo cáo của những người thi công, mỗi ngày mỗi người chỉ mài được khoảng 3-4 viên gạch. Như vậy với phương pháp này vẫn còn nhiều hạn chế cho kỹ thuật trùng tu. Đồng thời, những viên gạch phục chế dùng tu bổ đền tháp Chăm sau một thời gian đã bị mốc, rêu (mất lớp bề mặt do phương pháp mài nhẵn và do các thành phần hữu cơ trong gạch, chất kết dính) và có nhiều vết trắng đục trào ra từ các kẽ mạch (có thể do ximăng đã bị vôi hóa) (H 3.4), trong khi đó những viên gạch gốc ở đền tháp Chăm vẫn không hề bị rêu mà chỉ bị mài mòn do mưa gió. Như vậy, nếu chúng ta dùng phương pháp mài gạch như vậy (như đã áp dụng ở bức tường phía Nam của tháp nam Chiên Đàn- Quảng Nam) hoặc phương pháp phục hồi như ở tháp Khương Mỹ (Quảng Nam) hay một số tháp trong nhóm tháp ở Mỹ Sơn đang tiến hành (Quảng Nam), thì hiệu quả về thẩm mỹ cũng như kỹ thuật xây dựng sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới giá trị nguyên gốc của các ngôi tháp.

**+ Với cách thức sử dụng vật liệu kết dính:**

Có thể khẳng định lại rằng, cho đến ngày hôm nay, chúng ta chưa có một kết luận rõ ràng về thành phần chất kết dính giữa các viên gạch. "...Nếu nhìn mặt ngoài của bức tường đền tháp, chúng ta có cảm nhận là tường xây không cần vữa, nhưng gạch bị tách ra cho chúng ta thấy là có một lớp vữa mỏng. Các nhà phân tích châu Âu kết luận rằng thành phần của lớp vữa này là thành phần vô cơ không tạo kết dính" (Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, 238).

Đối với việc sử dụng chất kết dính ximăng, việc sử dụng ximăng có thể cho rằng sẽ mang rất nhiều hạn chế và dù muốn hay không, cũng cần sớm loại bỏ những liên kết bằng vữa xi măng đã có trong khối xây tu bổ đền tháp Chăm. Bởi vì, việc sử dụng xi măng để tu bổ các công trình gạch cổ đã được ông Pierre Pichard (trung tâm EFEO tại Băng Kốc- Thái Lan) cảnh báo trong cuộc Hội thảo

về kiến trúc truyền thống Đông Nam Á (Băng Kốc, Thái Lan, 24-30/72000). Pierre Pichard cho biết: "phải đặc biệt tránh sử dụng xi măng trong việc tu bổ các kiến trúc gạch cổ vì ba lý do:

1/ Cường độ của xi măng và gạch khác nhau

2/ Trong xi măng có thành phần muối sẽ phá huỷ gạch cổ sau vài năm sử dụng

3/ Xi măng ngăn không cho nước trong gạch bốc hơi. Kết quả nghiên cứu khảo sát Mỹ Sơn năm 2000 của các chuyên gia Italia cũng cho thấy hậu quả của việc dùng vữa xi măng. Theo họ, các muối hoà tan và các muối có xu hướng tinh thể hoá tại bề mặt bức tường sẽ làm tăng hàm lượng ẩm, gây mủn nát và bong rộp gạch.

Ngoài ra các kết quả nghiên cứu cho thấy Gạch có chứa các Oxit Silic, Oxit Nhôm hoạt tính ( $\text{SiO}_2$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ) có thể phân bố đồng đều trong các viên gạch (Thử nghiệm qua độ hút vôi). Do đó, đây là vật liệu có tính axit, nhạy cảm với môi trường bazơ. Nếu chúng ta đưa chất kết dính có tính bazơ như xi măng Portland vào để gắn kết các viên gạch mới vào khối xây nguyên gốc của Tháp thì tại biên giới giữa hai viên gạch cũ và mới sẽ xảy ra phản ứng puzolanic:



Làm giảm pha Polandit tại biên giới giữa hai viên gạch. Điều đó có thể tăng độ bền liên kết giữa hai viên gạch nhưng làm mất trạng thái cân bằng về lực liên kết trong toàn bộ khối Tháp tại vùng đó. Và điều này có thể góp phần làm giảm tuổi thọ của Tháp.[44]

+ **Về mặt thẩm mỹ:**

Việc trùng tu bằng những phương pháp đó ở một số cụm Tháp tại Mỹ Sơn (Quảng Nam) hay như một góc nhỏ của tháp phía Nam Khương Mỹ (tỉnh Quảng Nam) và tham khảo xa hơn cho việc trùng tu các Tháp ở khu vực miền Trung cũng thấy - như cụm tháp Bánh Ít ở huyện Tuy Phước, tháp Đồi ở TP Quy Nhơn, tháp Pô Nagar (tỉnh Khánh Hòa), tháp Dương Long, Cánh Tiên (tỉnh Bình Định) ,... khi được cho là "đã hoàn tất trùng tu" thì lại trông ngoài vỏ mới như vừa xây xong. (Các kỹ thuật viên trùng tu sử dụng các máy mài

*gạch, máy mài cầm tay mài các viên gạch thẳng tắp để tạo độ phẳng*) Toàn bộ thân tháp từ đỉnh đến chân đều được gắn gạch vuông đều tắp tắp. Cách trùng tu này đã làm cho ngôi tháp bị khô cứng, sự uốn lượn duyên dáng của các tường góc bị khối xây mới trở cứng. Nhưng điều đáng lưu ý nhất thể hiện trong thân và lòng tháp. Đơn vị trùng tu sau khi gắn gạch xong đã dùng xi măng tô láng. Điều này gây phản cảm về mặt thẩm mỹ khi nó lại trông giống kiểu tô tường của công nghệ xây dựng nhà dân dụng hiện nay. (H 3.4, H 3.5, H 3.6, H 3.7, H 3.8). Ngoài ra, trên thực tế, do không chú ý đến tính thẩm mỹ nên nhiều điểm trùng tu như ở Mỹ Sơn bị “méo mó” hóa. Chẳng hạn các mạch hồ ciment giữa các viên gạch được gia cố quá dày, việc lát gạch hoa trong 2 mandapa D1 và D2 (thay vì lát gạch cũ của người Chăm), khiến nước mưa không ngấm xuống đất được nên làm gia tăng độ ẩm trong nhà, tháp gạch dễ bị rêu phong, việc trát granito màu trắng lên tường của mandapa D1 (dù đó là phần tường được làm mới), đã gây nên cảm giác phản cảm về mặt thẩm mỹ. Và một vấn đề cũng cần quan tâm nữa trong tính thẩm mỹ là việc các khối xây gia cố có tính chất phục hồi đều được xây thụt vào so với bề mặt nguyên trạng để dễ phân biệt nhưng điều này đôi khi cũng ảnh hưởng thẩm mỹ (làm phá vỡ tỷ lệ kỹ mỹ thuật) trong tính tổng thể của công trình.

+ Ngoài ra, hiện nay, việc không có quy định riêng đặc thù cũng như sự thống nhất về quan điểm cho công tác trùng tu tại các tháp là một trở ngại lớn và điều này rõ ràng làm công tác trùng tu sẽ không được thực hiện đầy đủ. Đa phần chúng ta đều áp dụng chung một phương pháp đại trà cho tất cả các Tháp. Trong vấn đề này, công tác khảo cứu mang tính tổng thể (*cả phần nổi và phần không thấy được*), cũng như việc nghiên cứu, đánh giá các di tích phải được đặt trong nhiều mối liên quan của một lịch sử tồn tại của cả một quần thể có thể nói là một công tác đầu tiên và là công tác quan trọng để làm cơ sở khoa học trong việc xác định các vấn đề liên quan, đặc biệt là việc xác định kỹ thuật xây dựng truyền thống trước đây. Để qua đó chúng ta xác định được nguyên nhân hư hại một cách tốt hơn và đưa ra một phương pháp trùng tu hoàn chỉnh hơn đối với từng di tích cụ thể.



Như vậy có thể nói một phương pháp trùng tu chuẩn mực hiện nay đang hết sức cần thiết. Thế nhưng điều đó không có nghĩa bảo tồn theo cách vừa làm vừa mò mẫm tìm hiểu. Trong hoàn cảnh chúng ta chưa rõ về phương pháp và vật liệu của người Chăm xưa, thì việc can thiệp không chuẩn xác và đúng phương pháp sẽ làm tháp hư hại nhiều hơn và không có khả năng phục hồi khi có điều kiện. Nhất là những vết tích, những thành phần và từng mảnh vụn của các di tích ngày càng mất mát và sai lệch thêm.

### **- Đánh giá về các giải pháp đề xuất trùng tu - tu bổ cho các Tháp**

Trên cơ sở đưa ra và đánh giá về các giải pháp tu bổ - trùng tu đã được áp dụng hiện nay cùng với việc đề xuất những giải pháp tu bổ - trùng tu riêng theo hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh (Mục 3.3), có thể đánh giá một số ưu điểm khác biệt từ giải pháp đề xuất mang lại như sau:

+ Giải pháp đề xuất tránh sử dụng vật liệu kết dính là xi măng so với một số giải pháp khác (*bởi cường độ của xi măng và gạch khác nhau, đồng thời trong xi măng có thành phần muối sẽ phá huỷ gạch cổ sau vài năm sử dụng. Ngoài ra xi măng còn ngăn không cho nước trong gạch bốc hơi, dễ bị vôi hóa và dễ làm mất trạng thái cân bằng về lực liên kết trong toàn bộ khối Tháp tại vùng đó - và điều này có thể góp phần làm giảm tuổi thọ của Tháp...*)

+ So với giải pháp “mài chập” hiện nay, các giải pháp bằng các vật liệu kết dính – đặc biệt là giải pháp phun dạng sương chất kết dính - giúp thời gian thi công nhanh hơn, có thể sẽ chóng xuống cấp nhất thời, đảm bảo độ bền cần thiết và giúp giữ được nguyên trạng diện mạo của các di tích văn hoá và lịch sử,...

+ Với phương pháp phục dựng Tháp như đã nêu sẽ tạo ra các Tháp có cấu trúc không khác biệt với tháp Chăm cổ và có tính thẩm mỹ cao (kết dính các viên gạch với nhau không để lộ khe hở, mạch vữa lại có độ bền vững cao,..)

+ Vật liệu sử dụng cho các phương án này thường sẵn có ở các địa phương có di tích, giải pháp dễ thi công,...

+ Tính linh hoạt ở các giải pháp này cao khi nó có thể áp dụng ở nhiều vị

trí công trình cũng như để kết hợp với các giải pháp tu sửa, phục dựng liên quan ( kiến trúc, điêu khắc,..)

+ Trong một số trường hợp, nó có thể hỗ trợ áp dụng cho các phương pháp xây dựng hiện nay ( xây dựng các đài - tháp tưởng niệm, các phù điêu trang trí lớn, thay thế cho một số kỹ thuật xây thông thường bằng vôi vữa,...).(xem thêm PL 08).



(a)

(b)

**Hình 3.4. (a), (b)-Một số vị trí trùng tu tại Mỹ Sơn**

*(Nguồn: Tác giả)*



(a)



(b)

**Hình 3.5. Tháp Khương Mỹ - Quảng Nam: (a) - Việc tu bảo nâng cấp bằng bê tông cốt thép được các công nhân đào sát cạnh bên móng của di tích tháp Chăm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tháp. - (b) Gạch trùng tu mủn rất nhanh**



**Hình 3.6. Hình ảnh trùng tu đền tháp tại Mỹ Sơn năm 2008 bằng phương pháp mài chập. (Nguồn: Trung tâm bảo tồn di tích Quảng Nam)**

**Hình 3.7. Một số vị trí trùng tu tại Tháp Bằng An. (Nguồn: Tác giả)**



**Hình 3.8. Vết vữa phục chế khá lộ liễu tại Tháp Poklong Giarai-Ninh Thuận. (Nguồn: Tác giả)**

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với nhiều nền văn hoá đặc sắc trên dải đất Việt Nam, văn hóa Champa là một nền văn hóa mà với nó – như một tấm gương phản ánh các giá trị về vũ trụ quan, kiến trúc, nghệ thuật, điêu khắc... đầy sức hấp dẫn và mang nhiều giá trị cần tiếp tục làm rõ. Và với tư cách là một cộng đồng trong đại gia đình các dân tộc ở Việt Nam, Đại Việt và Champa có những mối quan hệ đặc biệt không chỉ ở những sự kiện lịch sử đầy biến động mà còn có một quá trình giao lưu, đan xen văn hóa từ lâu đời. Việc tồn tại khoảng 40 ngôi đền và tháp Chăm trên khắp nước ta thì đây có thể được xem như một nguồn tư liệu rất lớn chứa đựng các thông tin về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật... về một vương quốc đã từng hưng thịnh trong lịch sử và còn có thể cung cấp nhiều giá trị cho lịch sử, nghệ thuật và kỹ thuật hiện đại. Trong đó, không thể không kể đến các giá trị to lớn về nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng - kiến trúc trên các Đền Tháp. Tuy nhiên, các di tích, công trình quý báu đó đã xuống cấp theo thời gian bởi sự tác động của tự nhiên và con người. Việc xuống cấp các di tích kiến trúc giá trị này bởi rất nhiều nguyên nhân nhưng trong đó chủ yếu bắt nguồn từ việc chúng ta chưa xác định được phương pháp nguyên gốc về kỹ thuật xây dựng cũng như những đặc điểm riêng biệt kiến trúc của từng công trình, nhất là khi những công trình này cần được đặt trong môi liên hệ với các vấn đề về văn hóa – tín ngưỡng để phục vụ công tác trùng tu – bảo tồn.

Nhận định về kỹ thuật xây dựng đặc biệt này trên hiện trạng các Tháp còn lại, những nghiên cứu trong Luận Án đã cho thấy: Ngoài trường hợp ở tháp Pô Rômê (TKXVI -Ninh Thuận) có lớp hồ giữa hai viên gạch là chất hữu cơ có thể đốt cháy được và cho rằng, hợp chất hữu cơ này là hợp chất được chiết xuất từ cây dầu rái và một trường hợp đặc biệt khác nữa - theo kết quả nhóm nghiên cứu của TS Nguyễn Minh Khang - đó là đối với Tháp Hòa Lai (Tk IX – Phan Rang, Ninh Thuận) đã có 2 loại chất liên kết khác nhau trong quá trình xây dựng Tháp

thì đa số các tháp ở vùng Quảng Nam đến Bình Định (các tháp có niên đại sớm-TkVI-Tk13) có kỹ thuật xây dựng và kết cấu của từng viên gạch chồng lên nhau thường không phát hiện mạch vữa hoặc mạch vữa rất mỏng và chỉ nằm rải rác ở các viên gạch, thường là đồng chất với chất gạch xây tháp. Và việc nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc lựa chọn kỹ thuật xây dựng không mạch vữa này còn do yêu cầu của kỹ thuật trang trí chứ phải không chỉ do yêu cầu của kỹ thuật xây dựng. Bằng cách này, ngoài những kiểu thức kiến trúc đa dạng, những kiểu cách hoa văn trang trí độc đáo, thể hiện tài hoa của những bậc thầy về nghệ thuật xây gạch, các tháp Chăm còn có được một giá trị nghệ thuật độc đáo: Đó là sự ý thức và tôn trọng về chất liệu... Đồng thời, cùng với việc phân tích các giá trị trong nghệ thuật kiến trúc như: Giải pháp quy hoạch( các vị trí thường trên đồi cao,..), các giải pháp kiến trúc( Tường tháp dày, xây vòm dật cấp,..), các kỹ thuật đặc biệt,.. có thể giải thích được sự ổn định trong kết cấu chung, khả năng bền vững của Tháp khi trải qua những tác động rất lớn từ môi trường và thời gian,....

Kỹ thuật xây dựng Tháp - đặc biệt là kỹ thuật xây dựng không mạch vữa này - thực chất là sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ của công nghệ xây dựng và kiến trúc, điều khác được biểu hiện qua tỷ lệ kiến trúc, sự thẩm mỹ, tính bền vững, nội dung thờ tự, tâm linh và cao hơn nữa còn là ý nghĩa triết học của các Đền Tháp này. Các kiến trúc Tháp xây bằng phương pháp này luôn hướng về sự cân xứng, đẹp mắt, vừa độc đáo vừa có cá tính. Toàn cảnh các kiến trúc đều toát lên vẻ đẹp thanh thoát, tĩnh lặng như thách thức các tác động của môi trường và thời gian. Ở đây ta còn thấy dường như nghệ thuật Kiến trúc – Điêu khắc và Kỹ thuật xây dựng, sử dụng vật liệu dường như hòa quyện cùng nhau. Đó là giá trị rực rỡ, là nét bản sắc riêng biệt, thể hiện sự sáng tạo, tài ba độc đáo của những nhà kiến trúc, điêu khắc Chăm thời xa xưa...Và với những phân tích, khảo sát trên hiện trạng các Tháp về hình thức kiến trúc, điêu khắc, vật liệu (độ nung, kích thước, các thành phần hóa-lý, các dấu vết trên bề mặt,...), các vấn đề về văn hóa, lịch sử... có thể gọi chúng ta nhận thấy khả năng về một phương pháp xây dựng

Tháp xưa nào đó của người Chăm mà với nó có thể giải đáp các câu hỏi có liên quan tới các hiện tượng về điêu khắc, vật lý và hóa học.. còn tồn tại trên tháp, đồng thời có thể tạo nên ngôi Tháp bền vững, đạt yêu cầu mỹ thuật trong sự đồng nhất, hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và kỹ thuật xây dựng...Tuy nhiên, vấn đề này chắc chắn cũng cần có sự đóng góp rất nhiều của các nhà khoa học để dần đi đến kết quả cuối cùng.

Những cố gắng nghiên cứu của nghiên cứu sinh còn phản ánh cái nhìn thực trạng các di tích Tháp ở khu vực Quảng Nam và công tác bảo tồn - trùng tu hiện nay, đồng thời đánh giá chân thực được các giá trị vốn có của các kiến trúc Đền Tháp về mặt kiến trúc, kỹ thuật xây dựng,... trong sự tương quan với các mặt văn hóa - xã hội, địa lý - chính trị, các yếu tố bản địa,... để qua đó, góp thêm và đưa ra những tư liệu, những luận điểm khoa học có tính hữu ích trong việc hoàn thiện tư liệu nghiên cứu về kiến trúc Chăm, văn hóa Chăm (Chăm - Việt),... Đồng thời đây cũng là cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu sinh đề xuất bảo tồn chân xác các giá trị di tích trong điều kiện hiện nay, khi mà các kiến trúc này ngày càng xuống cấp nghiêm trọng và công tác bảo tồn vẫn chưa tìm được hướng ra khã dĩ...

Không những thế, ở một góc độ khác, những nghiên cứu, phát hiện này có thể mang đến những giá trị riêng cho khả năng ứng dụng vào trong nghệ thuật kiến trúc – xây dựng đương đại khi nó có thể mở ra một hướng mới trong nghiên cứu để tìm ra một phương pháp xây mới phục vụ cho ngành xây dựng, có nhiều ưu điểm hơn, mà với nó có thể thay thế cho lối xây thông thường hiện nay về mặt vật liệu, khả năng kết hợp giữa kiến trúc và điêu khắc, cũng như lý giải một số ẩn số xung quanh các vấn đề như kỹ thuật, triết học, tâm linh...trong văn hóa Chăm.

#### **+ Kiến nghị**

Để góp phần gìn giữ, tôn tạo, nghiên cứu và phát huy các giá trị của khu di tích các Tháp Chăm, việc tìm hiểu kỹ thuật xây dựng các tháp Chăm cổ là một việc làm cần thiết không những cho hiện tại mà cũng cho cả tương lai. Do vậy,



kiến nghị các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và các ngành liên quan:

1. Tiếp tục khảo sát, nghiên cứu, phân tích trên hiện trạng còn lại của các Tháp để có những nhận định, đánh giá chân xác hơn nữa những giá trị vốn có của các Tháp - đặc biệt cùng với các nghiên cứu khảo cổ tìm hiểu không chỉ ở những phần trên mặt đất mà còn ở những phần chìm bên dưới. Bởi vì, thông tin về mặt bằng tổng thể, cấu trúc mô hình và ý nghĩa văn hóa của nhiều nhóm kiến trúc Chăm pa khác còn nằm trong lòng đất, chưa được phát lộ( như di tích Phong Lệ, Cẩm Mít, Quá Giáng,..). Trong xu thế đô thị hóa và ngay cả xu thế phát triển nông thôn mới hiện nay, nhiều công trình kiến trúc mới, nhiều con đường mới,... sẽ xuất hiện, có nguy cơ làm ảnh hưởng xấu đến không gian cảnh quan và tính toàn vẹn của di tích. Do đó, những loại hình kiến trúc này cần được hoạch định một khu vực khoanh vùng bảo vệ và an toàn hơn.

2. Cần nhìn nhận và đánh giá đúng các giá trị vốn có của các kiến trúc Tháp và đặt các kiến trúc này trong một không gian rộng hơn. Đó là các kiến trúc này nên được đặt dưới cái nhìn văn hóa, xã hội, giữa những yếu tố văn hóa nội sinh và văn hóa ngoại sinh, những truyền thống bản địa và truyền thống ảnh hưởng từ các tôn giáo mà người Chăm tiếp nhận trong suốt chiều dài lịch sử...

3. Cần thận trọng trong công tác bảo tồn - trùng tu các di tích Tháp Chăm hiện nay - nhất là khi chúng ta chưa biết chính xác phương pháp xây dựng của người Chăm xưa một cách chân xác.

4. Nếu với việc xác định đúng phương pháp, kỹ thuật xây dựng như nghiên cứu sinh đề xuất thì cần được các ngành liên quan nghiên cứu và áp dụng rộng hơn để qua đó mở ra một phương pháp xây mới phục vụ cho ngành xây dựng, có nhiều ưu điểm hơn, thay thế cho lõi xây bằng vữa xi măng + cát hoặc vôi + cát như hiện nay. Đồng thời điều đó sẽ là cơ sở tham khảo cho công tác trùng tu - phục dựng cũng như các ứng dụng khác trong đời sống xã hội và là một dữ liệu trong quá trình nghiên cứu các tháp Chăm về lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc, kỹ thuật xây dựng suốt hơn một thế kỷ qua.

5. Trong Luật Di Sản năm 2001 có đề 3 khu vực bảo vệ. Luật di sản sửa đổi năm 2009 chỉ nêu 2 khu vực bảo vệ. Đề nghị vẫn đề 3 khu vực bảo vệ. Như vậy, việc gìn giữ cảnh quan, môi trường sẽ hiệu quả hơn. (Trong thực tế, khu vực bảo vệ 3 có thể không có nhưng đó là những trường hợp đặc biệt). Bởi cũng liên quan đến vấn đề này, một trong những khó khăn hiện nay là việc khoanh vùng, cắm mốc bảo vệ di tích. Từ khi Luật Di sản văn hóa được ban hành và đi vào cuộc sống, các di tích được khoanh vùng bảo vệ, nhưng hầu như chỉ có vùng bảo vệ I. Từ năm 2010, các địa phương nói chung và các khu vực di tích Tháp Chấm tại QN-ĐN đã tiến hành hướng dẫn điều chỉnh phạm vi khoanh vùng khu vực bảo vệ I cho các di tích được xếp hạng trước đây nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tuy nhiên, việc cắm mốc giới còn chậm, số lượng di tích được cắm mốc chưa nhiều. Tình trạng vi phạm mốc giới bảo vệ di tích tập trung ở các quận nội thành, nơi tập trung đông dân cư. Nguyên nhân vi phạm khá đa dạng như do lịch sử để lại, con cháu người trông nom di tích vào ở nhờ hoặc người dân tự ý vào ở, kinh doanh trong di tích ( như trường hợp Tháp Bàn An,..)... Bên cạnh đó còn có thực trạng là nhiều hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực bảo vệ I và II của di tích trước khi Luật Di sản văn hóa ban hành hoặc trước khi di tích được xếp hạng...Ngoài ra, với đặc thù ở một số vùng đô thị đông dân cư, đề xuất nên có quy định riêng đối với di tích trong khu vực đô thị và nông thôn, trong đó yêu cầu bắt buộc có khu vực bảo vệ III đối với các di tích quốc gia đặc biệt.

6. Đối với các phế tích tháp Chấm phát hiện gần đây như: phế tích Cẩm Mít, phế tích Quá Giáng, phế tích Phong Lệ,... kiến nghị nhà nước có chương trình và kế hoạch nghiên cứu khảo cổ bổ sung và có kinh phí thích đáng cho việc bảo tồn bền vững các khu phế tích này.

7. Kiến nghị chính quyền địa phương cần sớm có chính sách tái định cư khu dân cư trên địa bàn có khu di tích Tháp Chấm, phục hồi môi trường, văn hóa sống như lịch sử đã vốn có...



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC  
CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

- [1]. Hồ Thế Vinh (2006), *Kiến trúc hiện đại tại Đà Nẵng - Thực Trạng và xu thế*, Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam.
- [2]. Hồ Thế Vinh (2008), *Tổ chức và quản lý màu sắc trong các đô thị*, Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam, số 6.
- [3]. Hồ Thế Vinh (2008), *Tìm hiểu kỹ thuật xây dựng các Tháp cổ Champa*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 10.
- [4]. Hồ Thế Vinh (2009), *Tổ chức và quản lý màu sắc trong các đô thị*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 2.
- [5]. Hồ Thế Vinh (2009), *Nhà Rường Quảng Nam*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 6.
- [6]. Hồ Thế Vinh (2010), *Hoa Văn trang trí trong Kiến Trúc Chăm*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 9.
- [7]. Hồ Thế Vinh (2009), *Đi tìm bản sắc kiến trúc vùng miền*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 11.
- [8]. Hồ Thế Vinh (2011), *Tháp cổ Champa từ kỹ thuật truyền thống đến giải pháp trùng tu*, Tạp chí kiến trúc Việt Nam, số 3.
- [9]. Hồ Thế Vinh (2011), Tham luận “*Đi tìm ý nghĩa Đình làng trong sự gắn kết với các hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian tại các làng cổ ven Đà Nẵng*”, Diễn đàn Kiến trúc Châu Á.
- [10]. Hồ Thế Vinh (2014), *Khảo sát – đánh giá quỹ kiến trúc truyền thống tại các Làng cổ ven đô*, Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam.
- [11]. Hồ Thế Vinh (2018), *Từ phương pháp đặc biệt xây dựng Tháp của người Chăm xứ đến những giải pháp thay thế cho một số phương pháp xây dựng và sử dụng vật liệu hiện nay*, Báo cáo Hội thảo Khoa học Công nghệ toàn quốc Cát nghiên thay thế cát tự nhiên - Vật liệu thân thiện môi trường, Quảng Ninh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Thuận Hóa.
- [2]. Phan Quốc Anh (1999), *Vài suy nghĩ về việc nghiên cứu văn hóa Chăm Ninh Thuận*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
- [3]. Phan Quốc Anh (2004), *Văn hóa người Chăm Ninh Thuận trong việc nghiên cứu văn, hóa miền Trung*, Tạp chí Viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, số 2.
- [4]. Phan Quốc Anh, (2001), *Đôi nét ảnh hưởng của tôn giáo Ấn Độ đối với văn hóa Chăm Bàlamôn Ninh Thuận*, In trong: Tạp chí văn hóa nghệ thuật, số 9.
- [5]. Đặng Văn Bài, (2006), *Tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành*, Tạp chí Di sản văn hóa số 2
- [6]. Bộ VH-TT.Trung tâm thiết kế và tu bổ di tích (2000), *Kỹ yếu Hội thảo kỹ thuật lần thứ nhất Trùng tu các di tích đền tháp Chămpa*, Nha Trang.
- [7]. Huỳnh Công Bá (2004), *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
- [8]. Võ Như Diệu (2010), *Luận Văn Thạc Sĩ Mỹ Thuật*.
- [9]. Dohamide, Dorohiem (1965), *Dân tộc Chăm lược sử*, Nhà in Lê Văn Phước 72, Phát – Diệm Saigon.
- [10]. D.G.E.Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11]. Ngô Văn Doanh (1995), *Tháp cổ Chămpa, huyền thoại và sự thật*, NXB Văn hóa-thông tin, Hà Nội.
- [12]. Ngô Văn Doanh, (1996), *Tháp cổ Chăm Pa, huyền thoại và sự thật*, NXB Trẻ.
- [13]. Ngô Văn Doanh, (1998), *Danh thắng và kiến trúc Đông Nam Á*, NXB Văn hóa – Thông tin.
- [14]. Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hoá cổ Chămpa*, NXB Văn hoá Dân tộc.
- [15]. Ngô Văn Doanh (2003), *Thánh địa Mỹ Sơn*, NXB Trẻ, TP HCM.

- [16]. Ngô Văn Doanh (2000), *Tháp cổ Chămpa: Hiện trạng di tích, kỹ thuật xây dựng, chức năng và các phong cách*, Tham luận tại hội thảo kỹ thuật lần thứ nhất trùng tu các di tích đền tháp Chămpa.
- [17]. Huỳnh Thị Được (2005), *Điều khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ*, NXB Đà Nẵng.
- [18]. G.L. Maspéro (1928), *Vương quốc Champa (Le royaume du Champa)*, Le royaume de Champa. Paris et Bruxelles, Les Editions Van Oest
- [19]. Hoàng Ngọc Hiệp, Trần Minh Đức, *Nghiên cứu vữa dầu rái*, Viện KHCN xây dựng, Bài nghiên cứu.
- [20]. H.Parmentier (1908 – 1918), *Thống kê - khảo tả các di tích Chăm ở Trung bộ Việt Nam*, Pull E.F.E.O, Paris, Leroux
- [21]. Nguyễn Đức Hiệp (2005), *Lâm Ấp, Champa và di sản*, bài viết trên tạp chí Vietsciences đăng ngày 14/4/2015.
- [22]. Nguyễn Thượng Hỷ, Hoàng Văn Toán,(1987), tham luận *Phương án trùng tu – phục hồi và khai quật khu Tháp Khương Mỹ*, Tạp chí Khảo cổ học 01/1987
- [23]. Nguyễn Quốc Hùng (2000), tham luận *Tu bổ đền tháp Chăm: Thực trạng và giải pháp*.
- [24]. Inrasara (2003), *Văn hoá - xã hội Chăm, nghiên cứu và đối thoại*, NXB Văn học.
- [25]. J.Boisselier (1963), *La statuaire du Champa*, Paris
- [26]. Tạ Quốc Khánh ( 2012), *Đặc sắc Kiến trúc Đền Tháp Champa*, Văn hóa – Nghệ thuật.
- [27]. Nguyễn Minh Khang (2015), *Nhóm đền tháp Hòa Lai – Ninh Thuận trong hệ thống đền tháp miền Trung Việt Nam*, Luận án tiến sỹ khảo cổ học, Hà Nội.
- [28]. Hoàng Đạo Kính, "Bảo tồn các di tích văn hóa Chăm: Một vài vấn đề lý luận và thực tiễn", T/c Kiến trúc số 3 (83), tr 40-43, Hà Nội -2000
- [29]. Hoàng Đạo Kính, *Di sản văn hóa Bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa -

Thông tin, Hà Nội -2002

- [30]. Hoàng Đạo Kính và Kazimiez Kwiatkowski, "Năm năm tu sửa tháp Chăm (1981-1985)", *T/c Khảo cổ học* số 3, tr 55, Hà Nội - 1985.
- [31]. Hoàng Đạo Kính, *Những định hướng và giải pháp cơ bản trong trùng tu các di tích ở Mỹ Sơn, Di tích Mỹ Sơn*, Sở văn hóa thông tin Quảng Nam -1999.
- [32]. L.Finot (1901) *La religion des Chams d'après des monuments*, Pais
- [33]. Trần Kỳ Phương (1988), *Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chăm*, NXB Đà Nẵng.
- [34]. Trần Kỳ Phương (2012), *Khảo Luận Về Kiến Trúc Đền-Tháp Champa Tại Miền Trung Việt Nam I & 2*.
- [35]. Trần Long (2009), *Những bí ẩn tháp Chăm*, Văn hóa học, ĐHQG Tp HCM
- [36]. Maspero (1928), *Histoire du royaume Champa, Librairie National d'Art et d'Histoire*, Paris.
- [37]. Michael Freeman & Claude Jacques, *Ancient Angkor*.
- [38]. Lê Đình Phụng (2004), *Kiến trúc-Điêu khắc ở Mỹ Sơn, Di sản văn hóa thế giới*, NXB KH-XH, Hà Nội.
- [39]. Nguyễn Thanh Quang, (2005), *Chất kết dính trong kỹ thuật xây dựng Tháp Chăm: Vẫn còn là một ẩn số!*, Báo Bình Định.
- [40]. Quảng Văn Sơn (2013), *Thử nhìn lại kỹ thuật xây dựng Tháp Champa*, Bài viết
- [41]. Sở VH-TT Quảng Nam (2004), *Tham luận hội thảo khoa học Bảo tồn di sản văn hóa Mỹ Sơn-Hội An*, Hội An.
- [42]. Sở VH-TT Quảng Nam (2002), *Di tích Mỹ Sơn*, Kỷ yếu.
- [43]. Sở VH-TT-DL Đà Nẵng (2012), *Những đánh giá, thống kê sơ bộ các di tích cổ trên địa bàn Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng.
- [44]. Nguyễn Hữu Thông (2009), *Một giả thiết về Champa*, Bài viết trên Báo Lao Động Cuối Tuần số 36, Truy cập 15h ngày 20/6/2014 tại <http://www.laodong.com.vn/Home/Chua-han-da-co-mot-vuong-quoc-Champa-hoan-chinh-o-mien-Trung/20099/153879.laodong>,

- [45]. Ngô Thị Ngọc Thuận (2014), *Nghệ thuật Kiến trúc và Điêu khắc của người Chăm Ninh Thuận*, Nxb Ninh Thuận
- [46]. Phan Văn Tường, Trần Ngọc Tuyền, *Nghiên cứu các mẫu gạch cổ của Tháp Chăm Mỹ Khánh – Thừa Thiên Huế*, Tạp chí khoa học – Đại Học Quốc Gia Hà Nội
- [47]. Võ Văn Thắng (chủ biên) (2014), *Di tích Chăm tại Đà Nẵng & những phát hiện mới*, Nxb Đà Nẵng.
- [48]. Lưu Trần Tiêu, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Quốc Hùng (2000), *Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hóa Chăm*, Nxb Văn hóa dân tộc *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, 1995
- [49]. UBND H. Duy Xuyên (2001), *Mỹ Sơn - Di sản thế giới*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật.
- [50]. Trần Bá Việt (2005), *Nghiên cứu Kỹ thuật xây dựng Tháp Champa phục vụ trùng tu & phát huy di tích*, Nxb Xây Dựng.
- [51]. Trần Bá Việt (chủ biên) (2007), *Đền tháp Champa – Bí ẩn xây dựng*, NXB Xây Dựng.
- [52]. Viện khoa học công nghệ xây dựng (2004), *Kỹ thuật xây dựng các đền, tháp Chăm*, Đề tài nghiên cứu, Hà Nội.
- [53]. Viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật Việt Nam, phân Viện miền Trung tại Tp Huế (2002), *Champa - Tổng mục lục các công trình nghiên cứu*.
- [54]. Phạm Đình Việt (2008), *Bảo Tồn Di Sản Kiến Trúc Và Đô Thị*, Giáo Trình.
- [55]. Trần Quốc Vượng (2002), *Miền Trung Việt Nam và văn hóa Champa (Một cái nhìn địa - văn hóa)*, Bài viết trên trang Đại học quốc gia Hà Nội.
- [56]. Lê Thành Vinh (2011), *Bảo tồn nhóm tháp G khu di tích Mỹ Sơn – Những thành công và hạn chế*, Bài nhận xét trên báo Quảng Nam
- [57]. Lê Thành Vinh (chủ nhiệm) (2018), *Nghiên cứu thực nghiệm về vật liệu và kỹ thuật xây dựng của kiến trúc Chăm tại khu di tích Mỹ Sơn*, Đề tài KH&CN, Bộ KH&CN.